



CHỈ SỐ NĂNG LỰC
CẠNH TRANH
CẤP TỈNH
PCI
2015

**Hồ sơ 63 tỉnh,
thành phố Việt Nam**

VCCI



USAID
TƯ NHÂN DÂN MỸ



Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam - VCCI

Trung tâm Thương mại Quốc tế
9 Đào Duy Anh, Hà Nội, Việt Nam
Tel: (84-4) 3574-2022
Fax: (84-4) 3574-2020
www.vcci.com.vn



USAID
TỬ NHÂN DÂN MỸ

Cơ quan Phát triển Quốc tế Hoa Kỳ - USAID/Việt Nam

Tầng 15, Tòa nhà Tung Shing,
Số 2 Ngô Quyền
Hà Nội, Việt Nam
Tel : (84-4) 3935-1260
Fax : (84-4) 3935-1265
www.usaid.gov/vietnam



PCI2015

CHỈ SỐ NĂNG LỰC CẠNH TRANH CẤP TỈNH 2015

**HỒ SƠ 63 TỈNH,
THÀNH PHỐ VIỆT NAM**

LỜI NÓI ĐẦU

Bạn đọc đang cầm trên tay cuốn Báo cáo thường niên Chỉ số Năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) của Việt Nam lần thứ 11. Báo cáo này đánh dấu năm thứ ba Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI) độc lập xây dựng và thực hiện Chỉ số PCI với sự hỗ trợ của Cơ quan Phát triển Quốc tế Hoa Kỳ (USAID). Có thể coi đây là biểu tượng cho sự hợp tác quốc tế và hỗ trợ phát triển thành công, đóng góp vào sự phát triển kinh tế của Việt Nam và nâng cao năng lực của đối tác trong nước.

Trong suốt 11 năm qua, chúng tôi vẫn tiếp tục hành trình đưa PCI trở thành tiếng nói đại diện cho nhu cầu và nguyện vọng của cộng đồng doanh nghiệp dân doanh Việt Nam, truyền tải trực tiếp và mạnh mẽ tiếng nói này tới các nhà hoạch định chính sách ở cả cấp trung ương và địa phương. Sứ mệnh này, giờ đây, đã vượt xa hơn những kỳ vọng hay hình dung ban đầu của nhóm nghiên cứu. Doanh nghiệp trong và ngoài nước tìm đến PCI như là công cụ hỗ trợ quan trọng để quyết định lựa chọn địa điểm và mở rộng sản xuất kinh doanh. Lãnh đạo các địa phương sử dụng PCI làm thước đo thành công của các chương trình cải cách về điều hành kinh tế, cũng như xác định những kinh nghiệm, bài học thực tiễn tốt từ những nơi khác để áp dụng tại địa phương mình. Các đại biểu dân cử và hiệp hội doanh nghiệp sử dụng PCI để giám sát hoạt động cải thiện môi trường kinh doanh cấp địa phương. Các nhà hoạch định chính sách trung ương tham khảo các chỉ tiêu của PCI làm tiêu chí đánh giá cho nhiều chính sách cải cách kinh tế. Giới nghiên cứu, học giả từ khắp nơi trên thế giới khai thác bộ dữ liệu PCI cho các nghiên cứu, phân tích khoa học của mình. Nhiều phóng viên trích dẫn PCI để minh họa cho các bài báo phân tích, đánh giá các vấn đề tại địa phương. Một số tổ chức phát triển cũng sử dụng PCI để xác định và đánh giá hiệu quả các chương trình hỗ trợ của mình tại Việt Nam.

Một chỉ báo về sự gia tăng mức độ tin cậy của PCI là số lượng các doanh nghiệp tham gia, phản hồi cuộc điều tra này. Tính cả doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài, doanh nghiệp dân doanh đang hoạt động và doanh nghiệp mới thành lập, điều tra PCI 2015 thu hút hơn 11.700 lượt tham gia. Loại bỏ những doanh nghiệp sai địa chỉ hoặc không liên lạc được, con số này tương đương với tỉ lệ phản hồi 60%. Sau 11 năm, sự nhiệt tình hưởng ứng của cộng đồng doanh nghiệp đối với cuộc khảo sát này là minh chứng cho thấy PCI đang trở thành một công cụ không thể thiếu trong các hoạt động của họ. Sự tin tưởng này đặc biệt quan trọng đối với chúng tôi, bởi lẽ các phân tích, nghiên cứu trong báo cáo này sẽ không thể duy trì nếu không có sự phản hồi khách quan và thẳng thắn của cộng đồng doanh nghiệp.

Ngoài bảng xếp hạng PCI truyền thống, báo cáo năm nay hi vọng đáp ứng tốt hơn nhu cầu của các nhà hoạch định chính sách Việt Nam. Hướng tới chương trình chính sách cho năm 2016, nhóm nghiên cứu xác định bốn ưu tiên cho các nhà cải cách Việt Nam, qua việc cung cấp những kết quả nghiên cứu phù hợp để hỗ trợ họ đưa ra các sáng kiến cải cách kinh tế mới nhất. Theo đó, Chương hai của báo cáo trình bày các phân tích chi tiết về cách thức cải thiện môi trường kinh doanh thuận lợi cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa, khu vực chiếm 98% tổng số doanh nghiệp Việt Nam và là động lực quan trọng để phát triển kinh tế và tạo việc làm trong thời gian tới. Phần đầu Chương ba trình bày nghiên cứu về cách thức tăng cường hiệu ứng lan tỏa của công nghệ và năng suất lao động từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài cho các doanh nghiệp dân doanh trong nước. Phần thứ hai cũng trong Chương ba cung cấp thông tin cho việc xây dựng các chương trình cải cách nhằm thu hút đầu tư nước ngoài sắp tới. Nếu trước đây nhiều nỗ lực cải cách tập trung vào việc thu hút đầu tư, thì thời gian tới, cần hướng tới giảm thiểu các rủi ro của môi trường kinh doanh sau khi nhà đầu tư đã lựa chọn Việt Nam. Trong đó, nhóm nghiên cứu nhấn mạnh tới việc tăng cường tính minh bạch, giúp các nhà đầu tư tiếp cận dễ dàng hơn những tài liệu kế hoạch

của các địa phương. Cuối cùng, Chương bốn tiếp tục phản ánh mức độ hiểu biết và kỳ vọng của các doanh nghiệp trong nước và doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài về Hiệp định đối tác xuyên Thái Bình Dương, với hy vọng sẽ cung cấp những thông tin hữu ích cho các thay đổi chính sách, pháp luật cần thiết để thực hiện Hiệp định toàn diện này.

Chúng tôi tin rằng Báo cáo *Chỉ số Năng lực cạnh tranh cấp tỉnh PCI 2015* sẽ tiếp nối những tiêu chuẩn cao đã được xác lập bởi các báo cáo PCI trước đây. Chúng tôi hi vọng các bên có liên quan sẽ có thêm những cách thức mới và sáng tạo khi sử dụng PCI để đưa ra các quyết định cải thiện chính sách, góp phần đưa nền kinh tế Việt Nam phát triển bền vững trong tương lai.

Tiến sỹ Vũ Tiến Lộc



Chủ tịch
Phòng Thương mại và Công nghiệp
Việt Nam

Joakim Parker



Giám đốc
Cơ quan Phát triển Quốc tế Hoa Kỳ
tại Việt Nam

LỜI CẢM ƠN

Chỉ số Năng lực cạnh tranh cấp tỉnh 2015 là kết quả của nỗ lực hợp tác nghiên cứu giữa Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI) và Cơ quan Phát triển Quốc tế Hoa Kỳ (USAID).

Chỉ số PCI được xây dựng, phát triển dưới sự chỉ đạo của Ông Vũ Tiến Lộc, Chủ tịch VCCI và Ông Đậu Anh Tuấn, Trưởng Ban Pháp chế VCCI, Giám đốc Dự án PCI; với sự hỗ trợ và đóng góp rất quan trọng của Ông Joakim Parker, Giám đốc USAID Việt Nam. Tiến sỹ Michael Trueblood, Trưởng Ban Phát triển Kinh tế và Điều hành và Bà Lê Thị Thanh Bình, Ban Phát triển Kinh tế và Điều hành, USAID Việt Nam đóng góp những nhận xét và bình luận rất có giá trị cho báo cáo, đồng thời hỗ trợ quản lý dự án PCI.

Tiến sỹ Edmund Malesky, Giáo sư Kinh tế, Đại học Duke, Hoa Kỳ, chịu trách nhiệm chính phát triển, xây dựng phương pháp nghiên cứu và trình bày các kết quả phân tích.

Tiến sỹ Malesky được hỗ trợ bởi nhóm nghiên cứu PCI gồm Phạm Ngọc Thạch và Nguyễn Ngọc Lan, Ban Pháp chế, VCCI cùng tham gia thiết kế và xây dựng Chương 1 và Chương 2 của báo cáo PCI. Lê Quốc Anh, Nghiên cứu sinh tại trường Đại học Duke, Hoa Kỳ phụ trách phần 3 của Chương 3. Toàn bộ quá trình điều tra và nghiên cứu PCI được sự điều phối và hỗ trợ hiệu quả của bà Lê Thanh Hà và bà Nguyễn Thị Thu Hằng, Ban Pháp chế, VCCI.

Báo cáo PCI sẽ không thể thực hiện được nếu không có một quy trình khảo sát doanh nghiệp nghiêm ngặt và chất lượng, do 50 cộng tác viên thực hiện, dưới sự quản lý và điều phối của bà Nguyễn Lê Hà và ông Nguyễn Hồng Vương, Ban Pháp chế, VCCI.

Quá trình thực hiện điều tra và xây dựng báo cáo PCI 2015 còn có sự hỗ trợ nhiệt tình, hiệu quả của bà Bùi Linh Chi, ông Nguyễn Vũ Quý và bà Nguyễn Diệu Linh, Ban Pháp chế, VCCI.

Trân trọng cảm ơn Hoạ sĩ Henry Appiah, người Ghana, đã cho phép chúng tôi sử dụng hình ảnh bức tranh Nhịp trống (Drum Beat) làm ý tưởng cho thiết kế báo cáo năm nay.

Cuối cùng, chúng tôi xin gửi lời cảm ơn đặc biệt tới các chuyên gia đã nhiệt tình đóng góp ý kiến xây dựng chỉ số PCI thời gian qua: Bà Phạm Chi Lan, Chuyên gia kinh tế cao cấp; Tiến sỹ Lê Đăng Doanh, Chuyên gia kinh tế cao cấp; Ông Vũ Quốc Tuấn, Chuyên gia cao cấp; Ông Trần Hữu Huỳnh, Chủ tịch Trung tâm Trọng tài Quốc tế Việt Nam; Ông Phan Trung Can, Giám đốc Trung tâm Hỗ trợ DNNVV tỉnh Bình Thuận; Ông Đỗ Hải Hồ, Giám đốc Sở Ngoại vụ tỉnh Hòa Bình; Tiến sỹ Võ Hùng Dũng, Giám đốc và ông Nguyễn Phương Lam, Phó Giám đốc Chi nhánh VCCI tại Cần Thơ; Ông Nguyễn Cường, Giám đốc, ông Nguyễn Diễn và ông Nguyễn Tiến Quang, Phó Giám đốc Chi nhánh VCCI tại Đà Nẵng; Ông Phạm Bình An, Giám đốc Trung tâm Hỗ trợ Hội nhập WTO TP. HCM; Ông Nguyễn Văn Thời, Chủ tịch Hiệp hội doanh nghiệp tỉnh Thái Nguyên; Tiến sỹ Nguyễn Văn Thắng, Đại học Kinh tế Quốc dân; Ông Nguyễn Minh Phong, Phó Vụ trưởng, Phó Ban Tuyên truyền lý luận, Báo Nhân dân; Ông Nguyễn Văn Hùng, Phó Viện trưởng, Viện Nghiên cứu phát triển kinh tế xã hội, TP. Đà Nẵng; Ông Lê Duy Bình, Giám đốc Economica Vietnam; Ông Phan Nhật Thành, Trưởng phòng Kinh tế ngành, Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hải Dương; ông Đặng Quang Vinh, Viện Nghiên cứu Quản lý Kinh tế Trung ương, Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

MỤC LỤC

LỜI NÓI ĐẦU.....	i
LỜI CẢM ƠN	iv
TÓM TẮT	1
Chương 1: Điều tra doanh nghiệp dân doanh và chỉ số Năng lực cạnh tranh cấp tỉnh 2015	1
Chương 2: Môi trường kinh doanh Việt Nam qua lăng kính các doanh nghiệp nhỏ và vừa	6
Chương 3: Điều tra doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài	12
Chương 4: Cảm nhận của doanh nghiệp về Hiệp định đối tác xuyên Thái Bình Dương	17
Bảng xếp hạng PCI 63 tỉnh, thành phố Việt Nam	21
Kết quả xếp hạng các vùng của Việt Nam	24
Hồ sơ 63 tỉnh, thành phố Việt Nam.....	31

TÓM TẮT

CHƯƠNG 1: ĐIỀU TRA DOANH NGHIỆP DÂN DOANH VÀ CHỈ SỐ NĂNG LỰC CẠNH TRANH CẤP TỈNH PCI 2015

Báo cáo Năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) năm thứ 11: Chỉ số PCI được xây dựng nhằm đánh giá môi trường kinh doanh, chất lượng điều hành kinh tế và nỗ lực cải cách hành chính của chính quyền các tỉnh, thành phố của Việt Nam, qua đó thúc đẩy sự phát triển của khu vực kinh tế tư nhân trong nước. Được thực hiện năm thứ 11 liên tiếp, báo cáo PCI đại diện cho tập hợp tiếng nói của cộng đồng doanh nghiệp dân doanh về chất lượng điều hành kinh tế của 63 tỉnh, thành phố Việt Nam.

Chỉ số PCI đo lường gì? Chỉ số PCI gồm 10 chỉ số thành phần, phản ánh các lĩnh vực điều hành kinh tế có tác động đến sự phát triển của khu vực kinh tế tư nhân. Một địa phương được coi là có chất lượng điều hành tốt khi có: 1) Chi phí gia nhập thị trường thấp; 2) Tiếp cận đất đai dễ dàng và sử dụng đất ổn định; 3) Môi trường kinh doanh minh bạch và thông tin kinh doanh công khai; 4) Chi phí không chính thức thấp; 5) Thời gian thanh tra, kiểm tra và thực hiện các quy định, thủ tục hành chính nhanh chóng; 6) Môi trường cạnh tranh bình đẳng; 7) Chính quyền tinh năng động, sáng tạo trong giải quyết vấn đề cho doanh nghiệp; 8) Dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp phát triển, chất lượng cao; 9) Chính sách đào tạo lao động tốt; và 10) Thủ tục giải quyết tranh chấp công bằng, hiệu quả.

Phương pháp luận PCI: Chỉ số PCI được xây dựng theo quy trình 3 bước, gồm: (i) Thu thập thông tin từ dữ liệu điều tra và các nguồn dữ liệu đã công bố khác; (ii) Tính toán 10 chỉ số thành phần và chuẩn hóa trên thang điểm 10; và (iii) Gán trọng số và tính điểm số PCI tổng hợp gồm điểm trung bình của 10 chỉ số thành phần trên thang điểm tối đa 100.

Chọn mẫu: Doanh nghiệp tham gia điều tra PCI được chọn mẫu ngẫu nhiên phân tầng nhằm đảm bảo tính đại diện của cộng đồng doanh nghiệp tại từng tỉnh, theo các tiêu chí: tuổi doanh nghiệp, loại hình kinh doanh và ngành nghề.

Quy mô mẫu: Tổng số doanh nghiệp tham gia phản hồi điều tra PCI năm 2015 là 8.335 doanh nghiệp, đạt tỉ lệ gần 30%. Nếu loại trừ số doanh nghiệp không liên hệ được do sai địa chỉ hoặc đã đóng cửa doanh nghiệp, tỉ lệ phản hồi điều tra thực tế lên tới 60%.

Doanh nghiệp mới thành lập: Năm nay, điều tra PCI mở rộng, chọn ngẫu nhiên 1.823 doanh nghiệp mới thành lập trong năm 2015 nhằm đánh giá chính xác hơn công tác đăng ký doanh nghiệp ở các địa phương.

Triển vọng kinh doanh khởi sắc trong năm 2015

Tốc độ tăng trưởng kinh tế cao: Kết quả điều tra PCI 2015 cho thấy dấu hiệu khởi sắc về môi trường kinh doanh. Tỉ lệ doanh nghiệp trong nước tăng quy mô đầu tư vốn tiếp tục tăng nhẹ (10,9%). Lần đầu tiên trong vòng 10 năm, quy mô vốn trung bình của doanh nghiệp đã tăng đến mức cao nhất, trung bình là 16,5 tỉ đồng, gấp đôi so với quy mô của năm 2006. Tỷ lệ doanh nghiệp tuyển dụng thêm lao động cũng tăng gần gấp đôi (12%) so với mức đáy của năm 2012.

Doanh nghiệp lạc quan hơn về triển vọng kinh doanh: Năm 2015, gần một nửa (49%) doanh nghiệp dự kiến sẽ mở rộng quy mô kinh doanh trong vòng 2 năm tới, lần lượt tăng 3% và 16% so với năm 2014 và 2013. Đây cũng là mức cao nhất của chỉ tiêu này trong vòng 5 năm công bố báo cáo PCI gần đây.

Chỉ số Năng lực cạnh tranh cấp tỉnh PCI năm 2015

Điểm trung vị PCI 2015 tương đối ổn định: Năm nay, điểm tỉnh trung vị PCI đạt 58,47 điểm, tương đương mức điểm năm 2014 nhưng cải thiện đáng kể và có ý nghĩa so với năm 2013. Lần đầu tiên sau 4 năm, khoảng cách giữa nhóm đầu bảng và cuối bảng đã bắt đầu được nới rộng. Đây có thể là tín hiệu cho thấy các tỉnh “ngôi sao” đang nỗ lực cải cách mạnh mẽ hơn trong bối cảnh Việt Nam bắt đầu bước vào giai đoạn hội nhập kinh tế quốc tế mới. Cụ thể, điểm số PCI của Đà Nẵng hiện đạt mức tăng cao nhất kể từ năm 2012, gần 1,5 điểm. Trong khi đó, PCI của tỉnh thấp nhất đã giảm hơn 1 điểm, quay về mốc điểm xuất phát năm 2013 (48,9 điểm).

Đà Nẵng tiếp tục dẫn đầu bảng xếp hạng: Năm 2015 là năm thứ 3 liên tiếp Đà Nẵng trụ vững tại ngôi đầu bảng với số điểm 68,34, ghi nhận lần thứ 6 thành phố này dẫn đầu cả nước kể từ khi chỉ số PCI được công bố. Trung tâm hành chính tập trung của thành phố đi vào hoạt động từ tháng 9/2014 đã phát huy hiệu quả trong việc tiết kiệm nhiều thời gian, công sức, tiền bạc cho cả người dân, doanh nghiệp lẫn cán bộ, công chức.

Các tỉnh xuất sắc khác: Sau Đà Nẵng là Đồng Tháp (66,39 điểm) và Quảng Ninh (65,75 điểm), những tỉnh đứng đầu của bảng xếp hạng với nhiều sáng kiến cải cách trong cải cách hành chính như tinh gọn bộ máy, công khai, minh bạch trong đánh giá và lựa chọn cán bộ. Hai địa phương tiếp theo nằm trong nhóm có chất lượng điều hành rất tốt của PCI 2015 lần lượt là Vĩnh Phúc (62,56 điểm) và Lào Cai (62,32 điểm).

Các thay đổi trong điều hành kinh tế cấp tỉnh theo thời gian

Những lĩnh vực cải thiện cụ thể: Khảo sát PCI năm nay ghi nhận những cải thiện ở lĩnh vực Gia nhập thị trường, Tính minh bạch, Dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp và Chi phí thời gian.

- **Gia nhập thị trường:** Thời gian chờ đăng ký và cấp giấy đăng ký doanh nghiệp đã được rút ngắn ở mức kỉ lục trong vòng 11 năm điều tra PCI. Hiện nay, kể cả thời gian chuẩn bị hồ sơ và đi lại, một doanh nghiệp trung bình chỉ mất 8 ngày để có giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp trong tay, thay vì 10-12 ngày như trước.
 - Thời gian để chuẩn bị và hoàn tất sửa đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp cũng giảm mạnh từ 7 xuống 5 ngày. Lưu ý rằng con số thời gian này đo lường thời gian thực tế mà doanh nghiệp thực hiện chứ không phải thời gian thủ tục ghi nhận tại các phòng đăng ký kinh doanh.
- **Tính minh bạch:** Khả năng tiếp cận các tài liệu kế hoạch cấp tỉnh như bản đồ quy hoạch sử dụng đất, kế hoạch xây dựng cơ sở hạ tầng được cải thiện.
 - Đặc biệt, điểm số website trung bình của các địa phương tăng cao nhất trong 3 năm qua (30/54 điểm), khi website, cổng thông tin điện tử của chính quyền các tỉnh, thành phố dần trở thành kênh cung cấp thông tin hữu ích cho doanh nghiệp. Tỷ lệ doanh nghiệp truy cập vào cổng thông tin điện tử các tỉnh, thành phố tăng mạnh từ 64% (2014) lên 72%.
 - Các hiệp hội doanh nghiệp địa phương cũng dần nâng cao được vai trò của mình trong công tác xây dựng và phản biện chính sách, với 43% số doanh nghiệp tham gia khảo sát đánh giá cao vai trò này của các hiệp hội.
- **Chi phí thời gian thực hiện các thủ tục hành chính:** Năm 2015 cũng đánh dấu những cải thiện trong công tác cải cách hành chính với nhiều doanh nghiệp nhỏ ghi nhận thủ tục, giấy tờ đơn giản hơn (51%), doanh nghiệp không phải đi lại nhiều lần để lấy con dấu và

chữ ký (61%), cán bộ nhà nước làm việc hiệu quả (67%) và thân thiện, nhiệt tình (59%).

- Đặc biệt, các nỗ lực cải cách thủ tục hành chính của ngành thuế cũng được ghi nhận rõ nét. Hiện nay, thời gian thanh tra thuế đã giảm đáng kể từ 8 giờ xuống còn 4,5 giờ đối với trung bình một cuộc thanh tra, mức thấp nhất trong vòng 3 năm trở lại đây.

Các lĩnh vực cần cải thiện: Điều tra PCI 2015 cho thấy một vài xu hướng đáng lo ngại khi các nỗ lực cắt giảm chi phí không chính thức cũng như tạo ra sân chơi bình đẳng cho khu vực kinh tế tư nhân chưa phát huy hiệu quả.

- **Chi phí không chính thức:** Tỷ lệ doanh nghiệp cho biết chi trả chi phí này tăng qua các năm, từ 50% (2013), lên tới 64,5% (2014) và 66% (2015).
 - Hơn 11% doanh nghiệp tham gia điều tra năm nay cho biết các khoản chi cho riêng mục này chiếm tới hơn 10% tổng doanh thu của họ, tăng nhẹ so với 2014 (10%).
 - Vẫn có 65% doanh nghiệp cho biết tình trạng những nhiễu khi giải quyết thủ tục cho doanh nghiệp là phổ biến.
- **Cạnh tranh bình đẳng:** Tại tình trung vị trong khảo sát PCI 2015, 39% doanh nghiệp vẫn cho biết “tình ưu ái cho các tổng công ty, tập đoàn của Nhà nước gây khó khăn cho doanh nghiệp”, tăng 4% (có ý nghĩa về mặt thống kê) so với năm 2014. Đồng thời, gần 49% doanh nghiệp cho rằng “tình ưu tiên thu hút đầu tư nước ngoài hơn là phát triển khu vực tư nhân trong nước”, tăng 6% so với năm trước đó.

Chỉ số Cơ sở hạ tầng PCI năm 2015

- **Phương pháp luận:** Chỉ số cơ sở hạ tầng hợp thành bởi 4 chỉ số thành phần, đánh giá chất lượng của: (1) khu công nghiệp; (2) đường giao thông; (3) các dịch vụ năng lượng và điện thoại; và (4) dịch vụ Internet.
- **Kết quả:** Bình Dương, Đà Nẵng, Đồng Nai, Vĩnh Phúc và thành phố Hồ Chí Minh là 5 tỉnh, thành phố được các doanh nghiệp dân doanh đánh giá tốt nhất về cơ sở hạ tầng. So sánh bảng xếp hạng PCI và chỉ số Cơ sở hạ tầng, có thể thấy rằng trong khi nhiều địa phương biết khắc phục những hạn chế về hạ tầng bằng chất lượng điều hành tốt, tạo thuận lợi cho môi trường kinh doanh thì vẫn còn không ít nơi chưa phát huy hết những lợi thế sẵn có của mình để tăng cường thu hút đầu tư thông qua những giá trị gia tăng như tạo dựng môi trường kinh doanh thông thoáng, thân thiện cho doanh nghiệp. Chúng tôi tin rằng các nỗ lực cải thiện cả hai thước đo này đều có tầm quan trọng như nhau và đều là những nhân tố quyết định tới sự phát triển kinh tế của mỗi địa phương.

CHƯƠNG 2: MÔI TRƯỜNG KINH DOANH VIỆT NAM QUA LĂNG KÍNH CỦA CÁC DOANH NGHIỆP NHỎ VÀ VỪA

Số lượng doanh nghiệp nhỏ và vừa (DNNVV) chiếm tỷ trọng lớn trong tổng các doanh nghiệp tại Việt Nam. Theo Sách Trắng DNNVV Việt Nam năm 2014 do Bộ Kế hoạch và Đầu tư công bố, có tới 97,6% doanh nghiệp đang hoạt động tại Việt Nam là các DNNVV. Khu vực này giữ vai trò quan trọng đối với sự phát triển kinh tế của bất cứ một địa phương hay quốc gia nào. Không phải địa phương nào cũng có điều kiện hay năng lực thu hút nguồn vốn đầu tư bên ngoài, hầu hết các nơi đều phải dựa vào nguồn nội lực, hay chính là các doanh nghiệp bản địa, để duy trì sức sản xuất và vận

hành của nền kinh tế. Nhiều trường hợp thành công như Ba Lan, Chi-lê, Đài Loan hay Ghana cũng đã chứng minh thực tế rằng các DNNVV hoàn toàn có khả năng trở thành động lực phát triển tại các thị trường mới nổi. Vì vậy, tạo ra môi trường thân thiện, thuận lợi cho khu vực này phát triển là đòi hỏi cấp thiết.

Được thiết kế riêng, phục vụ cho quá trình xây dựng dự thảo Luật hỗ trợ DNNVV, báo cáo PCI 2015 đã dành một chương để phản ánh ý kiến của các DNNVV về môi trường kinh doanh năm 2015 trên cơ sở kết quả khảo sát doanh nghiệp. Một báo cáo riêng chi tiết hơn về những vấn đề mà DNNVV gặp phải sẽ được VCCI hoàn thành và công bố trong năm 2016. Đây là một nỗ lực của VCCI và USAID vì sự phát triển của cộng đồng doanh nghiệp nhỏ và vừa Việt Nam trong thời gian tới. Dưới đây là tóm lược bức tranh toàn cảnh về những khó khăn, thuận lợi của các DNNVV từ khi khởi sự kinh doanh cho tới cả quá trình hoạt động:

Bức tranh chung về doanh nghiệp nhỏ và vừa của Việt Nam

- *Phần lớn DNNVV hình thành từ hộ kinh doanh:* Nhiều doanh nghiệp nhỏ và vừa đi lên từ các mô hình sản xuất gia đình, cá thể nhỏ lẻ, khi có cơ hội kinh doanh thì thành lập doanh nghiệp. Khảo sát PCI 2015 cho thấy có tới 77% các doanh nghiệp siêu nhỏ và 69% doanh nghiệp nhỏ đi lên từ mô hình hộ kinh doanh.
- *Trình độ học vấn chung của chủ DNNVV tương đối cao và xuất thân đa dạng:* Đa phần chủ DNNVV tốt nghiệp đại học (gần 60%). Một số chủ doanh nghiệp từng là lãnh đạo trong các cơ quan nhà nước (3-5%), một số từng làm công tác quản lý tại DNNN (8-11%) và có không ít người đã từng làm nhân viên tại DNNN (14-15%).
- *Phụ thuộc vào thị trường nội địa.* Các doanh nghiệp dân doanh trong nước phần lớn vẫn quần quanh ở thị trường nội địa. Chỉ có 3% doanh

ng nghiệp siêu nhỏ, 4% doanh nghiệp nhỏ và gần 9% doanh nghiệp quy mô vừa có khách hàng là các cá nhân, doanh nghiệp ở nước ngoài. Ngay cả các doanh nghiệp lớn trong nước, việc vươn được ra thị trường nước ngoài vẫn ở một tỉ lệ rất khiêm tốn (24%). Kết quả này góp phần lý giải cho tỷ trọng 70,7% của khối doanh nghiệp FDI trong tổng giá trị xuất khẩu của Việt Nam năm 2015. Doanh nghiệp Việt Nam cần phải chuẩn bị nhiều hơn để tận dụng các cơ hội thương mại đến từ các hiệp định lớn như Hiệp định thương mại tự do Việt Nam-Châu Âu (EVFTA) hay Hiệp định đối tác xuyên Thái Bình dương (TPP).

Vì sao doanh nghiệp nhỏ và vừa khó lớn?

- **Nhiều khó khăn khi mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh**

- *Nhiều hạn chế trong nắm bắt cơ hội thị trường:* Thực tế trong quá trình hoạt động kinh doanh, cảm nhận về thị trường, lợi nhuận hay sự hỗ trợ của chính quyền địa phương không được như kỳ vọng lúc khởi sự. Khoảng 20% doanh nghiệp siêu nhỏ và 14% doanh nghiệp quy mô nhỏ và vừa nhận thấy những cơ hội thị trường kém hơn so với kỳ vọng ban đầu, trong khi đó con số này của các doanh nghiệp quy mô lớn chỉ là 6%. Khoảng 32% doanh nghiệp siêu nhỏ, 29% doanh nghiệp nhỏ và doanh nghiệp quy mô vừa cho biết khả năng cạnh tranh trên thị trường tệ hơn so với kỳ vọng, con số này của các doanh nghiệp quy mô lớn chỉ là 22%
- *Kết quả hoạt động kinh doanh âm ảm:* Thực tế cho thấy kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của DNNVV năm 2014 tệ hơn nhiều so với các doanh nghiệp lớn. Tỷ lệ các DNNVV thua lỗ tương đối cao: 32% doanh nghiệp siêu nhỏ, 17% doanh nghiệp nhỏ và 16% doanh nghiệp quy mô vừa đã thua lỗ trong năm gần nhất, trong khi chỉ khoảng 10% doanh nghiệp lớn cùng chung cảnh ngộ này.

- *Mức độ lạc quan thấp:* Chỉ có 43% doanh nghiệp siêu nhỏ, 54% doanh nghiệp nhỏ cho biết họ dự kiến mở rộng quy mô kinh doanh trong 2 năm tiếp theo. Đối với các doanh nghiệp quy mô vừa và doanh nghiệp quy mô lớn, con số này đều là 66%.

- *Đánh giá về chất lượng điều hành kém tích cực:* Đánh giá về môi trường kinh doanh tại các địa phương năm 2015, DNNVV có cảm nhận tiêu cực hơn các doanh nghiệp lớn trên một số lĩnh vực: tiếp cận đất đai, tính minh bạch, cạnh tranh bình đẳng và hỗ trợ doanh nghiệp.
 - ♦ 87% DNNVV có đất, mặt bằng sản xuất kinh doanh song chỉ một nửa trong số này có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Chỉ 22% doanh nghiệp siêu nhỏ, 24% doanh nghiệp nhỏ và 29% doanh nghiệp quy mô vừa đánh giá mức độ ổn định của mặt bằng kinh doanh là cao hoặc rất cao; tỷ lệ này của các doanh nghiệp quy mô lớn là 31%.
 - ♦ Khoảng 75% các DNNVV cho biết họ phải cậy nhờ đến các mối quan hệ để tiếp cận thông tin. Bên cạnh đó, 54% doanh nghiệp siêu nhỏ và nhỏ cho biết “thỏa thuận về các khoản thuế phải nộp với cán bộ thuế là công việc quan trọng trong kinh doanh”.
 - ♦ Khoảng 65% doanh nghiệp nhỏ và siêu nhỏ cho biết hiện tượng chi trả chi phí không chính thức là thường xuyên.
 - ♦ DNNVV cũng khó tiếp cận các dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp. Chỉ 20-30% doanh nghiệp cho biết đã từng sử dụng các dịch vụ này. Ngoài ra, chỉ 51-61% doanh nghiệp nhỏ và vừa có thông tin về các chính sách ưu đãi của các cơ quan trung ương và địa phương, thấp hơn nhiều so với nhóm doanh nghiệp lớn (77%).

Những gánh nặng khiến DNNVV ngại lớn

- **Gánh nặng thanh, kiểm tra:** Năm gần nhất, 74% doanh nghiệp từng đón tiếp các đoàn thanh kiểm tra trong tất cả các lĩnh vực. Có một hiện tượng đáng lo ngại là các doanh nghiệp có quy mô càng lớn, gánh nặng về thanh kiểm tra càng cao. Các DNNVV thông thường phải tiếp đón 1-2 cuộc thanh kiểm tra (trung vị) trong năm. Với các doanh nghiệp quy mô lớn, con số này là khoảng 3 cuộc. Ngoài ra, 25% doanh nghiệp siêu nhỏ, doanh nghiệp nhỏ và 30% doanh nghiệp vừa cho biết nội dung thanh kiểm tra bị trùng lặp.
- **Gánh nặng về thủ tục hành chính:** 54% doanh nghiệp siêu nhỏ và 49% doanh nghiệp nhỏ đồng ý với nhận định “Thủ tục giấy tờ là đơn giản”. Các thủ tục hành chính về bảo hiểm xã hội, đất đai, hải quan, an toàn cháy nổ, lao động, bảo vệ môi trường, và thanh toán qua kho bạc đều là những lĩnh vực mà tỷ lệ doanh nghiệp thấy phiền hà gia tăng theo quy mô của doanh nghiệp.

Hàm ý chính sách

- DNNVV thời gian qua chưa phát triển mạnh mẽ bởi còn gặp nhiều khó khăn trong tiếp cận nguồn lực như đất đai, vốn, khó khăn trong nắm bắt thông tin chính sách và pháp luật, chịu gánh nặng về chi phí không chính thức, chưa được hưởng các dịch vụ hỗ trợ kinh doanh chất lượng cao với chi phí phù hợp.
- Báo cáo cho thấy thực tế đáng lo ngại là quy mô doanh nghiệp càng lớn thì gánh nặng về thủ tục hành chính, thanh, kiểm tra của các cơ quan nhà nước càng gia tăng.
- Để thúc đẩy sự phát triển của các DNNVV Việt Nam trong thời gian tới, cần tháo gỡ những khó khăn và rào cản mà nhóm doanh nghiệp này

đang gặp phải. Cụ thể:

- Cần thiết kế các chính sách hỗ trợ DNNVV phù hợp với các giai đoạn phát triển của doanh nghiệp. Đối với giai đoạn mới thành lập và đi vào hoạt động, cần giúp các doanh nghiệp ứng phó với các thách thức về tiếp cận vốn, tiếp cận đất đai, tìm kiếm khách hàng, nhà cung cấp, hỗ trợ về thủ tục hành chính.
- Nâng cao hiệu quả công tác thông tin về chính sách, pháp luật liên quan tới các DNNVV. Các thông tin về quy hoạch, kế hoạch tại các tỉnh thành phố cần cập nhật thường xuyên trên cổng thông tin của các tỉnh thành phố, nên là những thông tin chi tiết, dễ sử dụng đối với DNNVV. Cải thiện tính minh bạch của môi trường kinh doanh cũng là cách giảm bớt và xóa bỏ các chi phí không chính thức mà các DNNVV đang phải gánh chịu.
- Cải thiện chất lượng các dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp, trong đó cần xác định đúng đối tượng thụ hưởng là các DNNVV. Các cơ quan chính quyền địa phương cần tính toán rút khỏi việc cung cấp trực tiếp các dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp và chuyển giao cho các hiệp hội doanh nghiệp và khu vực tư nhân thực hiện chức năng này, nhà nước nên tập trung vào chức năng hoạch định chính sách và giám sát chất lượng dịch vụ.
- Các tỉnh, thành phố cần tiếp tục rà soát, cắt giảm các TTHC theo hướng đơn giản, dễ hiểu và dễ tiếp cận với doanh nghiệp và người dân. Trong đó cần tập trung vào một số lĩnh vực mà các DNNVV hiện đang gặp nhiều phiền hà như bảo hiểm xã hội, đất đai, thuế, hải quan, an toàn phòng chống cháy nổ, lao động, thanh toán qua kho bạc. Đồng thời, cần giảm bớt gánh nặng về thanh kiểm tra cho các doanh nghiệp, đặc biệt tránh trùng lặp, chồng chéo

- Cuối cùng, quá trình xây dựng những chính sách, pháp luật này cần mang tính hệ thống và có sự phối hợp hiệu quả giữa nhiều bộ, ngành, cả trung ương và địa phương. Cần tăng cường tham vấn cộng đồng doanh nghiệp để kịp thời nắm bắt những mong muốn và nhu cầu thực sự của các DNNVV.

CHƯƠNG 3: KẾT QUẢ ĐIỀU TRA DOANH NGHIỆP NƯỚC NGOÀI PCI-FDI

- *Khảo sát các nhà đầu tư nước ngoài ở Việt Nam năm thứ 6.* Khảo sát thu thập ý kiến của 1.584 doanh nghiệp FDI đến từ 43 quốc gia khác nhau, hoạt động tại 14 tỉnh, thành phố của Việt Nam có mật độ doanh nghiệp FDI tập trung cao nhất. Mặc dù điều tra PCI-FDI có thể không phải là khảo sát duy nhất về đầu tư nước ngoài tại Việt Nam, nhưng đây lại là điều tra lớn nhất và toàn diện nhất.
- *Tâm lý lạc quan của các doanh nghiệp FDI.* Năm 2015 vừa qua, 11% doanh nghiệp FDI cho biết đã tăng đầu tư hoạt động và 62% tuyển thêm lao động mới. Số lượng việc làm theo điều tra PCI-FDI được ghi nhận tăng cao nhất trong vòng 5 năm qua.
- *Các tín hiệu khởi sắc về triển vọng tương lai.* Theo nhiệt kế doanh nghiệp, tâm lý lạc quan về kế hoạch mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh trong thời gian tới đã tăng lên nhanh chóng. Năm vừa qua, gần một nửa số doanh nghiệp trong mẫu điều tra PCI-FDI cho biết có ý định tăng quy mô hoạt động.
- *Đặc điểm các doanh nghiệp FDI tại Việt Nam:* Tương tự như kết quả điều tra PCI-FDI các năm trước, doanh nghiệp FDI hoạt động tại Việt Nam vẫn chủ yếu là các doanh nghiệp quy mô nhỏ, hướng vào xuất khẩu và có mức lãi tương đối thấp. Họ thường cung cấp hàng hóa, dịch

vụ cho các nhà sản xuất lớn hơn hoặc tập đoàn đa quốc gia, do đó họ thường nằm ở những vị trí thấp trong chuỗi giá trị sản phẩm. Tương tự như nguồn vốn FDI đăng ký, đa phần các nhà đầu tư đến từ Châu Á, đặc biệt là Nhật Bản, Hàn Quốc, Đài Loan, Singapore và Trung Quốc.

Phân tích về khả năng hấp thụ vốn và hiệu ứng lan tỏa của doanh nghiệp FDI tại Việt Nam.

Doanh nghiệp FDI là nhân tố quan trọng, đóng góp vào việc tạo thêm việc làm, sản lượng công nghiệp và xuất khẩu của Việt Nam. Tuy nhiên, Việt Nam vẫn chưa tận dụng được hết những lợi ích từ các dòng vốn FDI, con số thâm hụt khổng lồ trong cán cân thanh toán của Việt Nam là một chỉ báo. Gần 30 năm sau khi Luật Đầu tư nước ngoài có hiệu lực, kết nối kinh doanh giữa các nhà đầu tư trong và ngoài nước vẫn còn mờ nhạt. Kết quả là, vẫn chưa thấy rõ hiệu ứng lan tỏa về công nghệ và năng suất lao động từ các đối tác nước ngoài đến các doanh nghiệp trong nước. Điều này đặc biệt đúng trong lĩnh vực công nghệ cao - lĩnh vực được các nhà hoạch định chính sách trong nước kỳ vọng về những tiến bộ của các doanh nghiệp tư nhân trong nước.

- Báo cáo này ghi nhận sự xuất hiện của những thay đổi, bởi ngày càng có thêm các doanh nghiệp FDI ký hợp đồng với các doanh nghiệp tư nhân trong nước trong 2 năm qua.
- Tuy nhiên, vẫn còn tồn tại những khác biệt giữa các địa phương, các lĩnh vực và các quốc gia xuất xứ. Đặc biệt các doanh nghiệp FDI sản xuất trong lĩnh vực công nghệ cao có xu hướng nhập hàng hóa đầu vào từ chính nước xuất xứ.
- *Những khác biệt này chủ yếu là do 3 yếu tố sau tạo nên: mối liên kết, khoảng cách địa lý giữa doanh nghiệp FDI và doanh nghiệp nội*

địa và khả năng hấp thụ đầu tư của các doanh nghiệp và người lao động trong nước.

- ♦ Nhằm tăng hiệu ứng lan tỏa, Việt Nam cần cải thiện hiệu quả các hoạt động đào tạo giúp nâng cao năng lực của người lao động và trình độ công nghệ của các doanh nghiệp trong nước, để từ đó thu lại được nhiều lợi ích từ FDI.
 - ♦ Khoảng cách địa lý: Hiệu quả tác động mạnh mẽ của khoảng cách về địa lý cho thấy chính sách ưu tiên hiện nay của các nhà hoạch định chính sách Việt Nam đối với các khu công nghiệp có thể vô hình trung làm suy giảm hiệu ứng lan tỏa.
 - ♦ Năng lực hấp thụ vốn: Nếu thiếu vắng những cải thiện căn bản về khả năng hấp thụ đầu tư, thì các chính sách ưu đãi thuế hay hỗ trợ khác vẫn sẽ không thể mang lại hiệu quả như mong muốn.
- *Năng lực cạnh tranh của Việt Nam trong thu hút các nhà đầu tư nước ngoài*
 - Khoảng nửa số doanh nghiệp FDI, trước khi lựa chọn Việt Nam, đã từng cân nhắc đầu tư vào nước khác (chủ yếu là Trung Quốc (27,9%), Thái Lan (21,2%) và Indonesia (12,6%)). Tỷ lệ cân nhắc các quốc gia này đều tăng so với năm ngoài và gần gấp đôi mức năm 2013.
 - Trong số nhà đầu tư nước ngoài đang cân nhắc quốc gia đầu tư, 83% đã chọn Việt Nam thay vì chọn các quốc gia khác, trong khi chỉ có 17% đầu tư vào Việt Nam như một phần của chiến lược đầu tư đa quốc gia.
 - Khi so sánh Việt Nam với các nước khác đang cân nhắc đầu tư, Việt Nam tiếp tục được đánh giá tốt ở các lĩnh vực như: mức thuế suất

thấp hơn, nguy cơ bị thu hồi tài sản thấp, khả năng tham gia vào quá trình hoạch định các chính sách có ảnh hưởng trực tiếp tới họ cao hơn và bất ổn chính sách thấp hơn.

- Các doanh nghiệp FDI đều chia sẻ chung cảm nhận là môi trường kinh doanh của Việt Nam đang kém hấp dẫn hơn các quốc gia cạnh tranh về chi phí không chính thức, gánh nặng thực hiện các quy định pháp luật, chất lượng dịch vụ hành chính công (giáo dục, y tế và các dịch vụ công khác) và chất lượng và độ ổn định của cơ sở hạ tầng.
- *Cảm nhận về rủi ro tại Việt Nam của các nhà đầu tư nước ngoài*
 - Các nhà đầu tư hiện tại coi Việt Nam là một môi trường tương đối an toàn để đầu tư kinh doanh so với các địa điểm khác.
 - ♦ 65% doanh nghiệp FDI cho rằng Việt Nam có ít rủi ro hơn và 30% cho rằng Việt Nam có mức độ rủi ro tương tự như các quốc gia cạnh tranh khác.
 - ♦ Những kết quả này đã được cải thiện đáng kể so với năm 2013.
 - Hai loại rủi ro chính mà doanh nghiệp FDI quan tâm:
 - ♦ Thứ nhất, phần lớn doanh nghiệp FDI bày tỏ quan ngại về rủi ro kinh tế vĩ mô, do những thay đổi về nền tài chính quốc tế hoặc trong nước. Mặc dù từ năm 2010, các nhà hoạch định chính sách Việt Nam đã thực hiện rất nhiều biện pháp để giảm thiểu những rủi ro này, song đây vẫn là mối lo ngại lớn đối với cộng đồng các nhà đầu tư nước ngoài.

- ♦ Thứ hai là rủi ro về các quy định do những thay đổi về quy định khiến lợi nhuận kinh doanh của họ bị giảm sút. Đáng chú ý, vấn đề này ngày càng nghiêm trọng kể từ năm 2014. Các phân tích sâu hơn cho thấy nguyên nhân chính của những quan ngại này lại không đến từ các yêu cầu khi gia nhập thị trường, mà từ chính các gánh nặng quy định liên quan đến quá trình vận hành doanh nghiệp và các cuộc thanh, kiểm tra của cơ quan quản lý.
 - ❖ Khoảng 70% số lượng các doanh nghiệp FDI cho biết họ phải bỏ ra trên 5% quỹ thời gian trong năm để giải quyết các thủ tục hành chính.
 - ❖ Cuối cùng, một số thay đổi đơn giản có thể mang lại dòng vốn đầu tư nhiều hơn, góp phần đổi mới và phát triển trong thu hút đầu tư nước ngoài.
 - ❖ Việt Nam chưa thể phát triển dựa trên những lợi ích này bởi việc tiếp cận những tài liệu quan trọng, đặc biệt là tài liệu về quy hoạch và dự toán ngân sách địa phương, có chiều hướng khó khăn hơn theo thời gian
 - ❖ Các doanh nghiệp FDI nhận định rằng việc tiếp cận thông tin càng khó khăn thì sự phụ thuộc của doanh nghiệp vào các mối quan hệ càng lớn, dẫn đến giảm chất lượng của nguồn thông tin khi họ tiếp cận được.

CHƯƠNG 4: CẢM NHẬN CỦA DOANH NGHIỆP VỀ HIỆP ĐỊNH ĐỐI TÁC XUYÊN THÁI BÌNH DƯƠNG

Ở Chương cuối này, chúng tôi quay trở lại phân tích về Hiệp định đối tác xuyên Thái Bình Dương (TPP), từng được đưa ra trong báo cáo PCI năm 2014, nhằm tìm hiểu sự thay đổi quan điểm của doanh nghiệp về Hiệp định này sau khi quá trình đàm phán đã kết thúc và hình hài của các thỏa thuận đã trở nên rõ ràng

Hiệp định TPP được kết thúc đàm phán vào ngày 5/10/2015 sau 7 năm thương thảo giữa các nước: Úc, Brunei, Canada, Chile, Nhật Bản, Malaysia, Mê-hi-cô, New Zealand, Peru, Singapore, Hoa Kỳ và Việt Nam. Mười hai quốc gia thành viên TPP đã ký kết hiệp định này vào ngày 4/2/2016, chính thức bắt đầu tiến trình phê chuẩn tại mỗi nước, dự kiến trong vòng 2 năm.

Qua khảo sát PCI đối với doanh nghiệp dân doanh và doanh nghiệp FDI, chúng tôi đánh giá được cảm nhận của các doanh nghiệp đang hoạt động tại Việt Nam, thăm dò mức độ hiểu biết, mức độ ủng hộ hiệp định nói chung và đối với các lĩnh vực cụ thể, dự đoán về tác động của hiệp định đối với hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, và thậm chí đánh giá mức độ tương tác của doanh nghiệp với cơ quan chính phủ và các nhà đàm phán. Các kết luận chính rút ra từ phân tích khảo sát của chúng tôi gồm:

- *Mức độ nhận thức và ủng hộ dành cho TPP trong cộng đồng các doanh nghiệp nói chung đã tăng lên.* Điều này là do các doanh nghiệp đã có những hiểu biết nhất định về TPP. Tỷ lệ doanh nghiệp biết tới hiệp định này tăng từ 68% năm 2014 lên 78% năm 2015. Trong khi đó, mức độ ủng hộ tăng từ 62% lên 72%.
 - Mức độ nhận thức và ủng hộ hiệp định của các doanh nghiệp đã tăng từ 2% đến 3% do cảm nhận rõ ràng hơn về việc Hoa Kỳ sẽ phê chuẩn hiệp định và thông qua các điều khoản đã được đàm phán.

Qua đó, có thể thấy được một trong những tính toán quan trọng về lợi ích mà doanh nghiệp có được từ TPP là khả năng thâm nhập vào thị trường Mỹ.

- Khảo sát năm 2015 cho thấy các doanh nghiệp trong nước có sự am hiểu về TPP thấp hơn (77%) so với các doanh nghiệp FDI tới từ các nước thành viên TPP (86%) và các doanh nghiệp FDI không tới từ các nước thành viên TPP (82%).
- Tuy nhiên, mức độ ủng hộ TPP của các doanh nghiệp trong nước lại cao nhất (73%) so với các doanh nghiệp FDI đến từ các nước thành viên TPP (67%) và các doanh nghiệp không tới từ các nước thành viên TPP (65%).
- *Tác động phân phối:* Khảo sát về mức độ nhận thức và ủng hộ của doanh nghiệp đối với TPP cho thấy những quan ngại về những tác động phân phối khi hiệp định này đi vào thực thi.
 - Kết quả so sánh cảm nhận giữa doanh nghiệp trong nước thuộc nhóm có khả năng hưởng lợi từ TPP với nhóm được dự đoán bị ảnh hưởng tiêu cực cho thấy nhóm doanh nghiệp bị ảnh hưởng hiểu biết ít hơn về các điều khoản của TPP và có xu hướng ủng hộ ít hơn việc thông qua hiệp định này.
 - Ngoài ra, có sự khác biệt lớn giữa các doanh nghiệp định hướng xuất khẩu trong nhóm được hưởng lợi với các doanh nghiệp trong nước về mức độ hiểu biết và ủng hộ hiệp định.
 - Phát hiện này cung cấp một vài gợi ý chính sách cần lưu ý. Nó cho thấy những doanh nghiệp bị ảnh hưởng tiêu cực từ TPP thường là những doanh nghiệp có sự hiểu biết rất ít về hiệp định.

- Phần lớn doanh nghiệp trong nước và doanh nghiệp FDI đều thể hiện quan điểm lạc quan, trong đó có các điều khoản về mở cửa thị trường và những vấn đề sau biên giới như quyền lợi của người lao động và DNNN.
- *Mức độ ủng hộ:* Các nhóm doanh nghiệp khác nhau có mức ủng hộ khác nhau đối với các điều khoản cụ thể của TPP:
 - Đối với các doanh nghiệp trong nước: mức độ ủng hộ giảm đối với bốn nội dung sau: 1) mở cửa thị trường; 2) đầu tư; 3) lao động và 4) DNNN. Mức giảm đáng kể chủ yếu rơi vào nhóm các doanh nghiệp định hướng kinh doanh nội địa, dự kiến chịu ảnh hưởng tiêu cực từ TPP. Tuy nhiên mức giảm thấp hơn cũng được ghi nhận ở các doanh nghiệp định hướng xuất khẩu.
 - Nhóm doanh nghiệp FDI đến từ các nước thành viên TPP: Các doanh nghiệp định hướng kinh doanh nội địa có mức ủng hộ rất cao đối với các điều khoản trong hiệp định, nhất là các điều khoản về đầu tư.
 - Ngược lại, các doanh nghiệp FDI định hướng xuất khẩu đến từ các nước thành viên TPP vẫn giữ nguyên mức ủng hộ đối với các điều khoản về mở cửa thị trường, trong khi giảm mức ủng hộ đối với lĩnh vực đầu tư và các chương về những vấn đề sau biên giới.
 - Đối với nhóm doanh nghiệp FDI đến từ các nước không thuộc TPP: Những doanh nghiệp định hướng thị trường nội địa vẫn bảo lưu quan điểm ủng hộ hiệp định thương mại này. Tuy nhiên những doanh nghiệp định hướng xuất khẩu lại không mấy lạc quan có lẽ do thách thức mà họ dự kiến phải đối mặt khi hiệp định có hiệu lực.



PCI2015

CHỈ SỐ NĂNG LỰC CẠNH TRANH CẤP TỈNH 2015

BẢNG XẾP HẠNG CHỈ SỐ PCI
63 TỈNH, THÀNH PHỐ VIỆT NAM



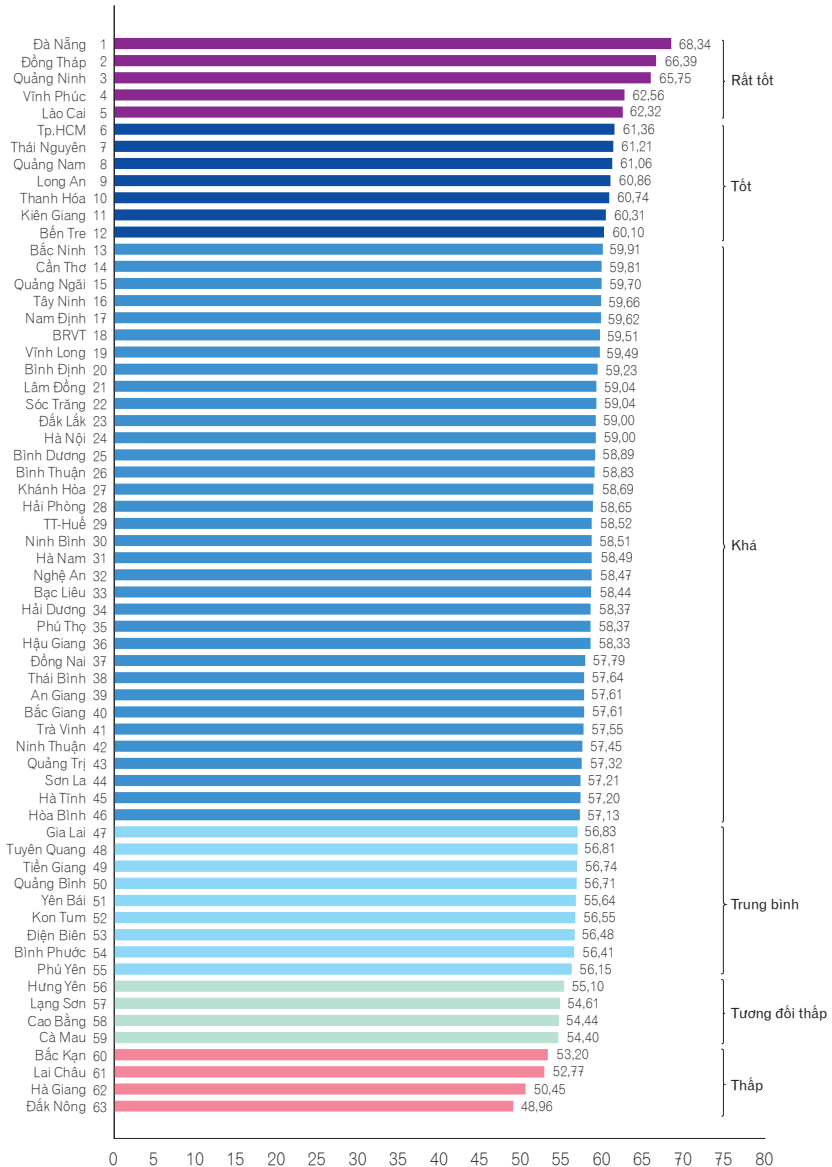




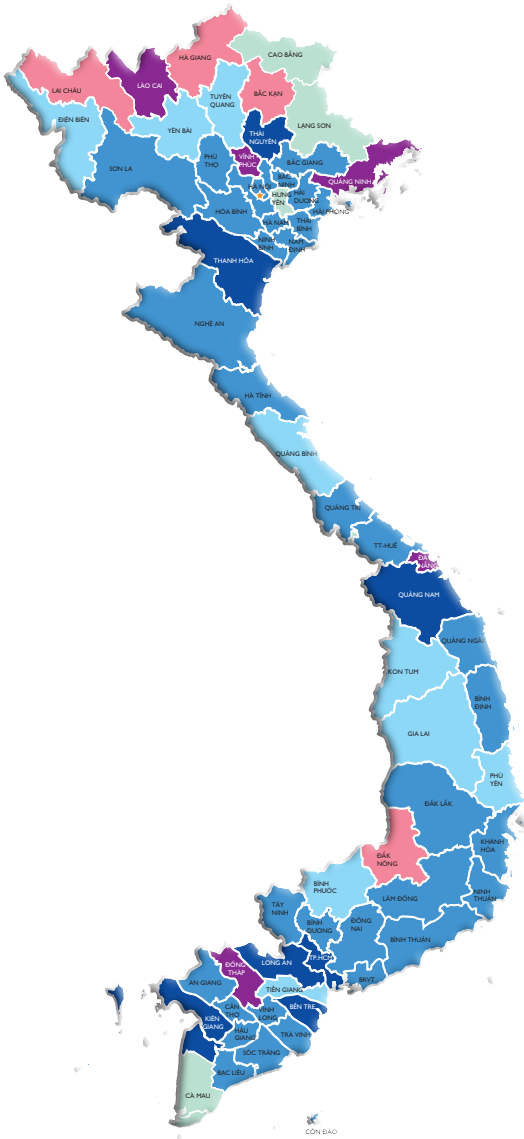
PCI2015

CHỈ SỐ NĂNG LỰC CẠNH TRANH CẤP TỈNH 2015

BẢNG XẾP HẠNG CHỈ SỐ PCI
63 TỈNH, THÀNH PHỐ VIỆT NAM



Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh có trọng số năm 2015



- Rất tốt
- Tốt
- Khá
- Trung bình
- Tương đối thấp
- Thấp



HOÀNG SA



TRƯỜNG SA

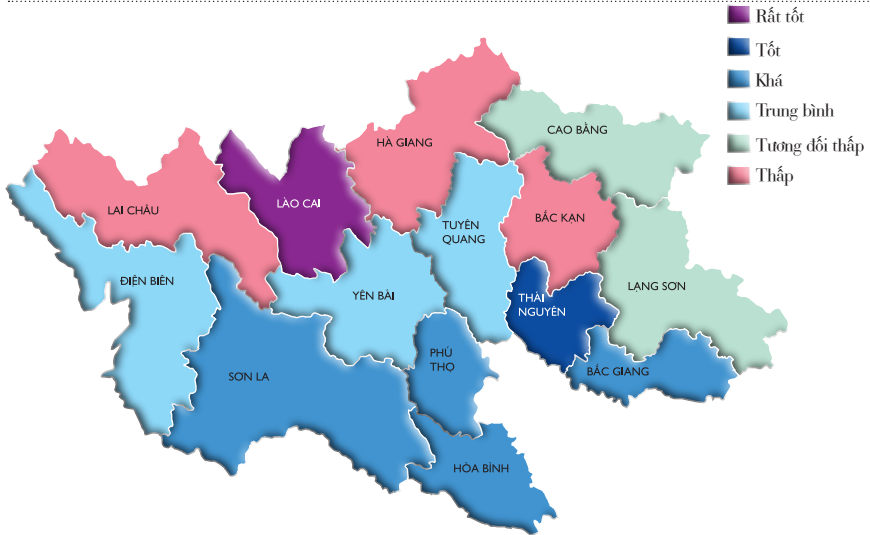


PCI2015

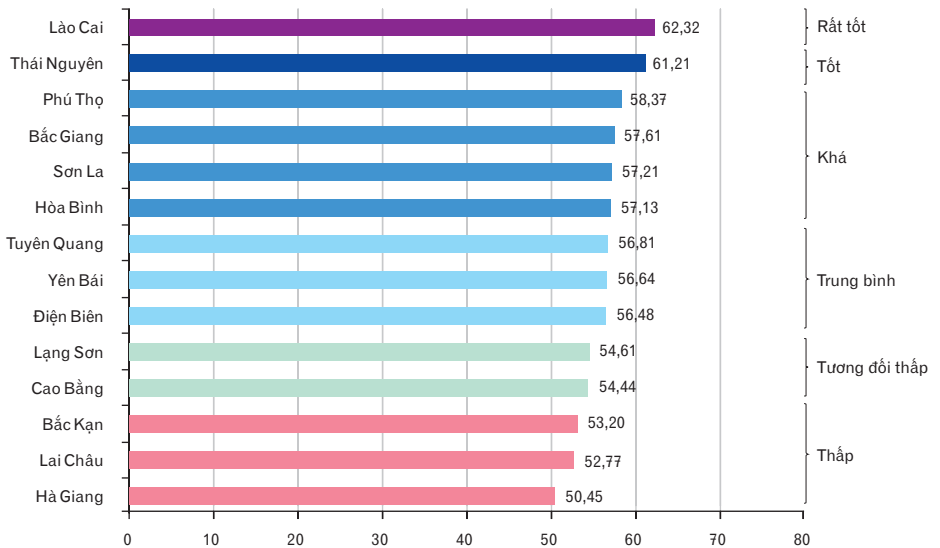
**CHỈ SỐ NĂNG LỰC
CẠNH TRANH
CẤP TỈNH 2015**

**KẾT QUẢ XẾP HẠNG CÁC
VÙNG CỦA VIỆT NAM**

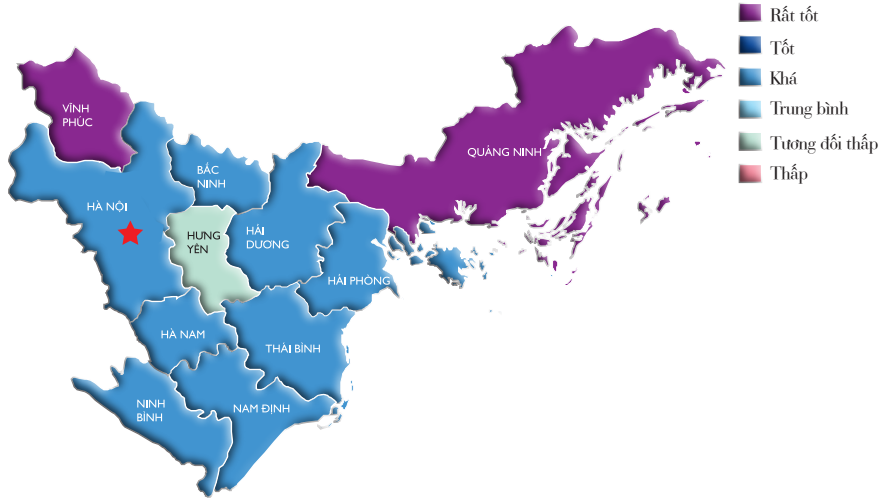
BẢN ĐỒ PCI 2015 - KHU VỰC MIỀN NÚI PHÍA BẮC



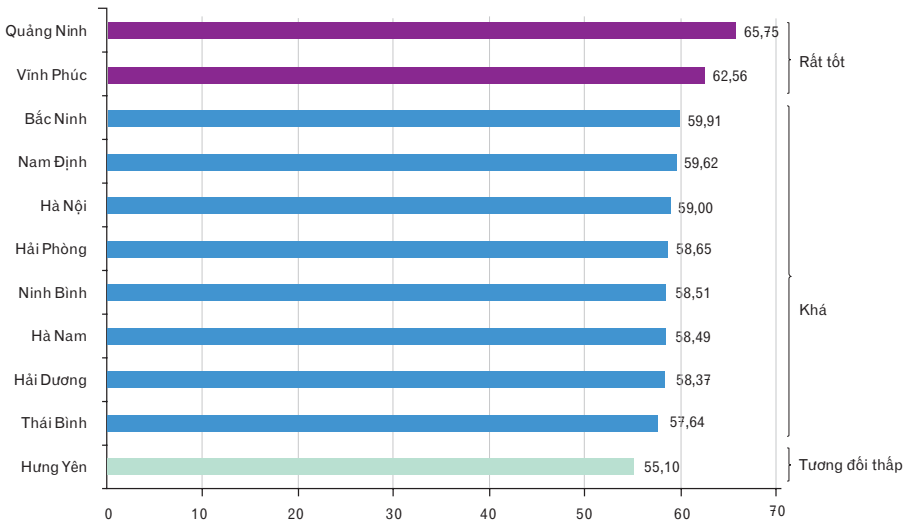
KẾT QUẢ XẾP HẠNG CHỈ SỐ PCI NĂM 2015 - KHU VỰC MIỀN NÚI PHÍA BẮC



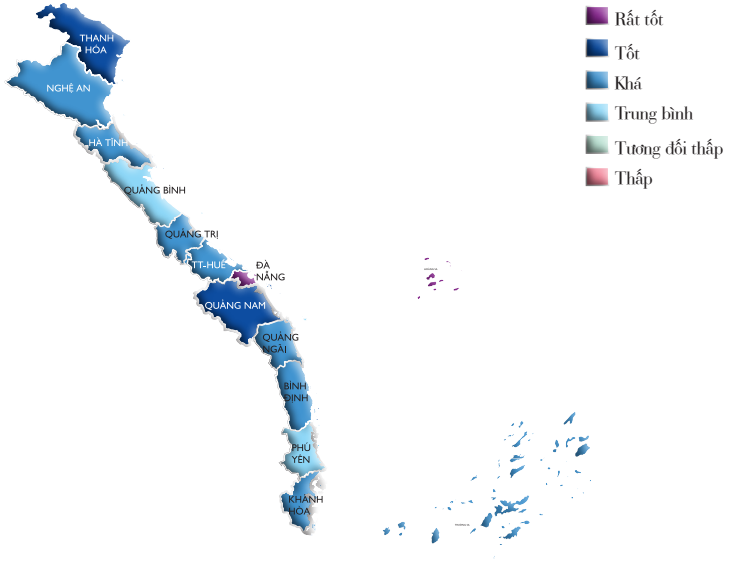
BẢN ĐỒ PCI 2015 - VÙNG ĐỒNG BẰNG SÔNG HỒNG



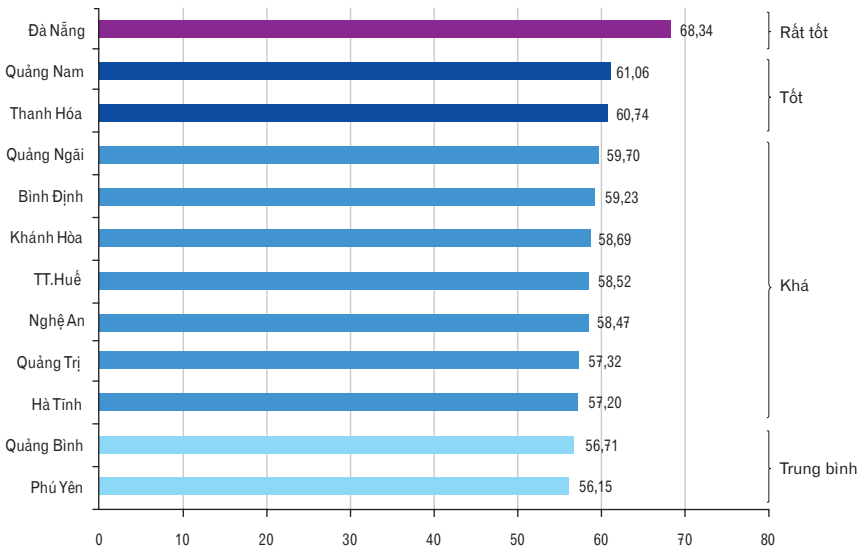
KẾT QUẢ XẾP HẠNG CHỈ SỐ PCI NĂM 2015 - VÙNG ĐỒNG BẰNG SÔNG HỒNG



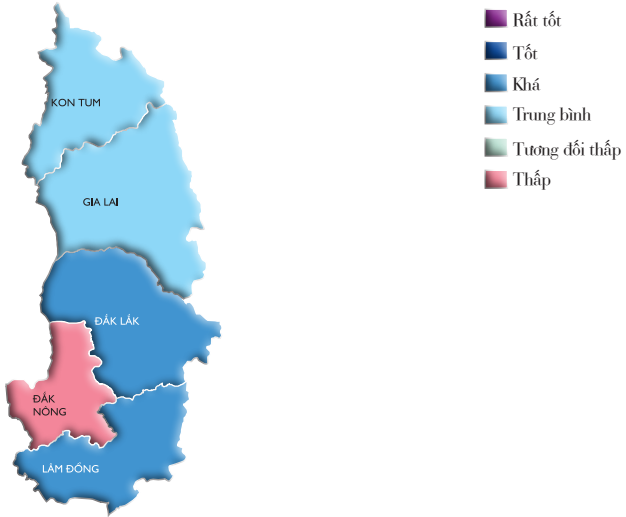
BẢN ĐỒ PCI 2015 - VÙNG DUYÊN HẢI MIỀN TRUNG



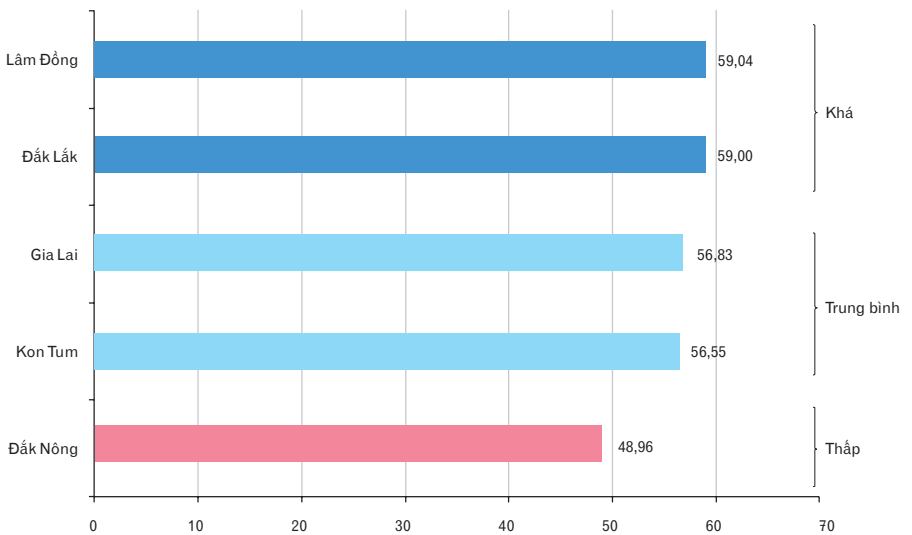
KẾT QUẢ XẾP HẠNG CHỈ SỐ PCI NĂM 2015 - VÙNG DUYÊN HẢI MIỀN TRUNG



BẢN ĐỒ PCI 2015 - KHU VỰC TÂY NGUYÊN



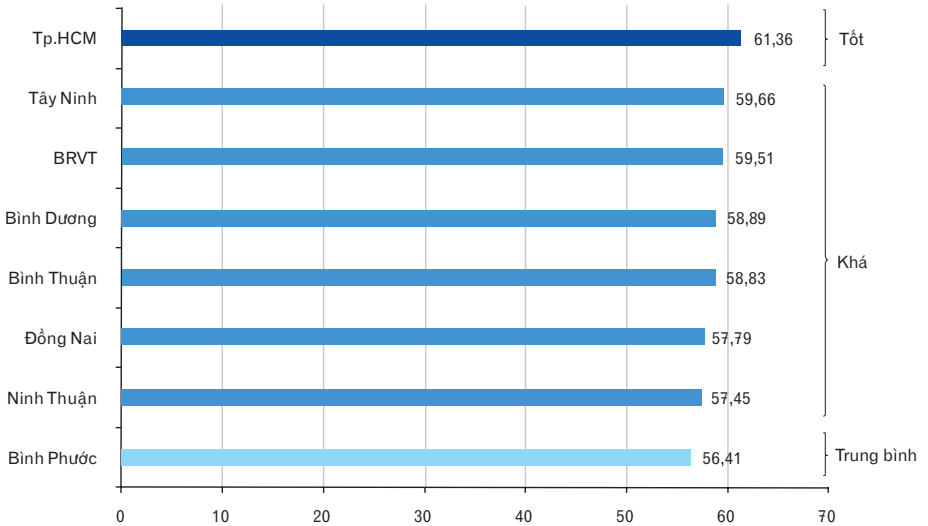
KẾT QUẢ XẾP HẠNG CHỈ SỐ PCI NĂM 2015 - KHU VỰC TÂY NGUYÊN



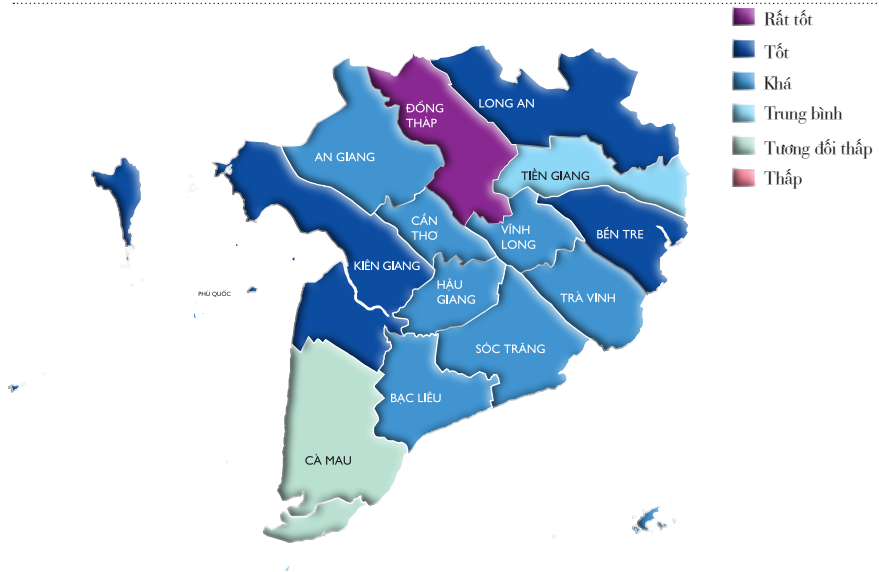
BẢN ĐỒ PCI 2015 - VÙNG ĐÔNG NAM BỘ



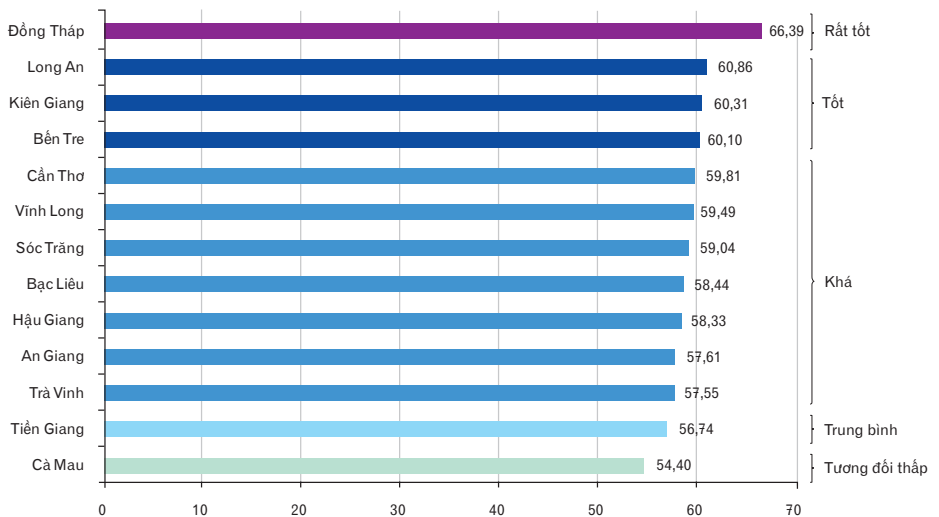
KẾT QUẢ XẾP HẠNG CHỈ SỐ PCI NĂM 2015 - VÙNG ĐÔNG NAM BỘ



BẢN ĐỒ PCI 2015 - VÙNG ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG



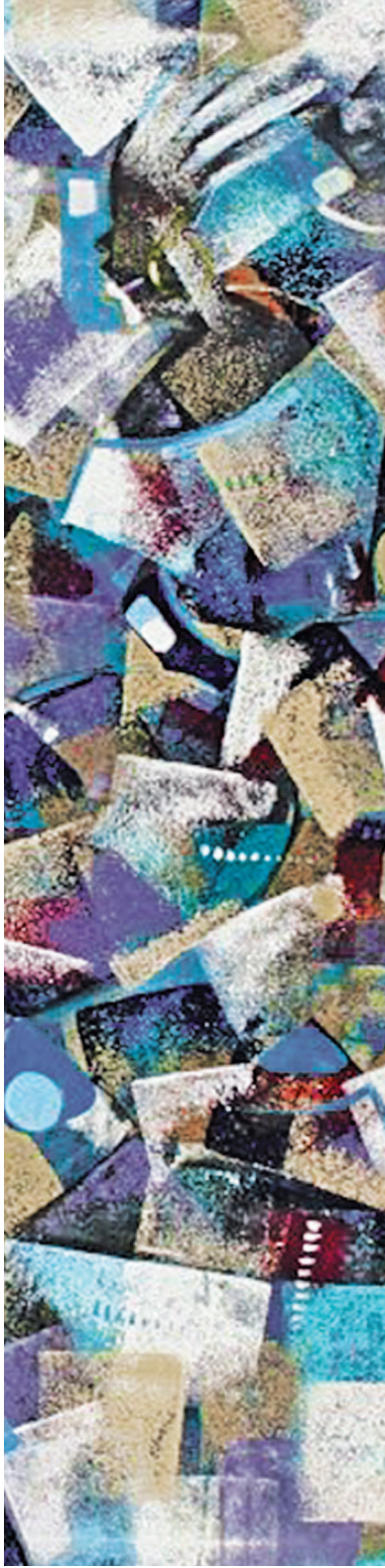
KẾT QUẢ XẾP HẠNG CHỈ SỐ PCI NĂM 2015 - VÙNG ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG



PCI2015

CHỈ SỐ NĂNG LỰC CẠNH TRANH CẤP TỈNH 2015

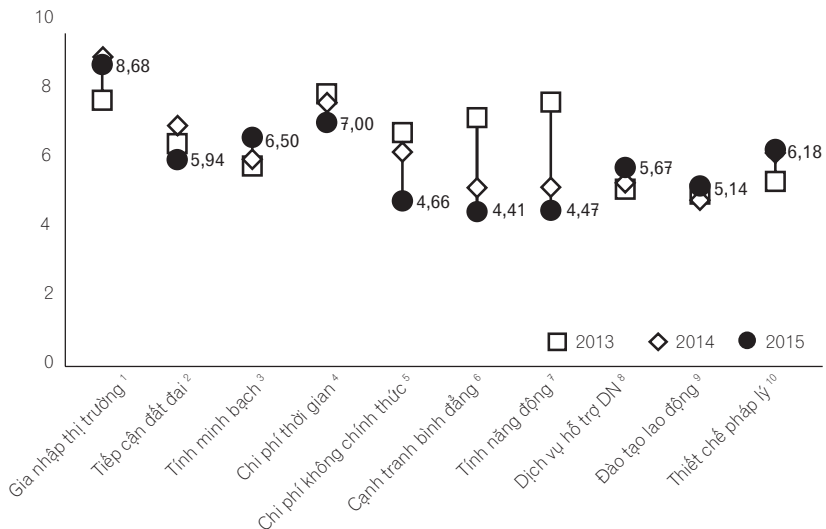
HỒ SƠ 63 TỈNH,
THÀNH PHỐ VIỆT NAM



1 Tổng hợp kết quả chỉ số PCI 2007-2015

Năm Year	Điểm tổng hợp PCI score	Kết quả xếp hạng PCI ranking	Nhóm điều hành PCI tier
2015	57,61	39	Khá/Mid-high
2014	58,10	37	Khá/Mid-high
2013	59,07	23	Khá/Mid-high
2012	63,42	2	Tốt/High
2011	62,22	19	Tốt/High
2010	61,94	14	Tốt/High
2009	62,47	20	Tốt/High
2008	61,12	9	Tốt/High
2007	66,47	6	Tốt/High

2 Kết quả 10 chỉ số thành phần PCI 2013-2015



- 1 : Entry Cost
2 : Land Access
3 : Transparency
4 : Time Cost
5 : Informal Charges

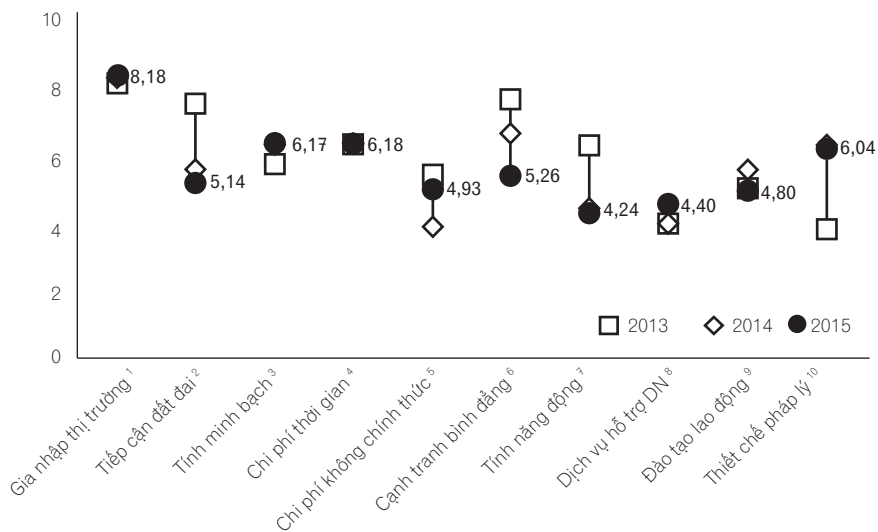
- 6 : Policy Bias
7 : Proactivity
8 : Business Support Services
9 : Labor Training
10: Legal Institutions

Số liệu thể hiện trên hình là số liệu năm 2015
Data shown in Figure are in 2015

1 Tổng hợp kết quả chỉ số PCI 2007-2015

Năm Year	Điểm tổng hợp PCI score	Kết quả xếp hạng PCI ranking	Nhóm điều hành PCI tier
2015	53,20	60	Thấp/Very low
2014	53,02	59	Thấp/Very low
2013	53,53	57	Tương đối thấp/Low
2012	51,00	60	Trung bình/Average
2011	52,71	60	Trung bình/Average
2010	51,49	58	Trung bình/Average
2009	47,50	61	Tương đối thấp/Mid-low
2008	39,78	63	Thấp/Low
2007	46,47	56	Tương đối thấp/Mid-low

2 Kết quả 10 chỉ số thành phần PCI 2013-2015



- 1 : Entry Cost
- 2 : Land Access
- 3 : Transparency
- 4 : Time Cost
- 5 : Informal Charges

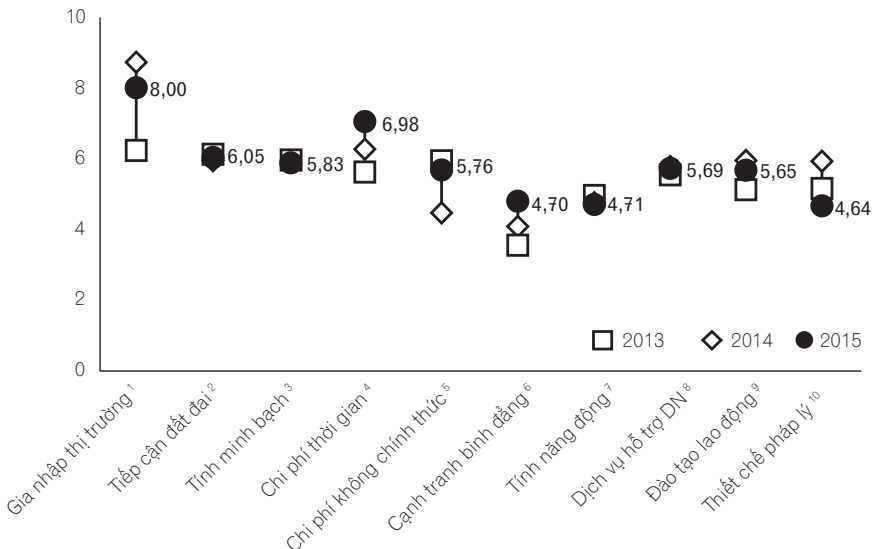
- 6 : Policy Bias
- 7 : Proactivity
- 8 : Business Support Services
- 9 : Labor Training
- 10 : Legal Institutions

Số liệu thể hiện trên hình là số liệu năm 2015
Data shown in Figure are in 2015

1 Tổng hợp kết quả chỉ số PCI 2007-2015

Năm Year	Điểm tổng hợp PCI score	Kết quả xếp hạng PCI ranking	Nhóm điều hành PCI tier
2015	57,61	40	Khá/Mid-high
2014	57,33	41	Khá/Mid-high
2013	54,79	49	Tương đối thấp/Low
2012	57,08	31	Khá/Mid-high
2011	60,79	23	Tốt/High
2010	58,02	32	Khá/Mid-high
2009	57,50	37	Khá/Mid-high
2008	47,44	50	Tương đối thấp/Mid-low
2007	55,48	33	Khá/Mid-high

2 Kết quả 10 chỉ số thành phần PCI 2013-2015



- 1 : Entry Cost
2 : Land Access
3 : Transparency
4 : Time Cost
5 : Informal Charges

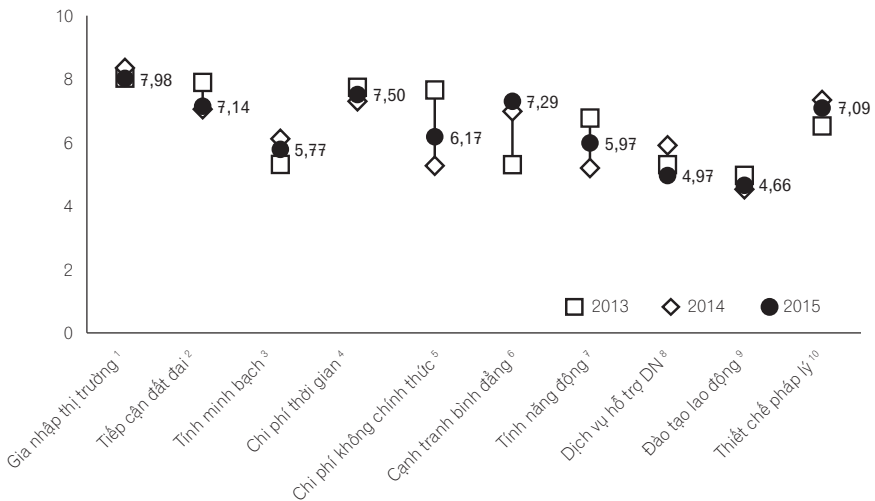
- 6 : Policy Bias
7 : Proactivity
8 : Business Support Services
9 : Labor Training
10: Legal Institutions

Số liệu thể hiện trên hình là số liệu năm 2015
Data shown in Figure are in 2015

1 Tổng hợp kết quả chỉ số PCI 2007-2015

Năm Year	Điểm tổng hợp PCI score	Kết quả xếp hạng PCI ranking	Nhóm điều hành PCI tier
2015	58,44	33	Khá/Mid-high
2014	59,50	22	Khá/Mid-high
2013	59,89	14	Khá/Mid-high
2012	62,85	7	Tốt/High
2011	57,92	39	Khá/Mid-high
2010	58,20	30	Khá/Mid-high
2009	52,04	59	Trung bình/Average
2008	40,92	62	Thấp/Low
2007	42,49	60	Tương đối thấp/Mid-low

2 Kết quả 10 chỉ số thành phần PCI 2013-2015



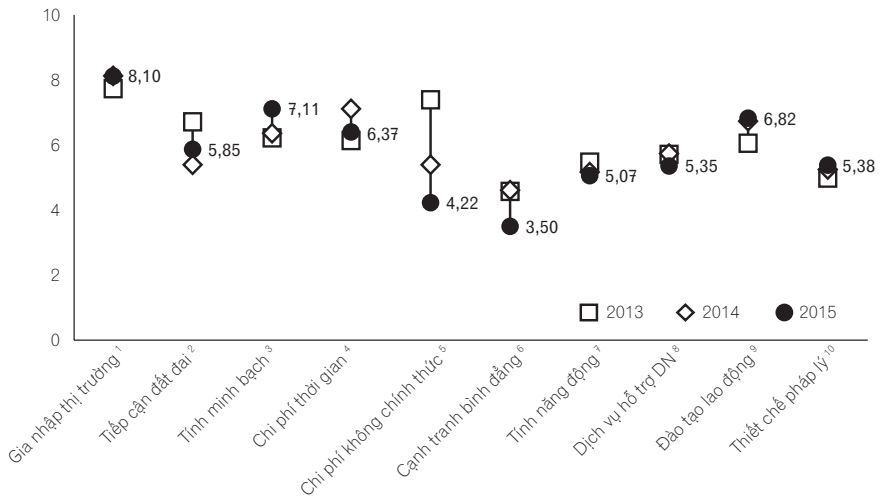
- 1 : Entry Cost
- 2 : Land Access
- 3 : Transparency
- 4 : Time Cost
- 5 : Informal Charges
- 6 : Policy Bias
- 7 : Proactivity
- 8 : Business Support Services
- 9 : Labor Training
- 10: Legal Institutions

Số liệu thể hiện trên hình là số liệu năm 2015
Data shown in Figure are in 2015

1 Tổng hợp kết quả chỉ số PCI 2007-2015

Năm Year	Điểm tổng hợp PCI score	Kết quả xếp hạng PCI ranking	Nhóm điều hành PCI tier
2015	59,91	13	Khá/Mid-high
2014	60,92	10	Tốt/High
2013	61,07	12	Tốt/High
2012	62,26	10	Tốt/High
2011	67,27	2	Rất Tốt/Excellent
2010	64,48	6	Tốt/High
2009	65,70	10	Tốt/High
2008	59,57	16	Khá/Mid-high
2007	58,96	20	Khá/Mid-high

2 Kết quả 10 chỉ số thành phần PCI 2013-2015



- 1 : Entry Cost
2 : Land Access
3 : Transparency
4 : Time Cost
5 : Informal Charges

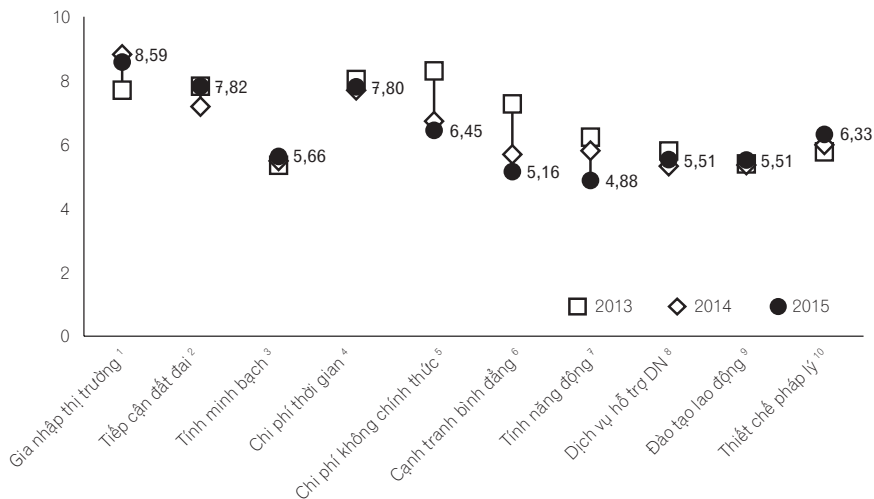
- 6 : Policy Bias
7 : Proactivity
8 : Business Support Services
9 : Labor Training
10: Legal Institutions

Số liệu thể hiện trên hình là số liệu năm 2015
Data shown in Figure are in 2015

1 Tổng hợp kết quả chỉ số PCI 2007-2015

Năm Year	Điểm tổng hợp PCI score	Kết quả xếp hạng PCI ranking	Nhóm điều hành PCI tier
2015	60,10	12	Tốt/High
2014	59,70	18	Khá/Mid-high
2013	62,78	6	Rất Tốt/Excellent
2012	58,35	26	Khá/Mid-high
2011	59,90	30	Khá/Mid-high
2010	63,11	10	Tốt/High
2009	64,09	15	Tốt/High
2008	62,42	7	Tốt/High
2007	62,88	14	Tốt/High

2 Kết quả 10 chỉ số thành phần PCI 2013-2015



- 1 : Entry Cost
- 2 : Land Access
- 3 : Transparency
- 4 : Time Cost
- 5 : Informal Charges

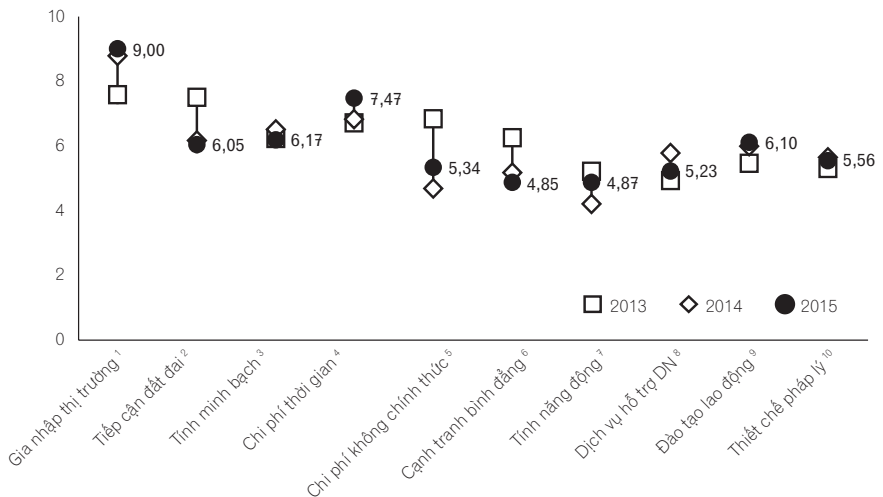
- 6 : Policy Bias
- 7 : Proactivity
- 8 : Business Support Services
- 9 : Labor Training
- 10 : Legal Institutions

Số liệu thể hiện trên hình là số liệu năm 2015
Data shown in Figure are in 2015

1 Tổng hợp kết quả chỉ số PCI 2007-2015

Năm Year	Điểm tổng hợp PCI score	Kết quả xếp hạng PCI ranking	Nhóm điều hành PCI tier
2015	59,23	20	Khá/Mid-high
2014	59,72	17	Khá/Mid-high
2013	59,37	18	Khá/Mid-high
2012	63,06	4	Tốt/High
2011	58,14	38	Khá/Mid-high
2010	60,37	20	Tốt/High
2009	65,97	7	Tốt/High
2008	60,67	11	Tốt/High
2007	69,46	4	Rất tốt/Excellent

2 Kết quả 10 chỉ số thành phần PCI 2013-2015



- 1 : Entry Cost
 2 : Land Access
 3 : Transparency
 4 : Time Cost
 5 : Informal Charges

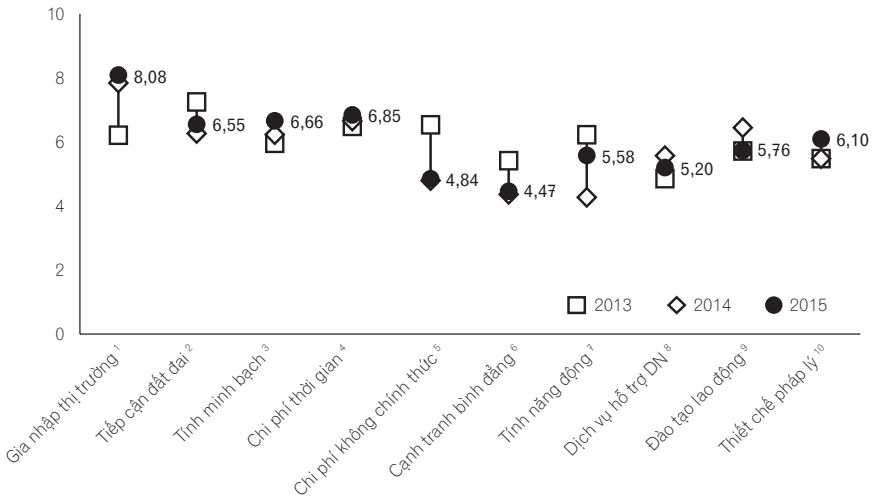
- 6 : Policy Bias
 7 : Proactivity
 8 : Business Support Services
 9 : Labor Training
 10: Legal Institutions

Số liệu thể hiện trên hình là số liệu năm 2015
 Data shown in Figure are in 2015

1 Tổng hợp kết quả chỉ số PCI 2007-2015

Năm Year	Điểm tổng hợp PCI score	Kết quả xếp hạng PCI ranking	Nhóm điều hành PCI tier
2015	58,89	25	Khá/Mid-high
2014	58,82	27	Khá/Mid-high
2013	58,15	30	Khá/Mid-high
2012	59,64	19	Khá/Mid-high
2011	63,99	10	Tốt/High
2010	65,72	5	Tốt/High
2009	74,01	2	Rất tốt/Excellent
2008	71,76	2	Rất tốt/Excellent
2007	77,20	1	Rất tốt/Excellent

2 Kết quả 10 chỉ số thành phần PCI 2013-2015



- 1 : Entry Cost
- 2 : Land Access
- 3 : Transparency
- 4 : Time Cost
- 5 : Informal Charges

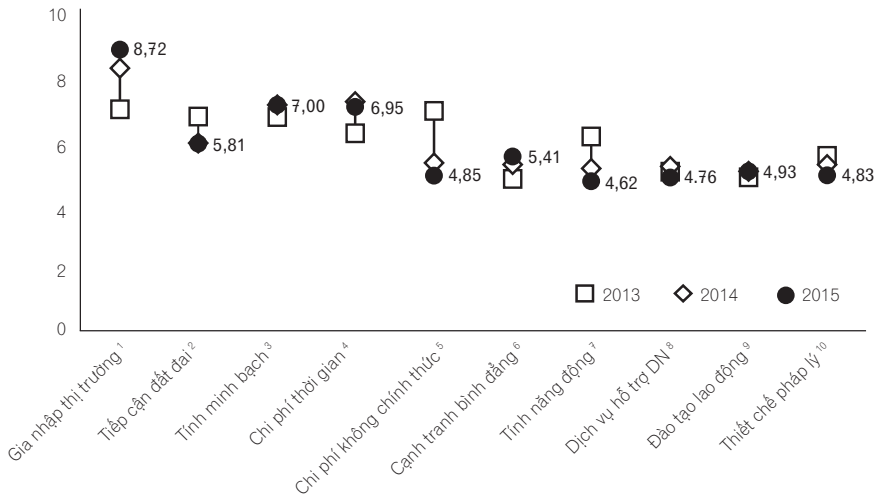
- 6 : Policy Bias
- 7 : Proactivity
- 8 : Business Support Services
- 9 : Labor Training
- 10 : Legal Institutions

Số liệu thể hiện trên hình là số liệu năm 2015
Data shown in Figure are in 2015

1 Tổng hợp kết quả chỉ số PCI 2007-2015

Năm Year	Điểm tổng hợp PCI score	Kết quả xếp hạng PCI ranking	Nhóm điều hành PCI tier
2015	56,41	54	Trung bình/Mid-low
2014	57,79	38	Khá/Mid-high
2013	57,47	35	Khá/Mid-high
2012	55,82	39	Khá/Mid-high
2011	65,87	8	Tốt/High
2010	57,24	36	Khá/Mid-high
2009	56,15	42	Khá/Mid-high
2008	53,71	32	Trung bình/Average
2007	50,37	49	Trung bình/Average

2 Kết quả 10 chỉ số thành phần PCI 2013-2015



- 1 : Entry Cost
 2 : Land Access
 3 : Transparency
 4 : Time Cost
 5 : Informal Charges

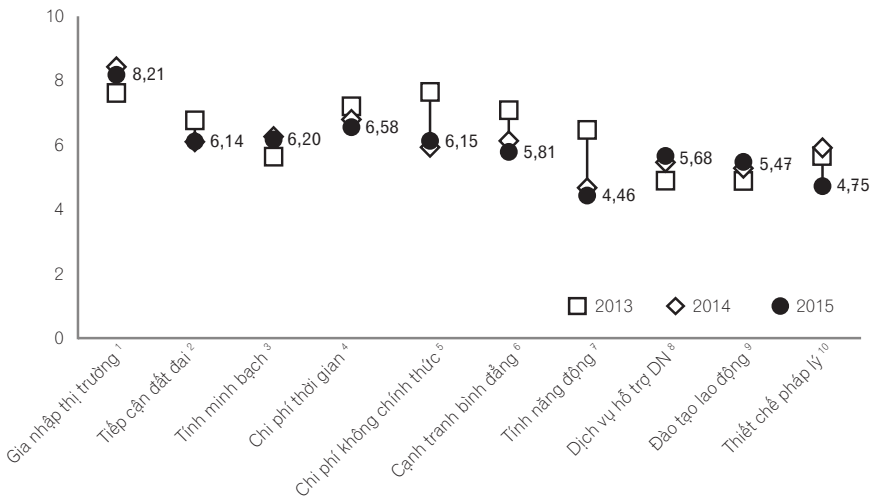
- 6 : Policy Bias
 7 : Proactivity
 8 : Business Support Services
 9 : Labor Training
 10: Legal Institutions

Số liệu thể hiện trên hình là số liệu năm 2015
 Data shown in Figure are in 2015

1 Tổng hợp kết quả chỉ số PCI 2007-2015

Năm Year	Điểm tổng hợp PCI score	Kết quả xếp hạng PCI ranking	Nhóm điều hành PCI tier
2015	58,83	26	Khá/Mid-high
2014	59,16	23	Khá/Mid-high
2013	59,09	22	Khá/Mid-high
2012	54,08	47	Khá/Mid-high
2011	57,62	40	Khá/Mid-high
2010	58,45	28	Khá/Mid-high
2009	64,96	11	Tốt/High
2008	58,75	17	Khá/Mid-high
2007	57,66	25	Khá/Mid-high

2 Kết quả 10 chỉ số thành phần PCI 2013-2015



- 1 : Entry Cost
- 2 : Land Access
- 3 : Transparency
- 4 : Time Cost
- 5 : Informal Charges

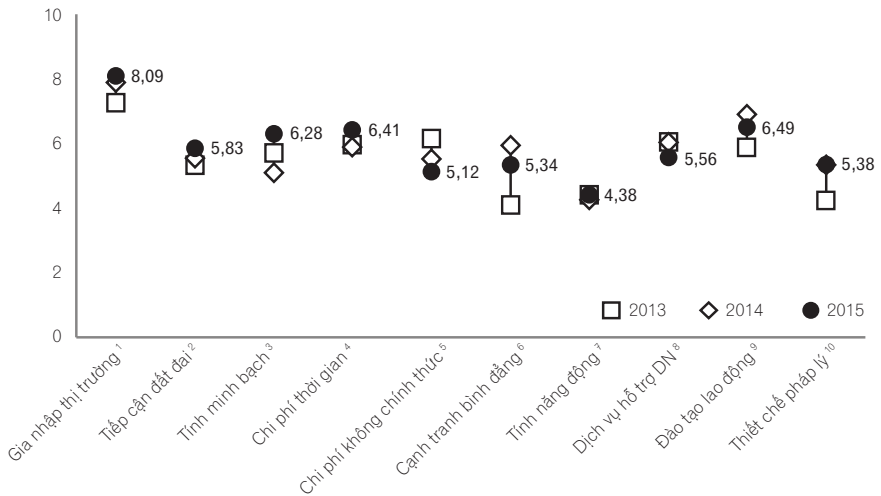
- 6 : Policy Bias
- 7 : Proactivity
- 8 : Business Support Services
- 9 : Labor Training
- 10: Legal Institutions

Số liệu thể hiện trên hình là số liệu năm 2015
Data shown in Figure are in 2015

1 Tổng hợp kết quả chỉ số PCI 2007-2015

Năm Year	Điểm tổng hợp PCI score	Kết quả xếp hạng PCI ranking	Nhóm điều hành PCI tier
2015	59,51	18	Khá/Mid-high
2014	59,05	24	Khá/Mid-high
2013	56,99	39	Khá/Mid-high
2012	59,14	21	Khá/Mid-high
2011	66,13	6	Rất tốt/Excellent
2010	60,55	19	Tốt/High
2009	65,96	8	Tốt/High
2008	60,51	12	Tốt/High
2007	65,63	8	Tốt/High

2 Kết quả 10 chỉ số thành phần PCI 2013-2015



- 1 : Entry Cost
 2 : Land Access
 3 : Transparency
 4 : Time Cost
 5 : Informal Charges

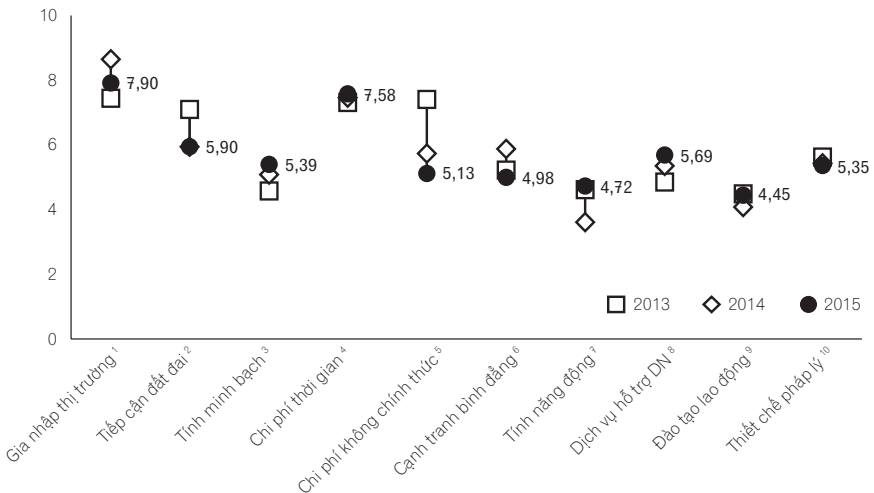
- 6 : Policy Bias
 7 : Proactivity
 8 : Business Support Services
 9 : Labor Training
 10: Legal Institutions

Số liệu thể hiện trên hình là số liệu năm 2015
 Data shown in Figure are in 2015

1 Tổng hợp kết quả chỉ số PCI 2007-2015

Năm Year	Điểm tổng hợp PCI score	Kết quả xếp hạng PCI ranking	Nhóm điều hành PCI tier
2015	54,40	59	Tương đối thấp/Low
2014	53,22	58	Thấp/Very low
2013	53,80	56	Tương đối thấp/ Low
2012	53,76	49	Khá/Mid-high
2011	59,43	32	Khá/Mid-high
2010	53,57	51	Khá/Mid-high
2009	61,96	22	Tốt/High
2008	58,64	18	Khá/Mid-high
2007	56,19	29	Khá/Mid-high

2 Kết quả 10 chỉ số thành phần PCI 2013-2015



- 1 : Entry Cost
 2 : Land Access
 3 : Transparency
 4 : Time Cost
 5 : Informal Charges

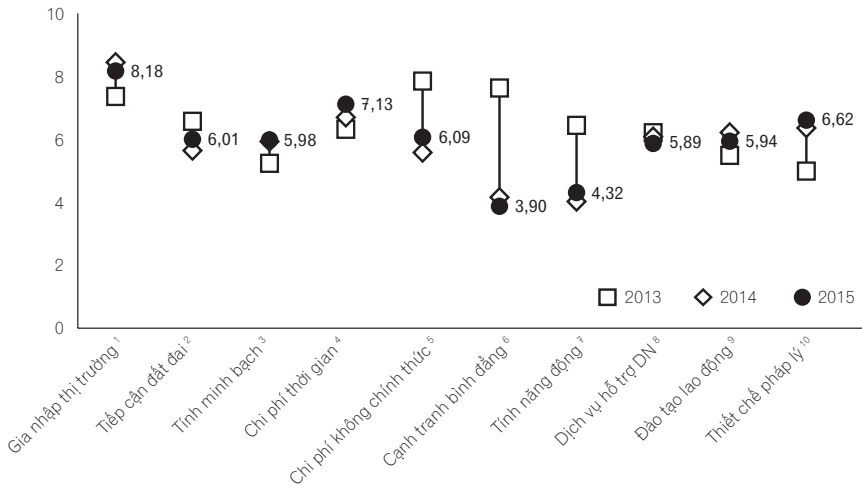
- 6 : Policy Bias
 7 : Proactivity
 8 : Business Support Services
 9 : Labor Training
 10: Legal Institutions

Số liệu thể hiện trên hình là số liệu năm 2015
 Data shown in Figure are in 2015

1 Tổng hợp kết quả chỉ số PCI 2007-2015

Năm Year	Điểm tổng hợp PCI score	Kết quả xếp hạng PCI ranking	Nhóm điều hành PCI tier
2015	59,81	14	Khá/Mid-high
2014	59,94	15	Khá/Mid-high
2013	61,46	9	Tốt/High
2012	60,32	14	Tốt/High
2011	62,66	16	Tốt/High
2010	62,46	13	Tốt/High
2009	62,17	21	Tốt/High
2008	56,32	22	Khá/Mid-high
2007	61,76	17	Tốt/High

2 Kết quả 10 chỉ số thành phần PCI 2013-2015



- 1 : Entry Cost
2 : Land Access
3 : Transparency
4 : Time Cost
5 : Informal Charges

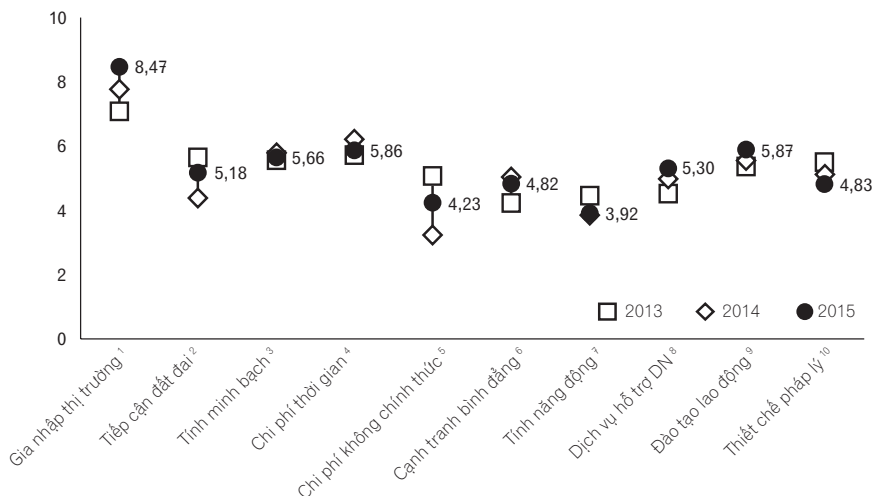
- 6 : Policy Bias
7 : Proactivity
8 : Business Support Services
9 : Labor Training
10: Legal Institutions

Số liệu thể hiện trên hình là số liệu năm 2015
Data shown in Figure are in 2015

1 Tổng hợp kết quả chỉ số PCI 2007-2015

Năm Year	Điểm tổng hợp PCI score	Kết quả xếp hạng PCI ranking	Nhóm điều hành PCI tier
2015	54,44	58	Tương đối thấp/Low
2014	52,04	61	Thấp/Very low
2013	52,30	61	Thấp/Very low
2012	50,55	61	Tương đối thấp/Mid-low
2011	50,98	63	Tương đối thấp/Mid-low
2010	53,55	52	Trung bình/Average
2009	45,43	63	Thấp/Low
2008	41,02	60	Thấp/Low
2007	40,18	62	Thấp/Low

2 Kết quả 10 chỉ số thành phần PCI 2013-2015



- 1 : Entry Cost
- 2 : Land Access
- 3 : Transparency
- 4 : Time Cost
- 5 : Informal Charges

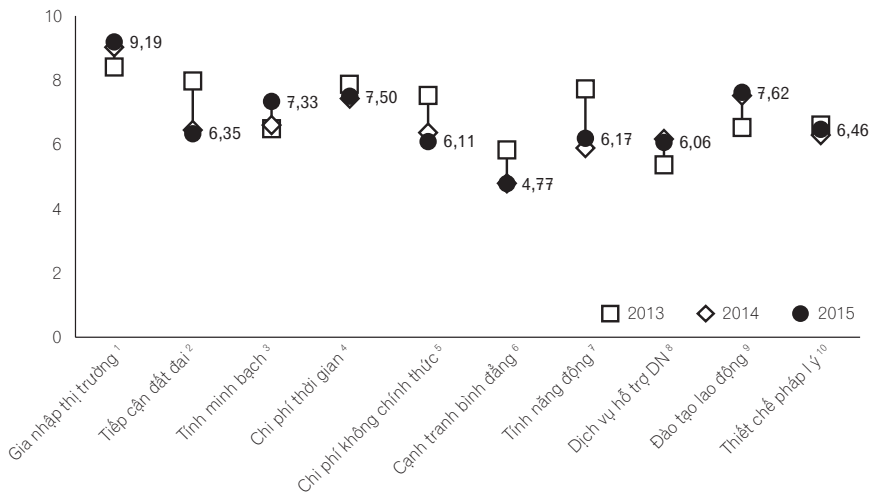
- 6 : Policy Bias
- 7 : Proactivity
- 8 : Business Support Services
- 9 : Labor Training
- 10: Legal Institutions

Số liệu thể hiện trên hình là số liệu năm 2015
Data shown in Figure are in 2015

1 Tổng hợp kết quả chỉ số PCI 2007-2015

Năm Year	Điểm tổng hợp PCI score	Kết quả xếp hạng PCI ranking	Nhóm điều hành PCI tier
2015	68,34	1	Rất tốt/Excellent
2014	66,87	1	Rất tốt/Excellent
2013	66,45	1	Rất tốt/Excellent
2012	61,71	12	Tốt/High
2011	66,98	5	Tốt/High
2010	69,77	1	Rất tốt/Excellent
2009	75,96	1	Rất tốt/Excellent
2008	72,18	1	Rất tốt/Excellent
2007	72,96	2	Rất tốt/Excellent

2 Kết quả 10 chỉ số thành phần PCI 2013-2015



- 1 : Entry Cost
 2 : Land Access
 3 : Transparency
 4 : Time Cost
 5 : Informal Charges

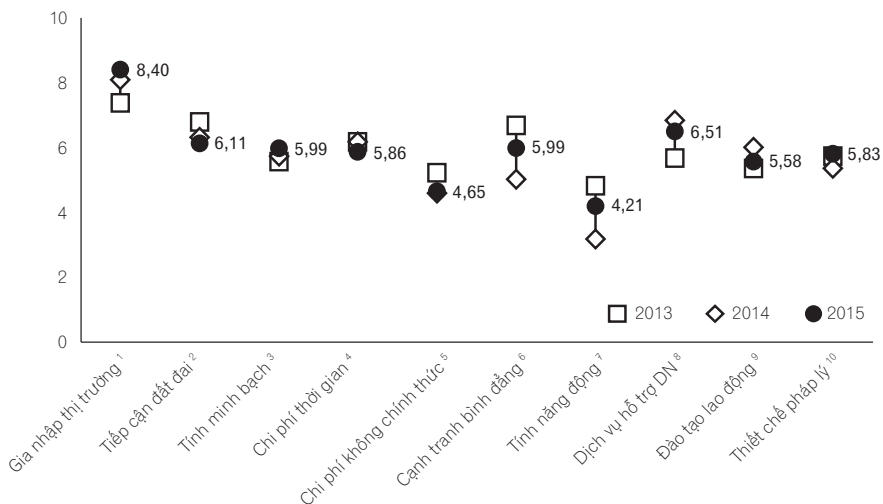
- 6 : Policy Bias
 7 : Proactivity
 8 : Business Support Services
 9 : Labor Training
 10: Legal Institutions

Số liệu thể hiện trên hình là số liệu năm 2015
 Data shown in Figure are in 2015

1 Tổng hợp kết quả chỉ số PCI 2007-2015

Năm Year	Điểm tổng hợp PCI score	Kết quả xếp hạng PCI ranking	Nhóm điều hành PCI tier
2015	59,00	23	Khá/Mid-high
2014	58,76	30	Khá/Mid-high
2013	57,13	38	Khá/Mid-high
2012	55,94	36	Khá/Mid-high
2011	53,46	58	Khá/Mid-high
2010	57,20	38	Khá/Mid-high
2009	57,37	38	Khá/Mid-high
2008	53,33	33	Trung bình/Average
2007	51,05	48	Trung bình/Average

2 Kết quả 10 chỉ số thành phần PCI 2013-2015



- 1 : Entry Cost
- 2 : Land Access
- 3 : Transparency
- 4 : Time Cost
- 5 : Informal Charges

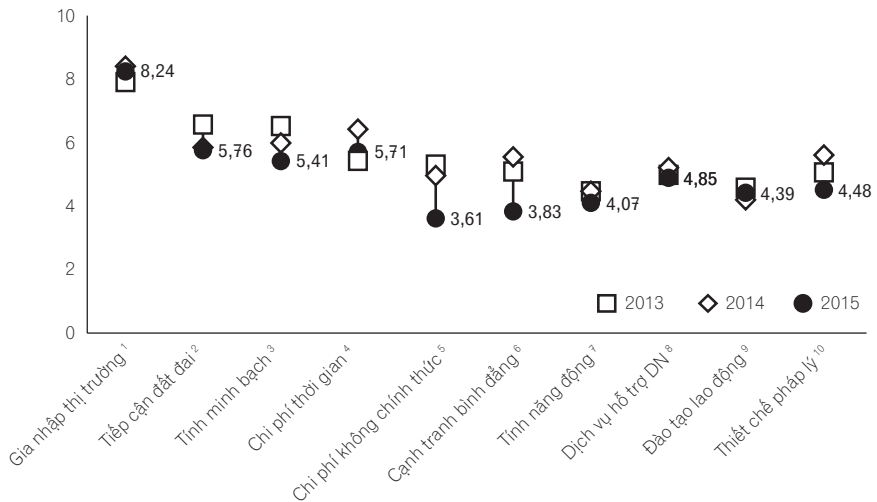
- 6 : Policy Bias
- 7 : Proactivity
- 8 : Business Support Services
- 9 : Labor Training
- 10: Legal Institutions

Số liệu thể hiện trên hình là số liệu năm 2015
Data shown in Figure are in 2015

1 Tổng hợp kết quả chỉ số PCI 2007-2015

Năm Year	Điểm tổng hợp PCI score	Kết quả xếp hạng PCI ranking	Nhóm điều hành PCI tier
2015	48,96	63	Thấp/Very low
2014	53,90	57	Tương đối thấp/Low
2013	54,68	50	Tương đối thấp/Low
2012	53,91	48	Khá/Mid-high
2011	52,87	59	Trung bình/Average
2010	48,91	63	Thấp/Low
2009	46,96	62	Thấp/Low
2008	41,00	61	Thấp/Low
2007	37,96	64	Thấp/Low

2 Kết quả 10 chỉ số thành phần PCI 2013-2015



- 1 : Entry Cost
2 : Land Access
3 : Transparency
4 : Time Cost
5 : Informal Charges

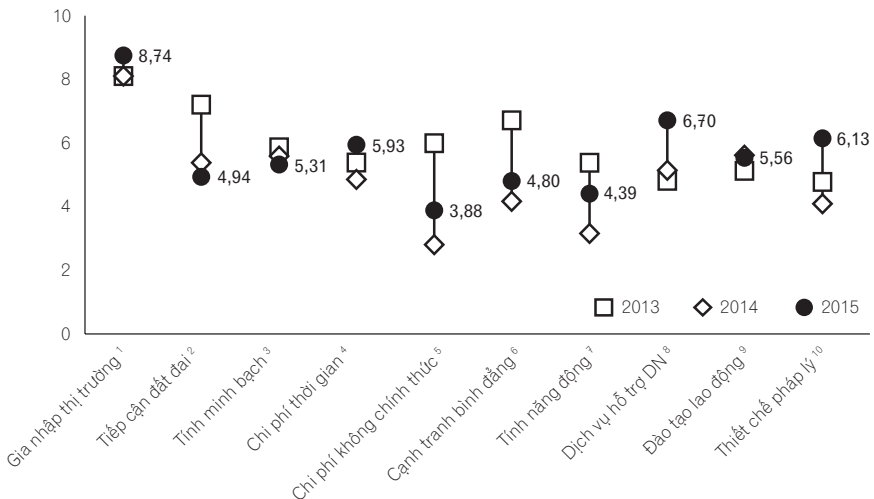
- 6 : Policy Bias
7 : Proactivity
8 : Business Support Services
9 : Labor Training
10: Legal Institutions

Số liệu thể hiện trên hình là số liệu năm 2015
Data shown in Figure are in 2015

1 Tổng hợp kết quả chỉ số PCI 2007-2015

Năm Year	Điểm tổng hợp PCI score	Kết quả xếp hạng PCI ranking	Nhóm điều hành PCI tier
2015	56,48	53	Trung bình/Mid-low
2014	50,32	63	Thấp/Very low
2013	56,23	43	Trung bình/Mid-low
2012	45,12	63	Tương đối thấp/Mid-low
2011	59,96	29	Khá/Mid-high
2010	55,12	47	Khá/Mid-high
2009	59,32	27	Khá/Mid-high
2008	36,40	64	Thấp/Low
2007	41,70	61	Thấp/Low

2 Kết quả 10 chỉ số thành phần PCI 2013-2015



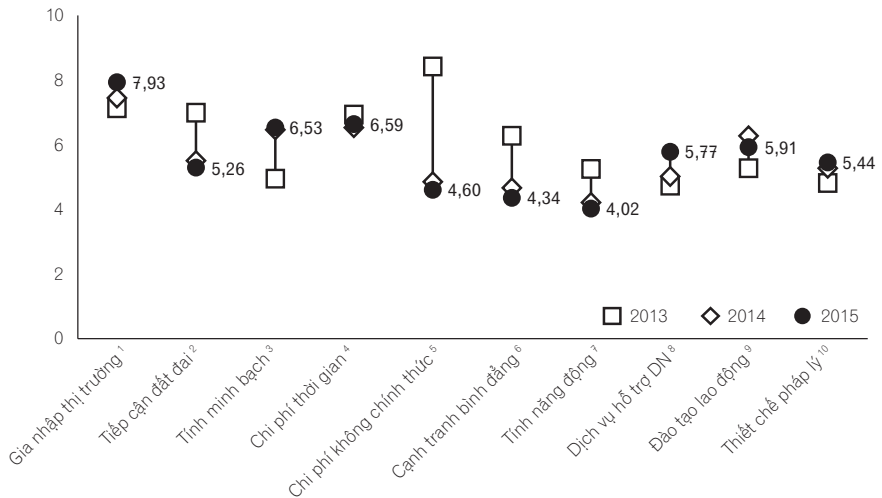
- 1 : Entry Cost
- 2 : Land Access
- 3 : Transparency
- 4 : Time Cost
- 5 : Informal Charges
- 6 : Policy Bias
- 7 : Proactivity
- 8 : Business Support Services
- 9 : Labor Training
- 10 : Legal Institutions

Số liệu thể hiện trên hình là số liệu năm 2015
Data shown in Figure are in 2015

1 Tổng hợp kết quả chỉ số PCI 2007-2015

Năm Year	Điểm tổng hợp PCI score	Kết quả xếp hạng PCI ranking	Nhóm điều hành PCI tier
2015	57,79	37	Khá/Mid-high
2014	57,26	42	Khá/Mid-high
2013	56,93	40	Khá/Mid-high
2012	62,29	9	Tốt/High
2011	64,77	9	Tốt/High
2010	59,49	25	Khá/Mid-high
2009	63,16	18	Tốt/High
2008	59,62	15	Khá/Mid-high
2007	62,33	16	Tốt/High

2 Kết quả 10 chỉ số thành phần PCI 2013-2015



1 : Entry Cost
 2 : Land Access
 3 : Transparency
 4 : Time Cost
 5 : Informal Charges

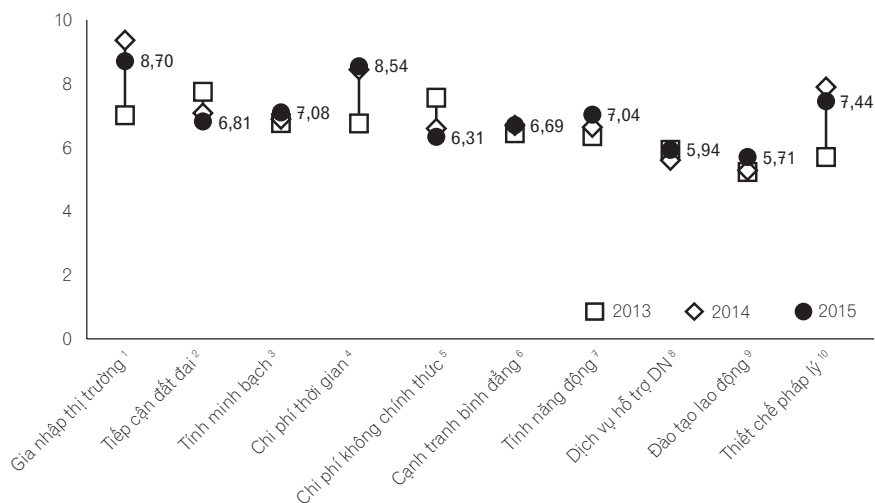
6 : Policy Bias
 7 : Proactivity
 8 : Business Support Services
 9 : Labor Training
 10: Legal Institutions

Số liệu thể hiện trên hình là số liệu năm 2015
 Data shown in Figure are in 2015

1 Tổng hợp kết quả chỉ số PCI 2007-2015

Năm Year	Điểm tổng hợp PCI score	Kết quả xếp hạng PCI ranking	Nhóm điều hành PCI tier
2015	66,39	2	Rất tốt/Excellent
2014	65,28	2	Rất tốt/Excellent
2013	63,35	5	Rất tốt/Excellent
2012	63,79	1	Tốt/High
2011	67,06	4	Rất tốt/Excellent
2010	67,22	3	Rất tốt/Excellent
2009	68,54	4	Rất tốt/Excellent
2008	66,64	5	Tốt/High
2007	64,90	9	Tốt/High

2 Kết quả 10 chỉ số thành phần PCI 2013-2015



1 : Entry Cost
 2 : Land Access
 3 : Transparency
 4 : Time Cost
 5 : Informal Charges

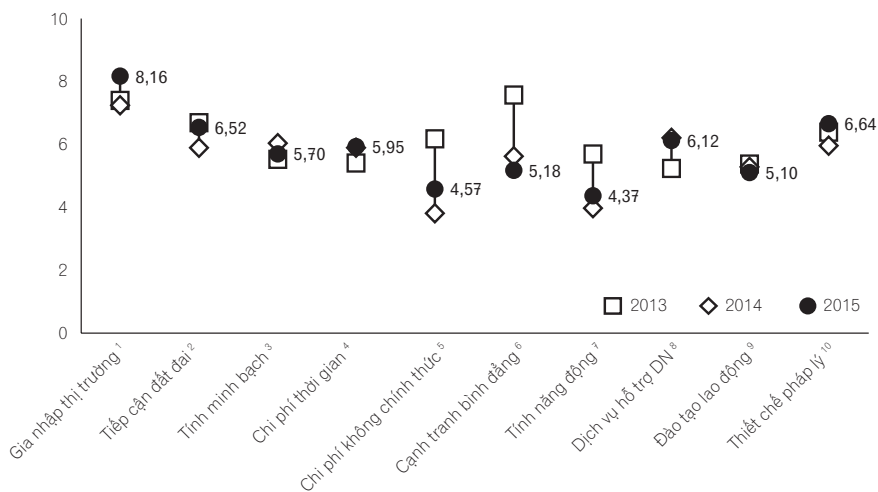
6 : Policy Bias
 7 : Proactivity
 8 : Business Support Services
 9 : Labor Training
 10 : Legal Institutions

Số liệu thể hiện trên hình là số liệu năm 2015
 Data shown in Figure are in 2015

1 Tổng hợp kết quả chỉ số PCI 2007-2015

Năm Year	Điểm tổng hợp PCI score	Kết quả xếp hạng PCI ranking	Nhóm điều hành PCI tier
2015	56,83	47	Trung bình/Mid-low
2014	56,16	48	Trung bình/ Mid - low
2013	57,96	31	Khá/Mid-high
2012	56,50	32	Khá/Mid-high
2011	55,07	51	Khá/Mid-high
2010	53,65	50	Khá/Mid-high
2009	56,00	43	Khá/Mid-high
2008	51,82	38	Trung bình/Average
2007	56,16	30	Khá/Mid-high

2 Kết quả 10 chỉ số thành phần PCI 2013-2015



1 : Entry Cost
2 : Land Access
3 : Transparency
4 : Time Cost
5 : Informal Charges

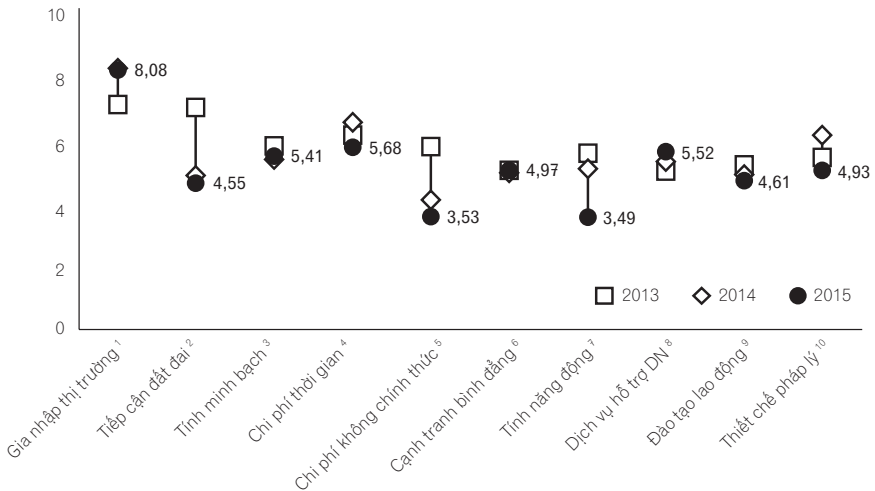
6 : Policy Bias
7 : Proactivity
8 : Business Support Services
9 : Labor Training
10: Legal Institutions

Số liệu thể hiện trên hình là số liệu năm 2015
Data shown in Figure are in 2015

1 Tổng hợp kết quả chỉ số PCI 2007-2015

Năm Year	Điểm tổng hợp PCI score	Kết quả xếp hạng PCI ranking	Nhóm điều hành PCI tier
2015	50,45	62	Thấp/very low
2014	52,47	60	Thấp/Very low
2013	55,04	48	Tương đối thấp/Low
2012	53,00	53	Khá/Mid-high
2011	57,62	41	Khá/Mid-high
2010	53,94	49	Khá/Mid-high
2009	58,16	34	Khá/Mid-high
2008	48,18	45	Trung bình/Average
2007	54,59	34	Khá/Mid-high

2 Kết quả 10 chỉ số thành phần PCI 2013-2015



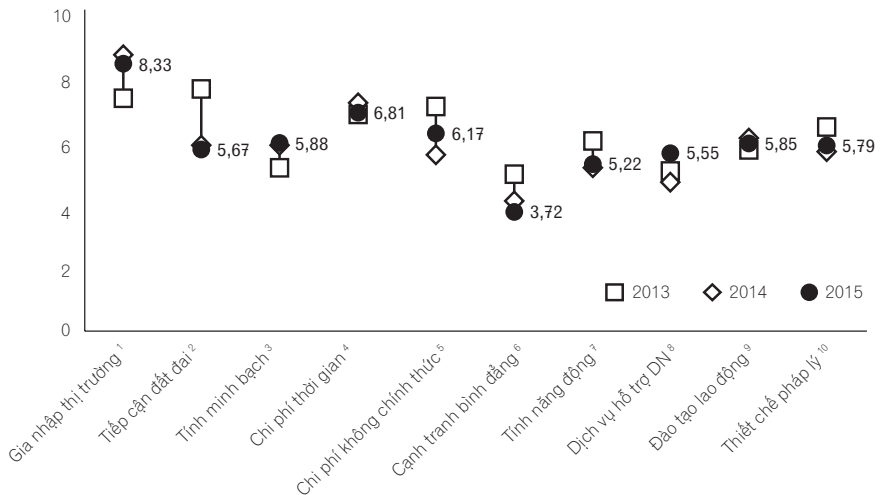
- 1 : Entry Cost
- 2 : Land Access
- 3 : Transparency
- 4 : Time Cost
- 5 : Informal Charges
- 6 : Policy Bias
- 7 : Proactivity
- 8 : Business Support Services
- 9 : Labor Training
- 10: Legal Institutions

Số liệu thể hiện trên hình là số liệu năm 2015
Data shown in Figure are in 2015

1 Tổng hợp kết quả chỉ số PCI 2007-2015

Năm Year	Điểm tổng hợp PCI score	Kết quả xếp hạng PCI ranking	Nhóm điều hành PCI tier
2015	58,49	31	Khá/Mid-high
2014	56,57	45	Trung bình/Mid-low
2013	57,81	32	Khá/Mid-high
2012	51,92	58	Trung bình/Average
2011	51,58	62	Trung bình/Average
2010	52,18	56	Trung bình/Average
2009	56,89	40	Khá/Mid-high
2008	55,13	26	Khá/Mid-high
2007	51,29	46	Trung bình/Average

2 Kết quả 10 chỉ số thành phần PCI 2013-2015



- 1 : Entry Cost
 2 : Land Access
 3 : Transparency
 4 : Time Cost
 5 : Informal Charges

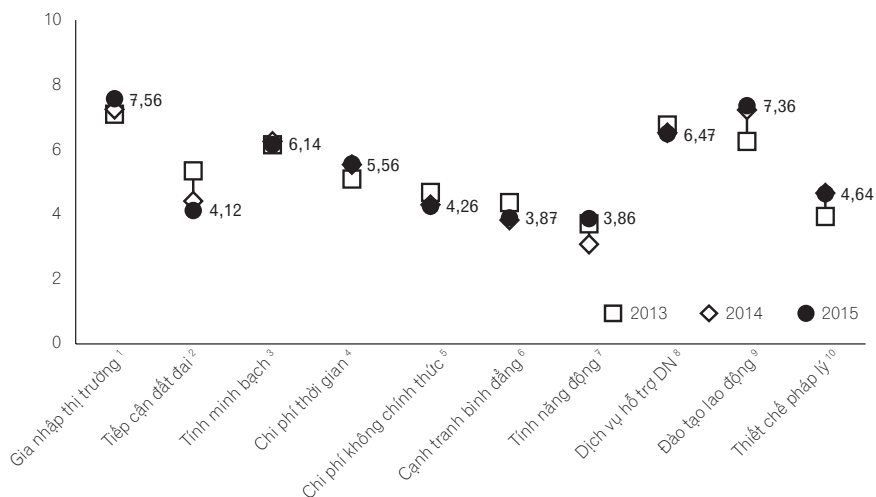
- 6 : Policy Bias
 7 : Proactivity
 8 : Business Support Services
 9 : Labor Training
 10: Legal Institutions

Số liệu thể hiện trên hình là số liệu năm 2015
 Data shown in Figure are in 2015

1 Tổng hợp kết quả chỉ số PCI 2007-2015

Năm Year	Điểm tổng hợp PCI score	Kết quả xếp hạng PCI ranking	Nhóm điều hành PCI tier
2015	59,00	24	Khá/Mid-high
2014	58,89	26	Khá/Mid-high
2013	57,67	33	Khá/Mid-high
2012	53,40	51	Khá/Mid-high
2011	58,28	36	Khá/Mid-high
2010	55,73	43	Khá/Mid-high
2009	58,18	33	Khá/Mid-high
2008	53,74	31	Trung bình/Average
2007	56,73	27	Khá/Mid-high

2 Kết quả 10 chỉ số thành phần PCI 2013-2015



1 : Entry Cost
 2 : Land Access
 3 : Transparency
 4 : Time Cost
 5 : Informal Charges

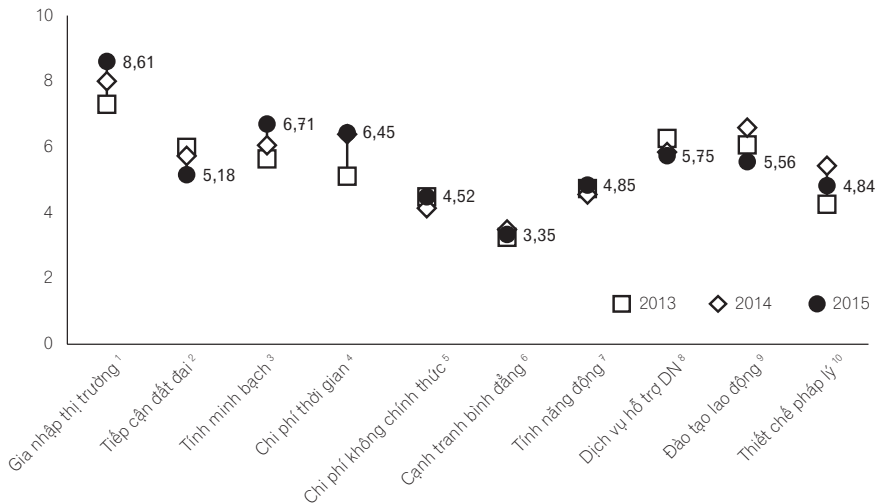
6 : Policy Bias
 7 : Proactivity
 8 : Business Support Services
 9 : Labor Training
 10 : Legal Institutions

Số liệu thể hiện trên hình là số liệu năm 2015
 Data shown in Figure are in 2015

1 Tổng hợp kết quả chỉ số PCI 2007-2015

Năm Year	Điểm tổng hợp PCI score	Kết quả xếp hạng PCI ranking	Nhóm điều hành PCI tier
2015	57,20	45	Khá/Mid-high
2014	58,19	35	Khá/Mid-high
2013	55,88	45	Trung bình/Mid-low
2012	56,27	35	Khá/Mid-high
2011	65,97	7	Tốt/High
2010	57,22	37	Khá/Mid-high
2009	55,26	47	Khá/Mid-high
2008	47,48	49	Tương đối thấp/Mid-low
2007	45,56	57	Tương đối thấp/Mid-low

2 Kết quả 10 chỉ số thành phần PCI 2013-2015



- 1 : Entry Cost
 2 : Land Access
 3 : Transparency
 4 : Time Cost
 5 : Informal Charges

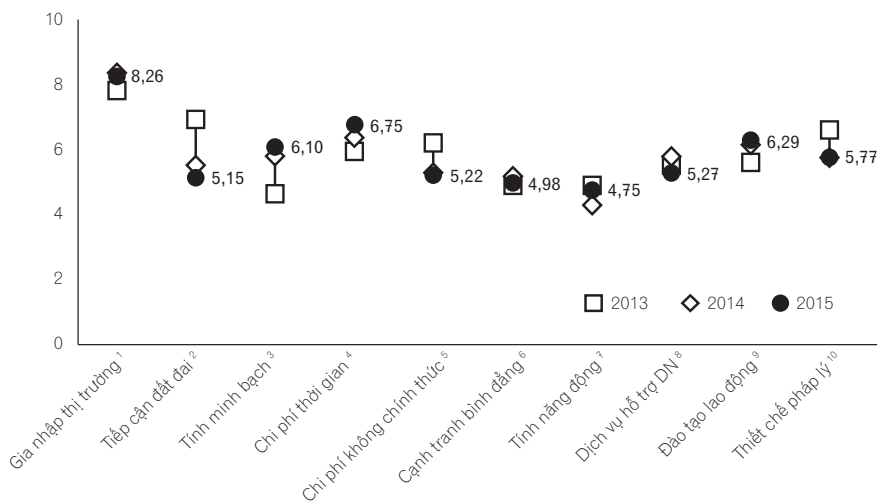
- 6 : Policy Bias
 7 : Proactivity
 8 : Business Support Services
 9 : Labor Training
 10: Legal Institutions

Số liệu thể hiện trên hình là số liệu năm 2015
 Data shown in Figure are in 2015

1 Tổng hợp kết quả chỉ số PCI 2007-2015

Năm Year	Điểm tổng hợp PCI score	Kết quả xếp hạng PCI ranking	Nhóm điều hành PCI tier
2015	58,37	34	Khá/Mid-high
2014	58,63	31	Khá/Mid-high
2013	56,37	41	Trung bình/Mid-low
2012	56,29	33	Khá/Mid-high
2011	58,41	35	Khá/Mid-high
2010	57,51	35	Khá/Mid-high
2009	58,96	29	Khá/Mid-high
2008	54,07	30	Khá/Mid-high
2007	53,22	36	Trung bình/Average

2 Kết quả 10 chỉ số thành phần PCI 2013-2015



- 1 : Entry Cost
- 2 : Land Access
- 3 : Transparency
- 4 : Time Cost
- 5 : Informal Charges

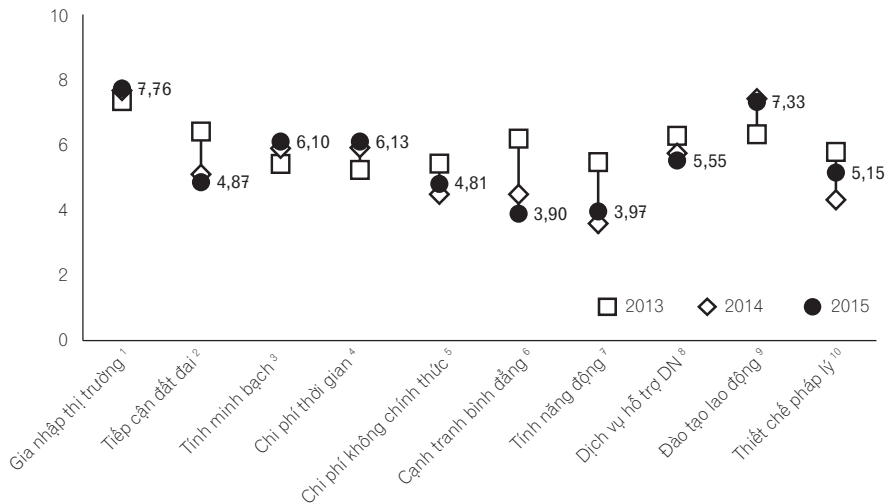
- 6 : Policy Bias
- 7 : Proactivity
- 8 : Business Support Services
- 9 : Labor Training
- 10: Legal Institutions

Số liệu thể hiện trên hình là số liệu năm 2015
Data shown in Figure are in 2015

1 Tổng hợp kết quả chỉ số PCI 2007-2015

Năm Year	Điểm tổng hợp PCI score	Kết quả xếp hạng PCI ranking	Nhóm điều hành PCI tier
2015	58,65	28	Khá/Mid-high
2014	58,25	34	Khá/Mid-high
2013	59,76	15	Khá/Mid-high
2012	53,58	50	Khá/Mid-high
2011	57,07	45	Khá/Mid-high
2010	54,64	48	Khá/Mid-high
2009	57,57	36	Khá/Mid-high
2008	47,68	48	Tương đối thấp/Mid-low
2007	53,19	37	Trung bình/Average

2 Kết quả 10 chỉ số thành phần PCI 2013-2015



1 : Entry Cost
2 : Land Access
3 : Transparency
4 : Time Cost
5 : Informal Charges

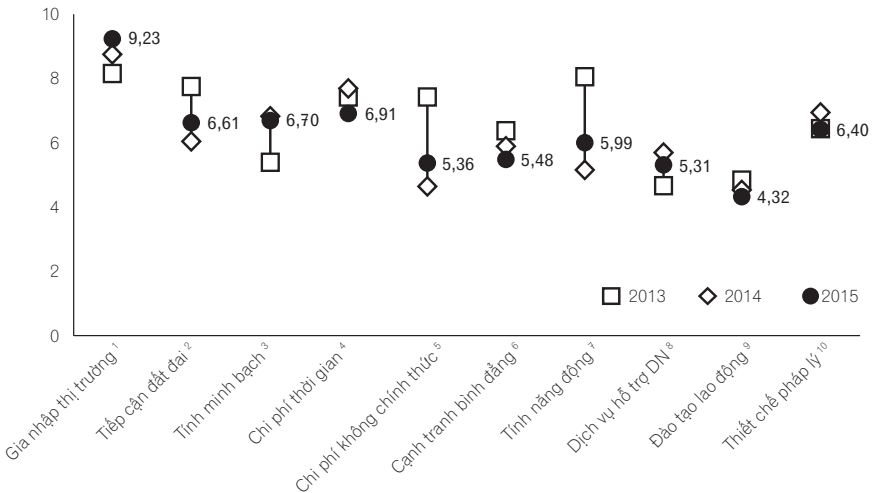
6 : Policy Bias
7 : Proactivity
8 : Business Support Services
9 : Labor Training
10: Legal Institutions

Số liệu thể hiện trên hình là số liệu năm 2015
Data shown in Figure are in 2015

1 Tổng hợp kết quả chỉ số PCI 2007-2015

Năm Year	Điểm tổng hợp PCI score	Kết quả xếp hạng PCI ranking	Nhóm điều hành PCI tier
2015	58,33	36	Khá/Mid-high
2014	58,91	25	Khá/Mid-high
2013	59,29	20	Khá/Mid-high
2012	62,01	11	Tốt/High
2011	57,40	43	Khá/Mid-high
2010	63,91	8	Tốt/High
2009	64,38	13	Tốt/High
2008	55,36	24	Khá/Mid-high
2007	59,41	19	Khá/Mid-high

2 Kết quả 10 chỉ số thành phần PCI 2013-2015



- 1 : Entry Cost
- 2 : Land Access
- 3 : Transparency
- 4 : Time Cost
- 5 : Informal Charges

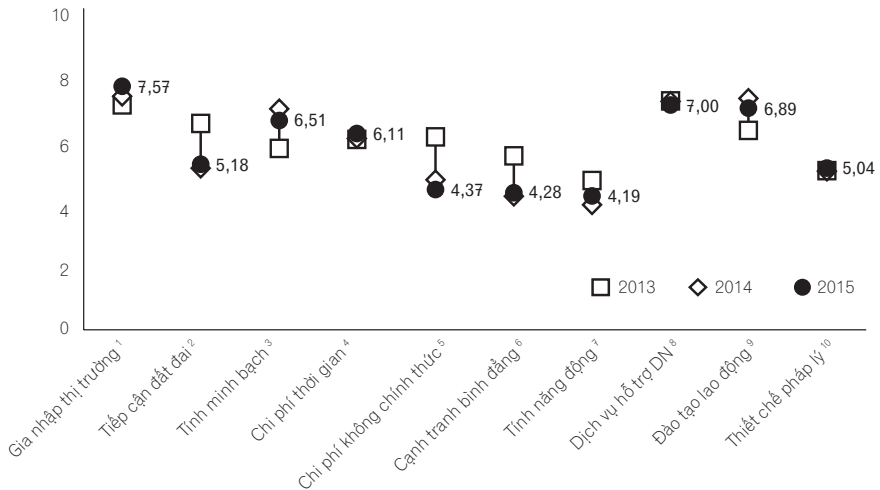
- 6 : Policy Bias
- 7 : Proactivity
- 8 : Business Support Services
- 9 : Labor Training
- 10 : Legal Institutions

Số liệu thể hiện trên hình là số liệu năm 2015
Data shown in Figure are in 2015

1 Tổng hợp kết quả chỉ số PCI 2007-2015

Năm Year	Điểm tổng hợp PCI score	Kết quả xếp hạng PCI ranking	Nhóm điều hành PCI tier
2015	61,36	6	Tốt/High
2014	62,73	4	Rất tốt/Excellent
2013	61,19	10	Tốt/High
2012	61,19	13	Tốt/High
2011	61,93	20	Tốt/High
2010	59,67	23	Khá/Mid-high
2009	63,22	16	Tốt/High
2008	60,15	13	Tốt/High
2007	64,83	10	Tốt/High

2 Kết quả 10 chỉ số thành phần PCI 2013-2015



- 1 : Entry Cost
 2 : Land Access
 3 : Transparency
 4 : Time Cost
 5 : Informal Charges

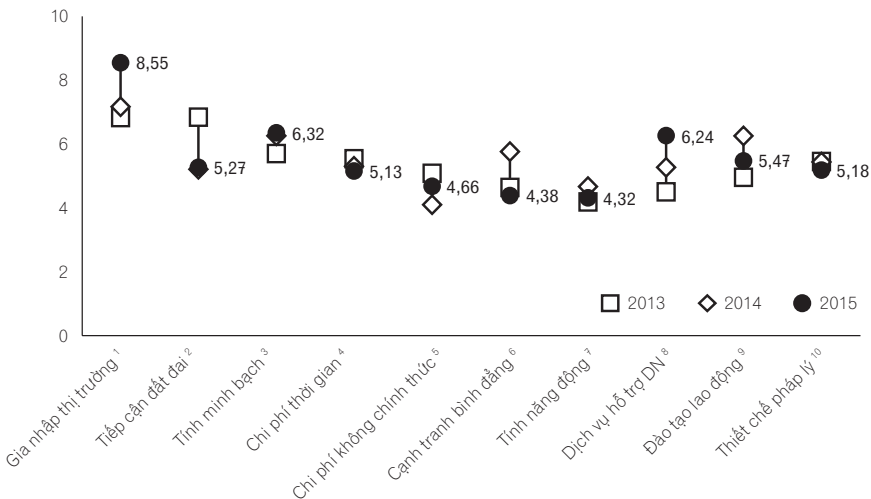
- 6 : Policy Bias
 7 : Proactivity
 8 : Business Support Services
 9 : Labor Training
 10: Legal Institutions

Số liệu thể hiện trên hình là số liệu năm 2015
 Data shown in Figure are in 2015

1 Tổng hợp kết quả chỉ số PCI 2007-2015

Năm Year	Điểm tổng hợp PCI score	Kết quả xếp hạng PCI ranking	Nhóm điều hành PCI tier
2015	57,13	46	Khá/Mid-high
2014	56,57	44	Trung bình/Mid-low
2013	52,15	62	Thấp/Very low
2012	55,51	41	Khá/Mid-high
2011	56,52	47	Khá/Mid-high
2010	49,89	60	Tương đối thấp/Mid-low
2009	47,82	60	Tương đối thấp/Mid-low
2008	48,35	44	Trung bình/Average
2007	50,18	51	Trung bình/Average

2 Kết quả 10 chỉ số thành phần PCI 2013-2015



1 : Entry Cost
2 : Land Access
3 : Transparency
4 : Time Cost
5 : Informal Charges

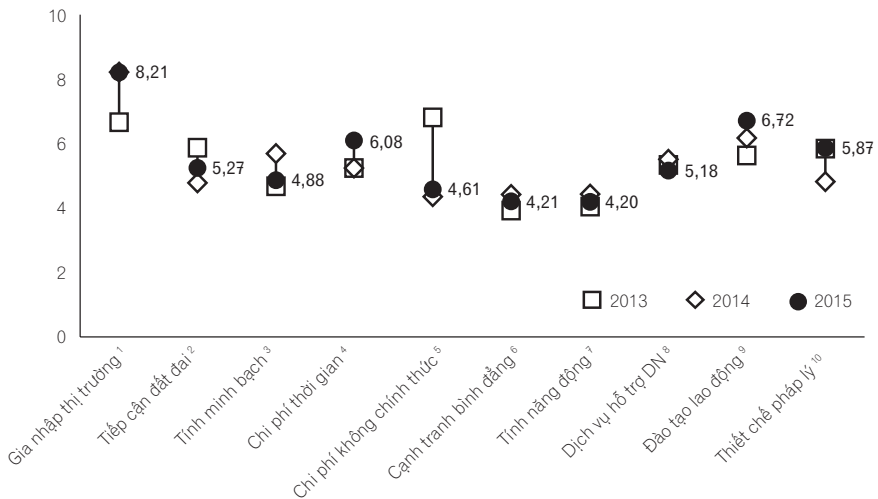
6 : Policy Bias
7 : Proactivity
8 : Business Support Services
9 : Labor Training
10 : Legal Institutions

Số liệu thể hiện trên hình là số liệu năm 2015
Data shown in Figure are in 2015

1 Tổng hợp kết quả chỉ số PCI 2007-2015

Năm Year	Điểm tổng hợp PCI score	Kết quả xếp hạng PCI ranking	Nhóm điều hành PCI tier
2015	55,10	56	Tương đối thấp/Low
2014	55,14	51	Tương đối thấp/Low
2013	53,91	53	Tương đối thấp/Low
2012	58,01	28	Khá/Mid-high
2011	59,29	33	Khá/Mid-high
2010	49,77	61	Tương đối thấp/Mid-low
2009	61,31	24	Khá/Mid-high
2008	57,53	20	Khá/Mid-high
2007	57,47	26	Khá/Mid-high

2 Kết quả 10 chỉ số thành phần PCI 2013-2015



- 1 : Entry Cost
2 : Land Access
3 : Transparency
4 : Time Cost
5 : Informal Charges

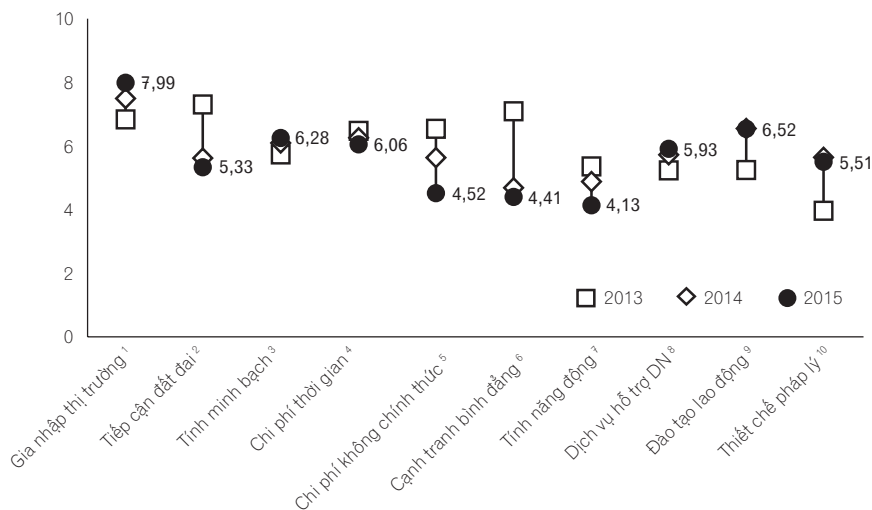
- 6 : Policy Bias
7 : Proactivity
8 : Business Support Services
9 : Labor Training
10: Legal Institutions

Số liệu thể hiện trên hình là số liệu năm 2015
Data shown in Figure are in 2015

1 Tổng hợp kết quả chỉ số PCI 2007-2015

Năm Year	Điểm tổng hợp PCI score	Kết quả xếp hạng PCI ranking	Nhóm điều hành PCI tier
2015	58,69	27	Khá/Mid-high
2014	59,78	16	Khá/Mid-high
2013	57,49	34	Khá/Mid-high
2012	58,82	24	Khá/Mid-high
2011	59,11	34	Khá/Mid-high
2010	56,75	40	Khá/Mid-high
2009	58,66	30	Khá/Mid-high
2008	52,12	36	Trung bình/Average
2007	52,42	40	Trung bình/Average

2 Kết quả 10 chỉ số thành phần PCI 2013-2015



- 1 : Entry Cost
- 2 : Land Access
- 3 : Transparency
- 4 : Time Cost
- 5 : Informal Charges

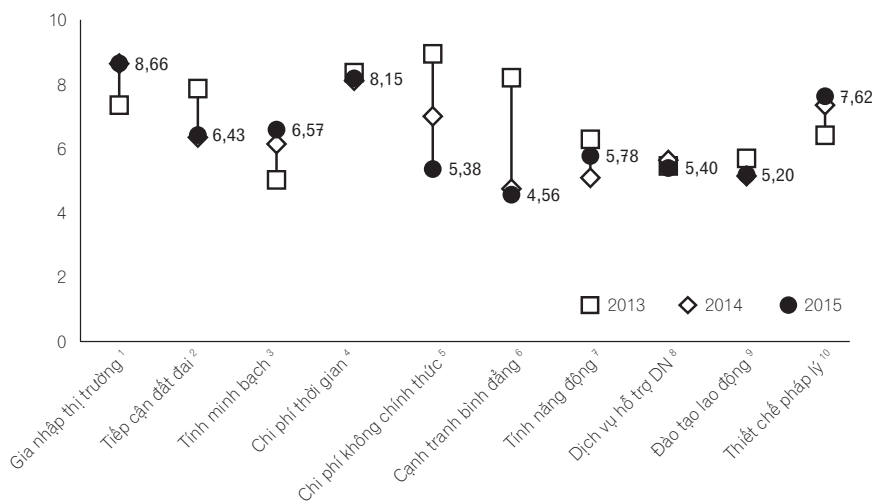
- 6 : Policy Bias
- 7 : Proactivity
- 8 : Business Support Services
- 9 : Labor Training
- 10 : Legal Institutions

Số liệu thể hiện trên hình là số liệu năm 2015
Data shown in Figure are in 2015

1 Tổng hợp kết quả chỉ số PCI 2007-2015

Năm Year	Điểm tổng hợp PCI score	Kết quả xếp hạng PCI ranking	Nhóm điều hành PCI tier
2015	60,31	11	Tốt/High
2014	61,10	9	Tốt/High
2013	63,55	3	Rất tốt/Excellent
2012	62,96	6	Tốt/High
2011	59,98	28	Khá/Mid-high
2010	58,90	27	Khá/Mid-high
2009	63,04	19	Tốt/High
2008	52,25	35	Trung bình/Average
2007	52,82	39	Trung bình/Average

2 Kết quả 10 chỉ số thành phần PCI 2013-2015



- 1 : Entry Cost
2 : Land Access
3 : Transparency
4 : Time Cost
5 : Informal Charges

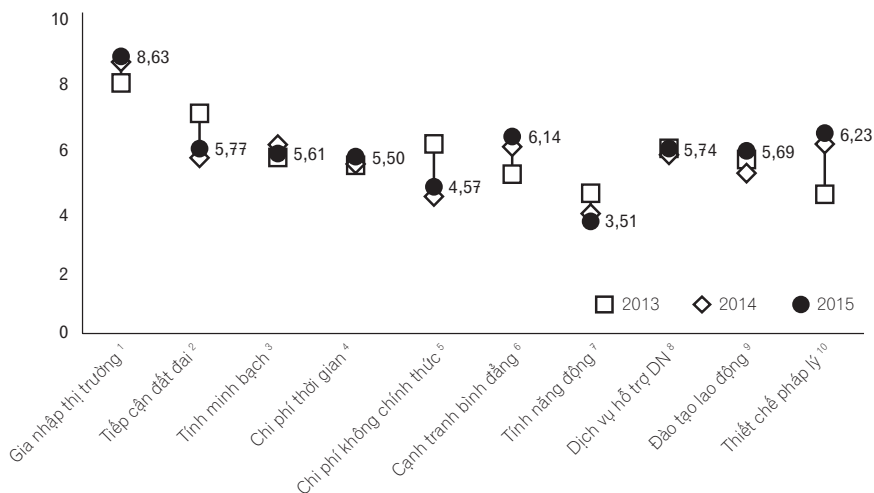
- 6 : Policy Bias
7 : Proactivity
8 : Business Support Services
9 : Labor Training
10: Legal Institutions

Số liệu thể hiện trên hình là số liệu năm 2015
Data shown in Figure are in 2015

1 Tổng hợp kết quả chỉ số PCI 2007-2015

Năm Year	Điểm tổng hợp PCI score	Kết quả xếp hạng PCI ranking	Nhóm điều hành PCI tier
2015	56,55	52	Trung bình/Mid-low
2014	54,66	56	Tương đối thấp/Low
2013	56,04	44	Trung bình/Mid-low
2012	51,39	59	Trung bình/Average
2011	57,10	44	Khá/Mid-high
2010	57,01	39	Khá/Mid-high
2009	54,28	51	Khá/Mid-high
2008	41,94	59	Thấp/Low
2007	44,54	58	Tương đối thấp/Mid-low

2 Kết quả 10 chỉ số thành phần PCI 2013-2015



- 1 : Entry Cost
- 2 : Land Access
- 3 : Transparency
- 4 : Time Cost
- 5 : Informal Charges

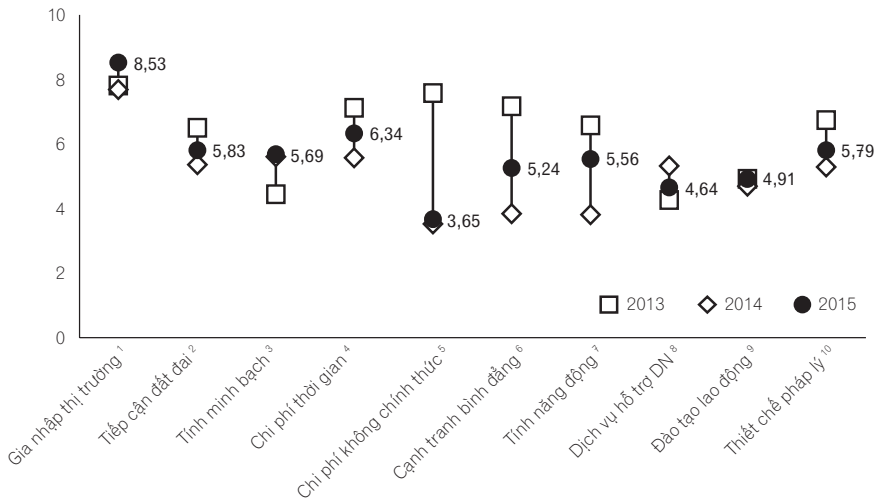
- 6 : Policy Bias
- 7 : Proactivity
- 8 : Business Support Services
- 9 : Labor Training
- 10: Legal Institutions

Số liệu thể hiện trên hình là số liệu năm 2015
Data shown in Figure are in 2015

1 Tổng hợp kết quả chỉ số PCI 2007-2015

Năm Year	Điểm tổng hợp PCI score	Kết quả xếp hạng PCI ranking	Nhóm điều hành PCI tier
2015	52,77	61	Thấp/Very low
2014	50,60	62	Thấp/Very low
2013	55,78	47	Trung bình/Mid-low
2012	52,47	55	Trung bình/Average
2011	60,36	26	Tốt/High
2010	51,77	57	Trung bình/Average
2009	55,55	45	Khá/Mid-high
2008	43,95	58	Tương đối thấp/Mid-low
2007	38,19	63	Thấp/Low

2 Kết quả 10 chỉ số thành phần PCI 2013-2015



- 1 : Entry Cost
2 : Land Access
3 : Transparency
4 : Time Cost
5 : Informal Charges

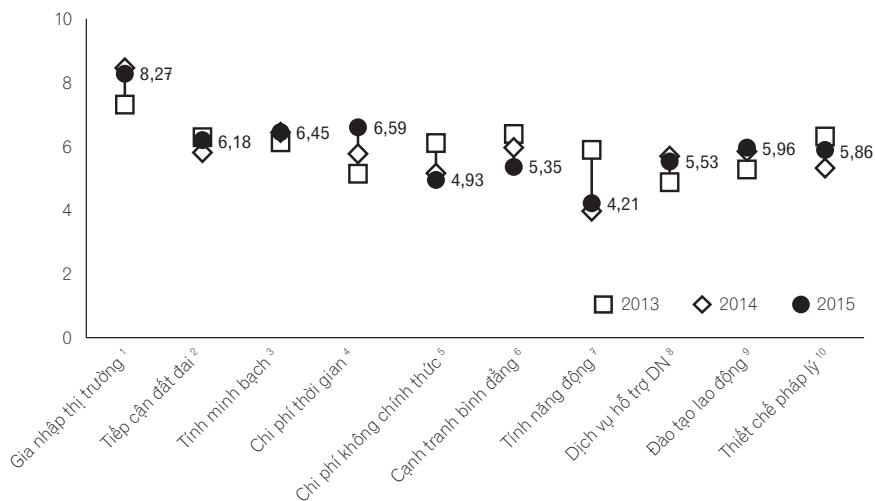
- 6 : Policy Bias
7 : Proactivity
8 : Business Support Services
9 : Labor Training
10: Legal Institutions

Số liệu thể hiện trên hình là số liệu năm 2015
Data shown in Figure are in 2015

1 Tổng hợp kết quả chỉ số PCI 2007-2015

Năm Year	Điểm tổng hợp PCI score	Kết quả xếp hạng PCI ranking	Nhóm điều hành PCI tier
2015	59,04	21	Khá/Mid-high
2014	58,79	29	Khá/Mid-high
2013	57,22	36	Khá/Mid-high
2012	52,84	54	Trung bình/Average
2011	51,75	61	Trung bình/Average
2010	58,26	29	Khá/Mid-high
2009	52,93	54	Trung bình/Average
2008	48,10	46	Trung bình/Average
2007	49,85	52	Trung bình/Average

2 Kết quả 10 chỉ số thành phần PCI 2013-2015



- 1 : Entry Cost
- 2 : Land Access
- 3 : Transparency
- 4 : Time Cost
- 5 : Informal Charges

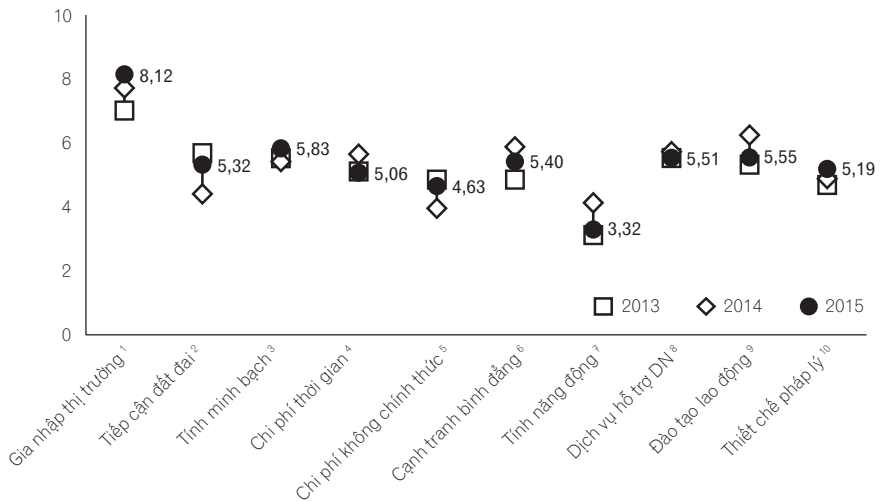
- 6 : Policy Bias
- 7 : Proactivity
- 8 : Business Support Services
- 9 : Labor Training
- 10 : Legal Institutions

Số liệu thể hiện trên hình là số liệu năm 2015
Data shown in Figure are in 2015

1 Tổng hợp kết quả chỉ số PCI 2007-2015

Năm Year	Điểm tổng hợp PCI score	Kết quả xếp hạng PCI ranking	Nhóm điều hành PCI tier
2015	54,61	57	Tương đối thấp/Low
2014	55,05	54	Tương đối thấp/Low
2013	52,76	59	Thấp/Very low
2012	56,29	34	Khá/Mid-high
2011	54,26	53	Khá/Mid-high
2010	50,20	59	Tương đối thấp/Mid-low
2009	52,52	57	Trung bình/Average
2008	45,63	54	Tương đối thấp/Mid-low
2007	43,23	59	Tương đối thấp/Mid-low

2 Kết quả 10 chỉ số thành phần PCI 2013-2015



- 1 : Entry Cost
 2 : Land Access
 3 : Transparency
 4 : Time Cost
 5 : Informal Charges

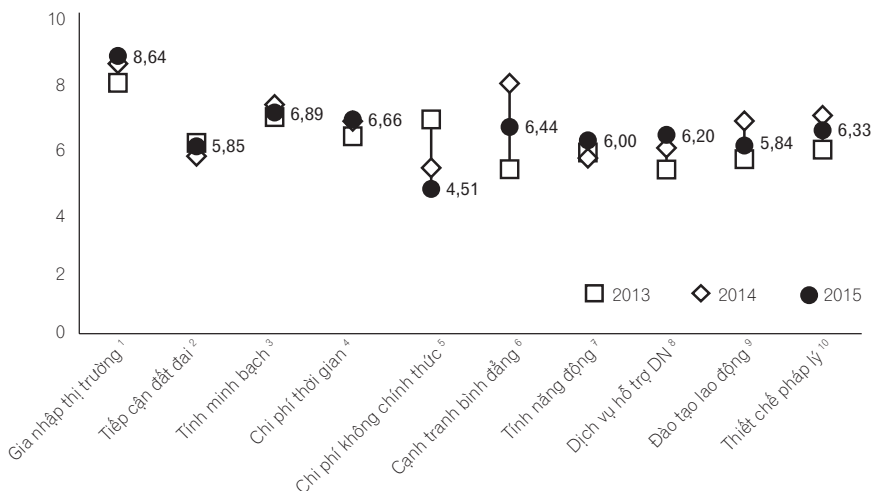
- 6 : Policy Bias
 7 : Proactivity
 8 : Business Support Services
 9 : Labor Training
 10: Legal Institutions

Số liệu thể hiện trên hình là số liệu năm 2015
 Data shown in Figure are in 2015

1 Tổng hợp kết quả chỉ số PCI 2007-2015

Năm Year	Điểm tổng hợp PCI score	Kết quả xếp hạng PCI ranking	Nhóm điều hành PCI tier
2015	62,32	5	Rất Tốt/Excellent
2014	64,67	3	Rất Tốt/Excellent
2013	59,43	17	Khá/Mid-high
2012	63,08	3	Tốt/High
2011	73,53	1	Rất Tốt/Excellent
2010	67,95	2	Tốt/High
2009	70,47	3	Tốt/High
2008	61,22	8	Rất Tốt/Excellent
2007	66,95	5	Tốt/High

2 Kết quả 10 chỉ số thành phần PCI 2013-2015



- 1 : Entry Cost
- 2 : Land Access
- 3 : Transparency
- 4 : Time Cost
- 5 : Informal Charges

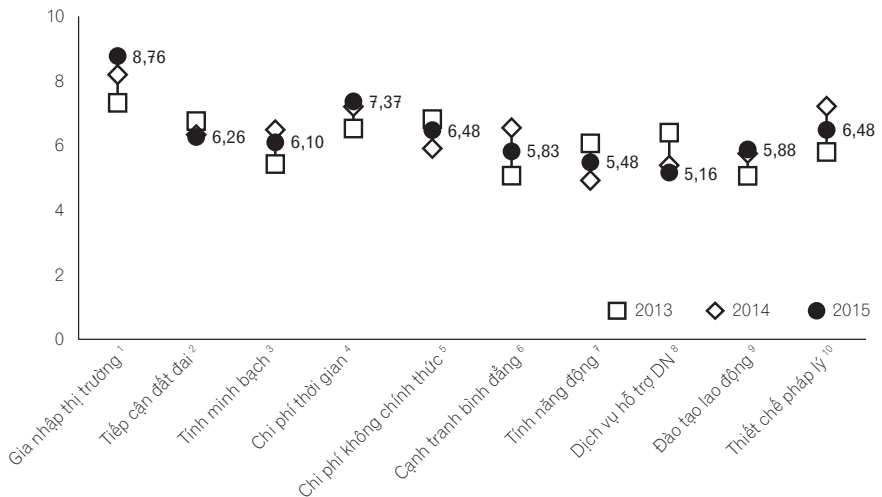
- 6 : Policy Bias
- 7 : Proactivity
- 8 : Business Support Services
- 9 : Labor Training
- 10: Legal Institutions

Số liệu thể hiện trên hình là số liệu năm 2015
Data shown in Figure are in 2015

1 Tổng hợp kết quả chỉ số PCI 2007-2015

Năm Year	Điểm tổng hợp PCI score	Kết quả xếp hạng PCI ranking	Nhóm điều hành PCI tier
2015	60,86	9	Tốt/High
2014	61,37	7	Tốt/High
2013	59,36	19	Khá/Mid-high
2012	60,21	16	Tốt/High
2011	67,12	3	Rất tốt/ Excellent
2010	62,74	12	Tốt/High
2009	64,44	12	Tốt/High
2008	63,99	6	Tốt/High
2007	58,82	21	Khá/Mid-high

2 Kết quả 10 chỉ số thành phần PCI 2013-2015



- 1 : Entry Cost
 2 : Land Access
 3 : Transparency
 4 : Time Cost
 5 : Informal Charges

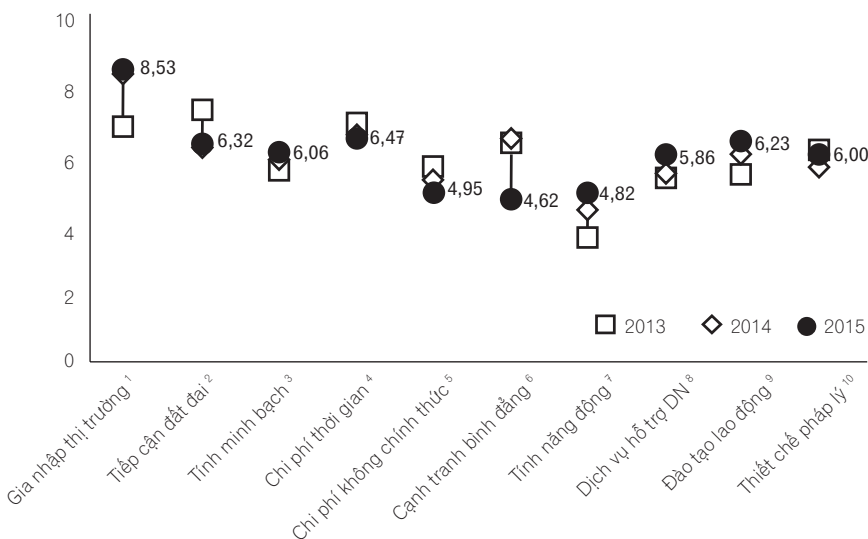
- 6 : Policy Bias
 7 : Proactivity
 8 : Business Support Services
 9 : Labor Training
 10: Legal Institutions

Số liệu thể hiện trên hình là số liệu năm 2015
 Data shown in Figure are in 2015

1 Tổng hợp kết quả chỉ số PCI 2007-2015

Năm Year	Điểm tổng hợp PCI score	Kết quả xếp hạng PCI ranking	Nhóm điều hành PCI tier
2015	59,62	17	Khá/Mid-high
2014	58,52	33	Khá/Mid-high
2013	56,31	42	Trung bình/Mid-low
2012	52,23	56	Trung bình/Average
2011	55,48	48	Khá/Mid-high
2010	55,63	45	Khá/Mid-high
2009	52,60	55	Trung bình/Average
2008	49,52	42	Trung bình/Average
2007	51,76	44	Trung bình/Average

2 Kết quả 10 chỉ số thành phần PCI 2013-2015



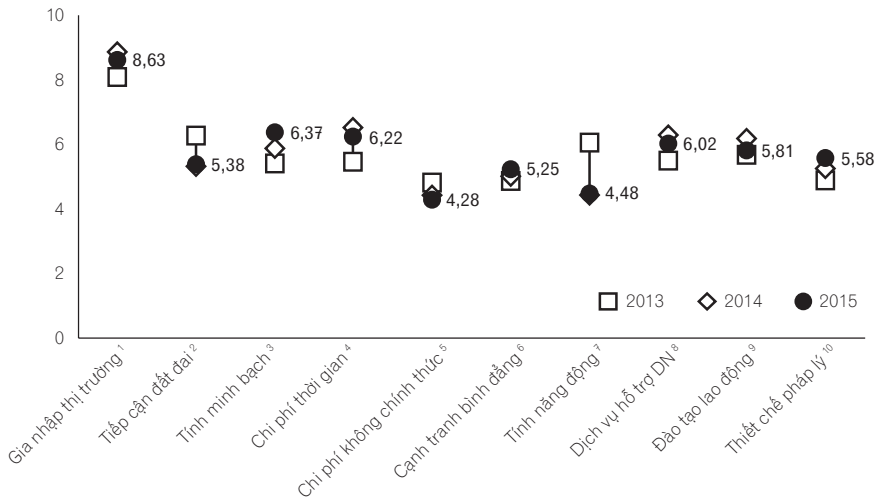
- 1 : Entry Cost
- 2 : Land Access
- 3 : Transparency
- 4 : Time Cost
- 5 : Informal Charges
- 6 : Policy Bias
- 7 : Proactivity
- 8 : Business Support Services
- 9 : Labor Training
- 10 : Legal Institutions

Số liệu thể hiện trên hình là số liệu năm 2015
Data shown in Figure are in 2015

1 Tổng hợp kết quả chỉ số PCI 2007-2015

Năm Year	Điểm tổng hợp PCI score	Kết quả xếp hạng PCI ranking	Nhóm điều hành PCI tier
2015	58,47	32	Khá/Mid-high
2014	58,82	28	Khá/Mid-high
2013	55,83	46	Trung bình/Mid-low
2012	54,36	46	Khá/Mid-high
2011	55,46	49	Khá/Mid-high
2010	52,38	54	Trung bình/Average
2009	52,56	56	Trung bình/Average
2008	48,46	43	Trung bình/Average
2007	49,76	53	Trung bình/Average

2 Kết quả 10 chỉ số thành phần PCI 2013-2015



- 1 : Entry Cost
 2 : Land Access
 3 : Transparency
 4 : Time Cost
 5 : Informal Charges

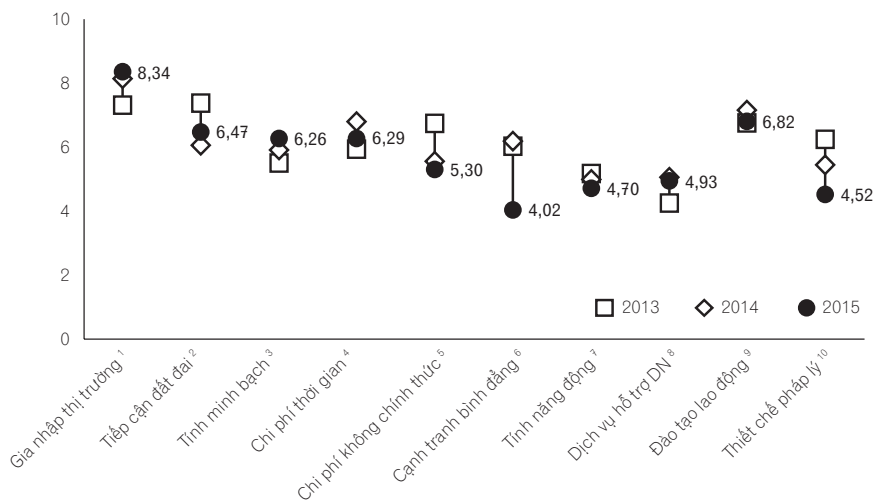
- 6 : Policy Bias
 7 : Proactivity
 8 : Business Support Services
 9 : Labor Training
 10: Legal Institutions

Số liệu thể hiện trên hình là số liệu năm 2015
 Data shown in Figure are in 2015

1 Tổng hợp kết quả chỉ số PCI 2007-2015

Năm Year	Điểm tổng hợp PCI score	Kết quả xếp hạng PCI ranking	Nhóm điều hành PCI tier
2015	58,51	30	Khá/Mid-high
2014	60,75	11	Tốt/High
2013	58,71	28	Khá/Mid-high
2012	58,87	23	Khá/Mid-high
2011	61,12	21	Tốt/High
2010	62,85	11	Tốt/High
2009	58,31	32	Khá/Mid-high
2008	56,14	23	Khá/Mid-high
2007	57,67	24	Khá/Mid-high

2 Kết quả 10 chỉ số thành phần PCI 2013-2015



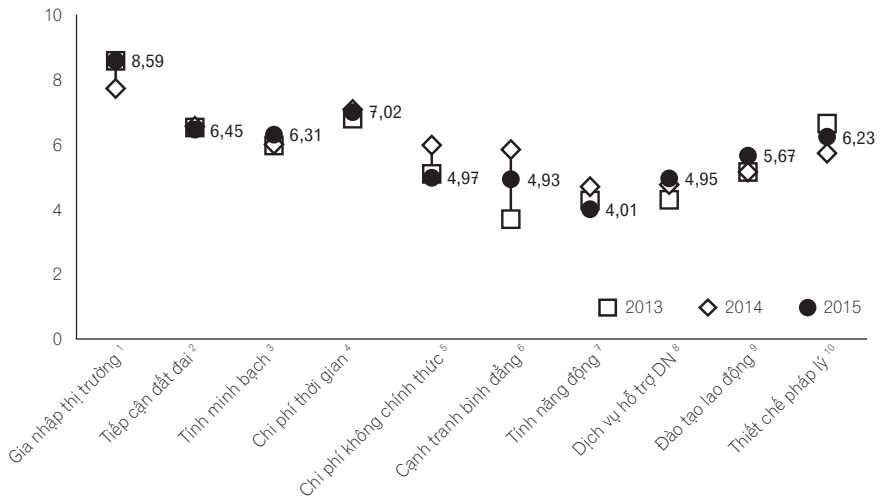
- 1 : Entry Cost
- 2 : Land Access
- 3 : Transparency
- 4 : Time Cost
- 5 : Informal Charges
- 6 : Policy Bias
- 7 : Proactivity
- 8 : Business Support Services
- 9 : Labor Training
- 10: Legal Institutions

Số liệu thể hiện trên hình là số liệu năm 2015
Data shown in Figure are in 2015

1 Tổng hợp kết quả chỉ số PCI 2007-2015

Năm Year	Điểm tổng hợp PCI score	Kết quả xếp hạng PCI ranking	Nhóm điều hành PCI tier
2015	57,45	42	Khá/Mid-high
2014	56,88	43	Trung bình/Mid-low
2013	54,22	52	Tương đối thấp/Low
2012	59,76	18	Khá/Mid-high
2011	57,00	46	Khá/Mid-high
2010	56,61	41	Khá/Mid-high
2009	54,91	48	Khá/Mid-high
2008	47,82	47	Tương đối thấp/Mid-low
2007	47,33	55	Tương đối thấp/Mid-low

2 Kết quả 10 chỉ số thành phần PCI 2013-2015



1 : Entry Cost
 2 : Land Access
 3 : Transparency
 4 : Time Cost
 5 : Informal Charges

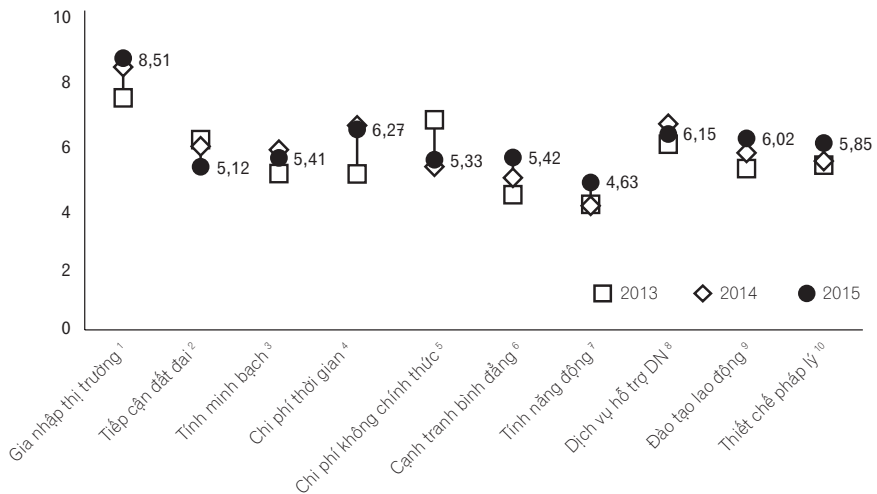
6 : Policy Bias
 7 : Proactivity
 8 : Business Support Services
 9 : Labor Training
 10: Legal Institutions

Số liệu thể hiện trên hình là số liệu năm 2015
 Data shown in Figure are in 2015

1 Tổng hợp kết quả chỉ số PCI 2007-2015

Năm Year	Điểm tổng hợp PCI score	Kết quả xếp hạng PCI ranking	Nhóm điều hành PCI tier
2015	58,37	35	Khá/Mid-high
2014	57,72	39	Khá/Mid-high
2013	53,91	54	Tương đối thấp/Low
2012	55,54	40	Khá/Mid-high
2011	60,31	27	Tốt/High
2010	52,47	53	Trung bình/Average
2009	53,30	53	Khá/Mid-high
2008	52,49	34	Trung bình/Average
2007	55,64	32	Khá/Mid-high

2 Kết quả 10 chỉ số thành phần PCI 2013-2015



1 : Entry Cost
2 : Land Access
3 : Transparency
4 : Time Cost
5 : Informal Charges

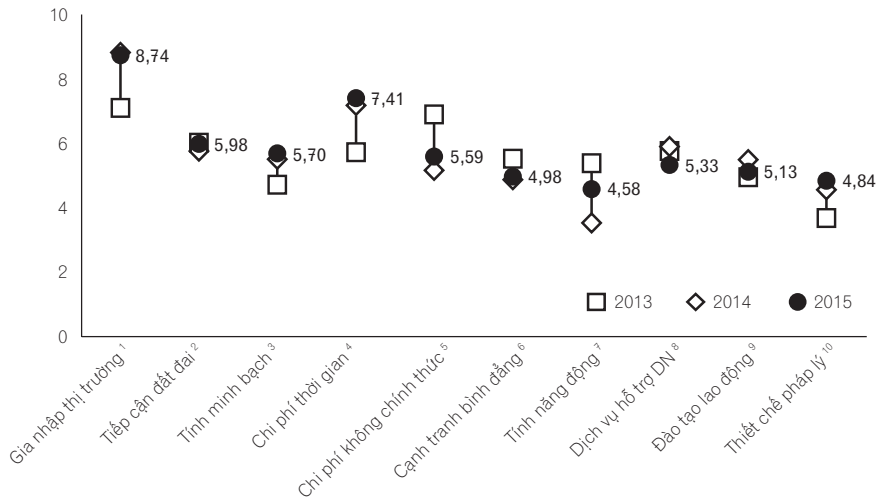
6 : Policy Bias
7 : Proactivity
8 : Business Support Services
9 : Labor Training
10 : Legal Institutions

Số liệu thể hiện trên hình là số liệu năm 2015
Data shown in Figure are in 2015

1 Tổng hợp kết quả chỉ số PCI 2007-2015

Năm Year	Điểm tổng hợp PCI score	Kết quả xếp hạng PCI ranking	Nhóm điều hành PCI tier
2015	56,15	55	Trung bình/Mid-low
2014	56,44	47	Trung bình/Mid-low
2013	54,48	51	Tương đối thấp/ Low
2012	53,36	52	Khá/Mid-high
2011	55,15	50	Khá/Mid-high
2010	58,18	31	Khá/Mid-high
2009	54,77	49	Khá/Mid-high
2008	51,24	39	Trung bình/Average
2007	57,87	23	Khá/Mid-high

2 Kết quả 10 chỉ số thành phần PCI 2013-2015



1 : Entry Cost
2 : Land Access
3 : Transparency
4 : Time Cost
5 : Informal Charges

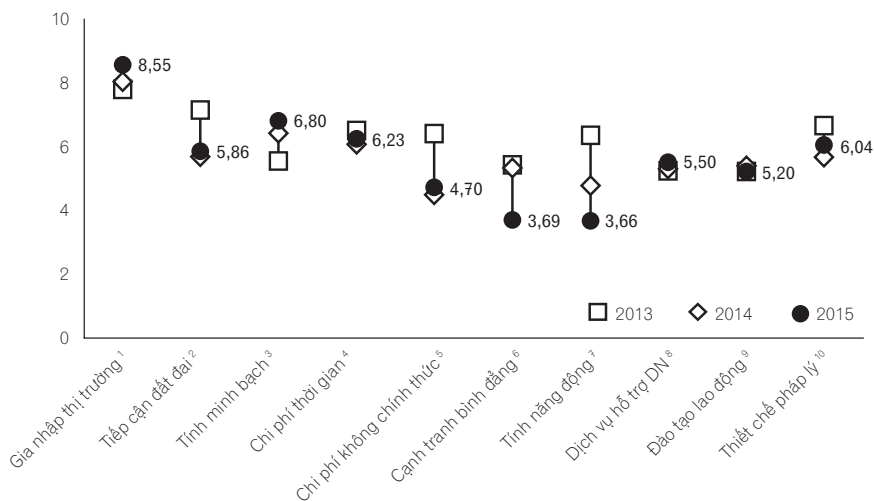
6 : Policy Bias
7 : Proactivity
8 : Business Support Services
9 : Labor Training
10: Legal Institutions

Số liệu thể hiện trên hình là số liệu năm 2015
Data shown in Figure are in 2015

1 Tổng hợp kết quả chỉ số PCI 2007-2015

Năm Year	Điểm tổng hợp PCI score	Kết quả xếp hạng PCI ranking	Nhóm điều hành PCI tier
2015	56,71	50	Trung bình/Mid-low
2014	56,50	46	Trung bình/Mid-low
2013	58,25	29	Khá/Mid-high
2012	55,84	38	Khá/Mid-high
2011	58,16	37	Khá/Mid-high
2010	55,22	46	Khá/Mid-high
2009	55,68	44	Khá/Mid-high
2008	44,17	57	Tương đối thấp/Mid-low
2007	49,51	54	Trung bình/Average

2 Kết quả 10 chỉ số thành phần PCI 2013-2015



- 1 : Entry Cost
- 2 : Land Access
- 3 : Transparency
- 4 : Time Cost
- 5 : Informal Charges

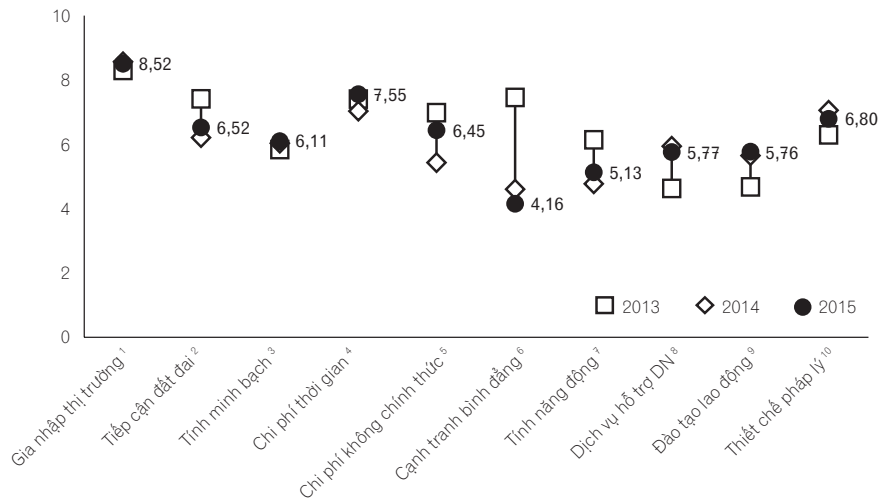
- 6 : Policy Bias
- 7 : Proactivity
- 8 : Business Support Services
- 9 : Labor Training
- 10: Legal Institutions

Số liệu thể hiện trên hình là số liệu năm 2015
Data shown in Figure are in 2015

1 Tổng hợp kết quả chỉ số PCI 2007-2015

Năm Year	Điểm tổng hợp PCI score	Kết quả xếp hạng PCI ranking	Nhóm điều hành PCI tier
2015	61,06	8	Tốt/High
2014	59,97	14	Khá/Mid-high
2013	58,76	27	Khá/Mid-high
2012	60,27	15	Tốt/High
2011	63,40	11	Tốt/High
2010	59,34	26	Khá/Mid-high
2009	61,08	25	Tốt/High
2008	59,97	14	Khá/Mid-high
2007	62,92	13	Tốt/High

2 Kết quả 10 chỉ số thành phần PCI 2013-2015



1 : Entry Cost
2 : Land Access
3 : Transparency
4 : Time Cost
5 : Informal Charges

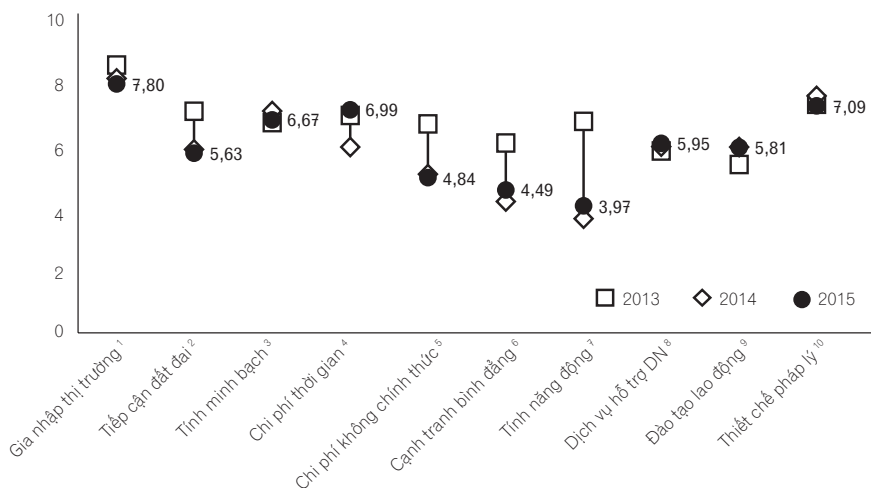
6 : Policy Bias
7 : Proactivity
8 : Business Support Services
9 : Labor Training
10: Legal Institutions

Số liệu thể hiện trên hình là số liệu năm 2015
Data shown in Figure are in 2015

1 Tổng hợp kết quả chỉ số PCI 2007-2015

Năm Year	Điểm tổng hợp PCI score	Kết quả xếp hạng PCI ranking	Nhóm điều hành PCI tier
2015	59,70	15	Khá/Mid-high
2014	59,55	20	Khá/Mid-high
2013	62,60	7	Rất tốt/Excellent
2012	58,33	27	Khá/Mid-high
2011	62,24	18	Tốt/High
2010	52,21	55	Trung bình/Average
2009	52,34	58	Trung bình/Average
2008	50,05	41	Trung bình/Average
2007	51,39	45	Trung bình/Average

2 Kết quả 10 chỉ số thành phần PCI 2013-2015



- 1 : Entry Cost
- 2 : Land Access
- 3 : Transparency
- 4 : Time Cost
- 5 : Informal Charges

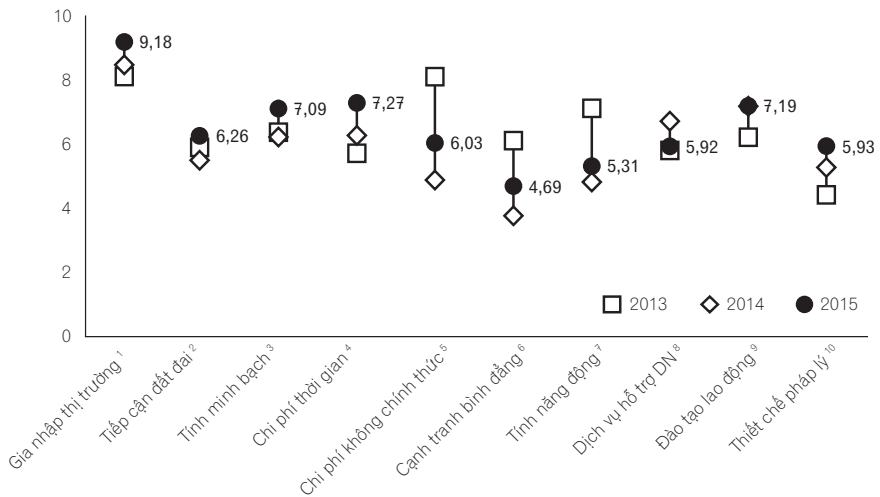
- 6 : Policy Bias
- 7 : Proactivity
- 8 : Business Support Services
- 9 : Labor Training
- 10: Legal Institutions

Số liệu thể hiện trên hình là số liệu năm 2015
Data shown in Figure are in 2015

1 Tổng hợp kết quả chỉ số PCI 2007-2015

Năm Year	Điểm tổng hợp PCI score	Kết quả xếp hạng PCI ranking	Nhóm điều hành PCI tier
2015	65,75	3	Rất tốt/Excellent
2014	62,16	5	Rất tốt/Excellent
2013	63,51	4	Rất tốt/Excellent
2012	59,55	20	Khá/Mid-high
2011	63,25	12	Tốt/High
2010	64,41	7	Tốt/High
2009	60,81	26	Tốt/High
2008	54,70	27	Khá/Mid-high
2007	58,34	22	Khá/Mid-high

2 Kết quả 10 chỉ số thành phần PCI 2013-2015



- 1 : Entry Cost
 2 : Land Access
 3 : Transparency
 4 : Time Cost
 5 : Informal Charges

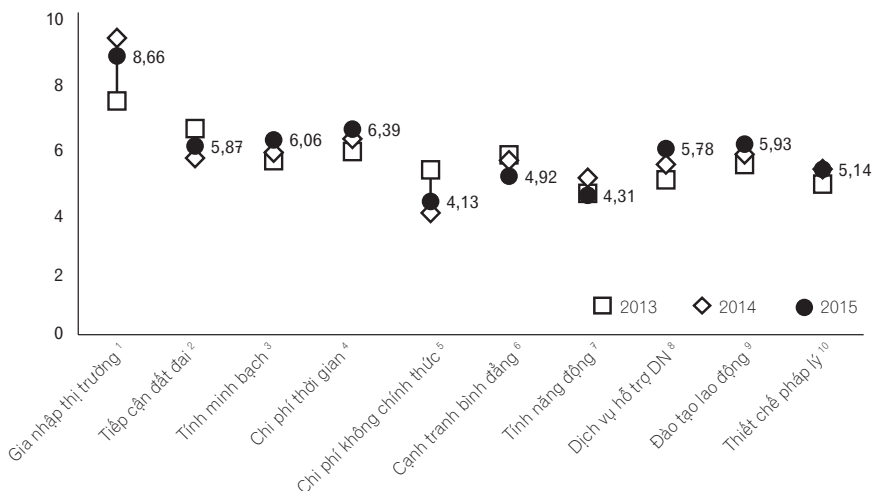
- 6 : Policy Bias
 7 : Proactivity
 8 : Business Support Services
 9 : Labor Training
 10: Legal Institutions

Số liệu thể hiện trên hình là số liệu năm 2015
 Data shown in Figure are in 2015

1 Tổng hợp kết quả chỉ số PCI 2007-2015

Năm Year	Điểm tổng hợp PCI score	Kết quả xếp hạng PCI ranking	Nhóm điều hành PCI tier
2015	57,32	43	Khá/Mid-high
2014	55,07	53	Tương đối thấp/Low
2013	53,13	58	Thấp/Very low
2012	55,91	37	Khá/Mid-high
2011	63,08	13	Tốt/High
2010	61,61	16	Tốt/High
2009	55,32	46	Khá/Mid-high
2008	50,72	40	Trung bình/Average
2007	51,10	47	Trung bình/Average

2 Kết quả 10 chỉ số thành phần PCI 2013-2015



- 1 : Entry Cost
- 2 : Land Access
- 3 : Transparency
- 4 : Time Cost
- 5 : Informal Charges

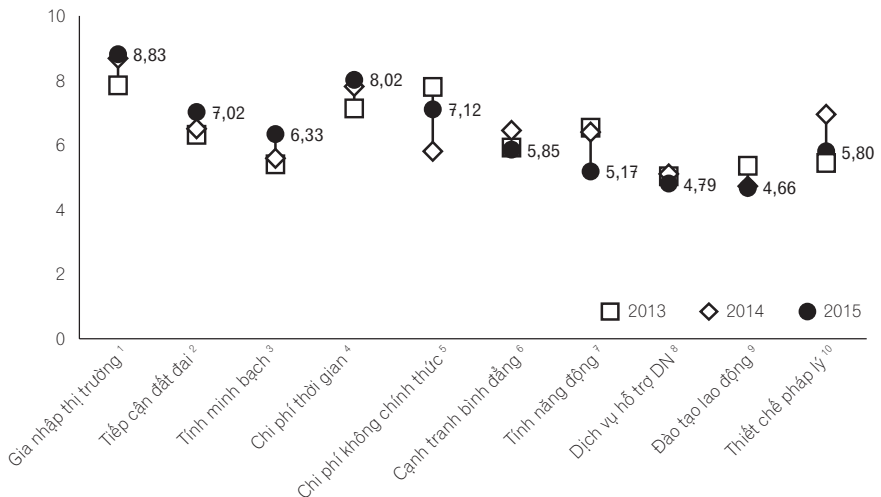
- 6 : Policy Bias
- 7 : Proactivity
- 8 : Business Support Services
- 9 : Labor Training
- 10 : Legal Institutions

Số liệu thể hiện trên hình là số liệu năm 2015
Data shown in Figure are in 2015

1 Tổng hợp kết quả chỉ số PCI 2007-2015

Năm Year	Điểm tổng hợp PCI score	Kết quả xếp hạng PCI ranking	Nhóm điều hành PCI tier
2015	59,04	22	Khá/Mid-high
2014	58,13	36	Khá/Mid-high
2013	58,97	24	Khá/Mid-high
2012	55,01	45	Khá/Mid-high
2011	62,68	15	Tốt/High
2010	61,49	17	Tốt/High
2009	56,63	41	Khá/Mid-high
2008	54,24	29	Khá/Mid-high
2007	64,68	11	Tốt/High

2 Kết quả 10 chỉ số thành phần PCI 2013-2015



- 1 : Entry Cost
 2 : Land Access
 3 : Transparency
 4 : Time Cost
 5 : Informal Charges

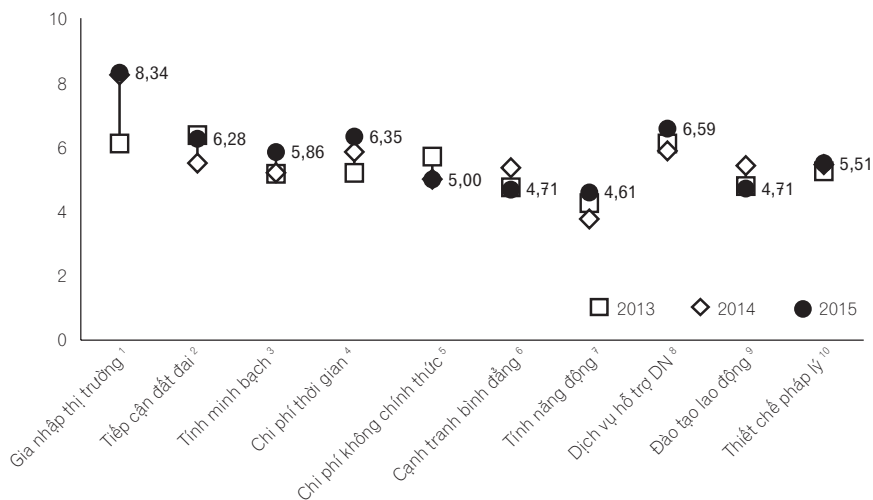
- 6 : Policy Bias
 7 : Proactivity
 8 : Business Support Services
 9 : Labor Training
 10: Legal Institutions

Số liệu thể hiện trên hình là số liệu năm 2015
 Data shown in Figure are in 2015

1 Tổng hợp kết quả chỉ số PCI 2007-2015

Năm Year	Điểm tổng hợp PCI score	Kết quả xếp hạng PCI ranking	Nhóm điều hành PCI tier
2015	57,21	44	Khá/Mid-high
2014	55,28	49	Tương đối thấp/Low
2013	53,86	55	Tương đối thấp/Low
2012	58,99	22	Khá/Mid-high
2011	54,32	52	Khá/Mid-high
2010	49,26	62	Tương đối thấp/Mid-low
2009	53,40	52	Khá/Mid-high
2008	46,60	51	Tương đối thấp/Mid-low
2007	50,35	50	Trung bình/Average

2 Kết quả 10 chỉ số thành phần PCI 2013-2015



1 : Entry Cost
 2 : Land Access
 3 : Transparency
 4 : Time Cost
 5 : Informal Charges

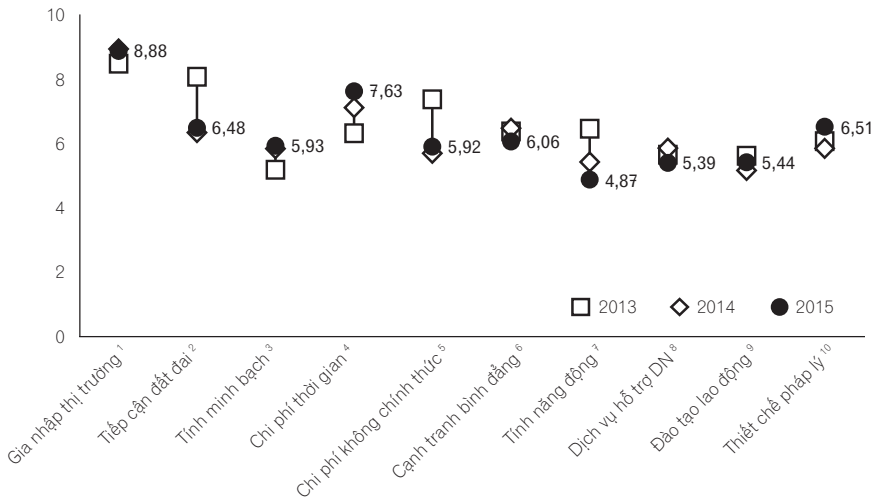
6 : Policy Bias
 7 : Proactivity
 8 : Business Support Services
 9 : Labor Training
 10 : Legal Institutions

Số liệu thể hiện trên hình là số liệu năm 2015
 Data shown in Figure are in 2015

1 Tổng hợp kết quả chỉ số PCI 2007-2015

Năm Year	Điểm tổng hợp PCI score	Kết quả xếp hạng PCI ranking	Nhóm điều hành PCI tier
2015	59,66	16	Khá/Mid-high
2014	59,62	19	Khá/Mid-high
2013	61,15	11	Tốt/High
2012	51,95	57	Trung bình/Average
2011	60,43	25	Tốt/High
2010	57,93	33	Khá/Mid-high
2009	59,03	28	Khá/Mid-high
2008	45,10	56	Tương đối thấp/Mid-low
2007	53,92	35	Trung bình/Average

2 Kết quả 10 chỉ số thành phần PCI 2013-2015



- 1 : Entry Cost
2 : Land Access
3 : Transparency
4 : Time Cost
5 : Informal Charges

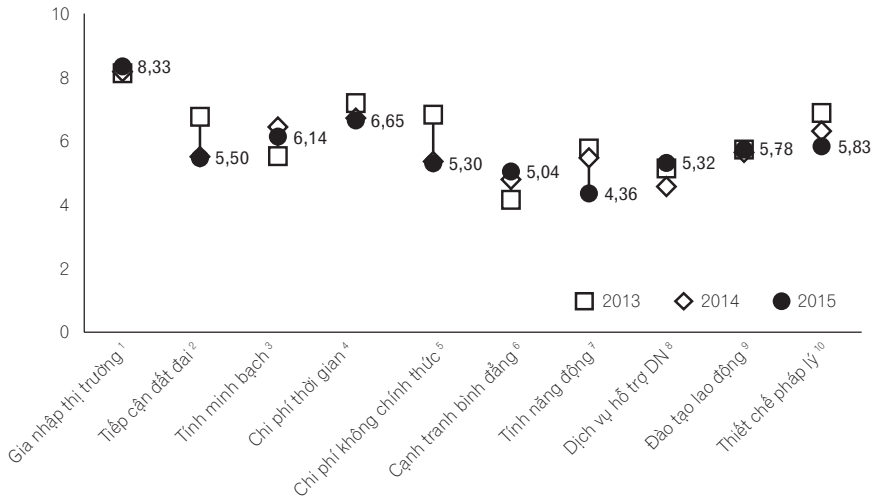
- 6 : Policy Bias
7 : Proactivity
8 : Business Support Services
9 : Labor Training
10 : Legal Institutions

Số liệu thể hiện trên hình là số liệu năm 2015
Data shown in Figure are in 2015

1 Tổng hợp kết quả chỉ số PCI 2007-2015

Năm Year	Điểm tổng hợp PCI score	Kết quả xếp hạng PCI ranking	Nhóm điều hành PCI tier
2015	57,64	38	Khá/Mid-high
2014	57,37	40	Khá/Mid-high
2013	59,10	21	Khá/Mid-high
2012	58,37	25	Khá/Mid-high
2011	53,69	55	Khá/Mid-high
2010	60,04	22	Tốt/High
2009	54,58	50	Khá/Mid-high
2008	54,27	28	Khá/Mid-high
2007	55,99	31	Khá/Mid-high

2 Kết quả 10 chỉ số thành phần PCI 2013-2015



1 : Entry Cost
 2 : Land Access
 3 : Transparency
 4 : Time Cost
 5 : Informal Charges

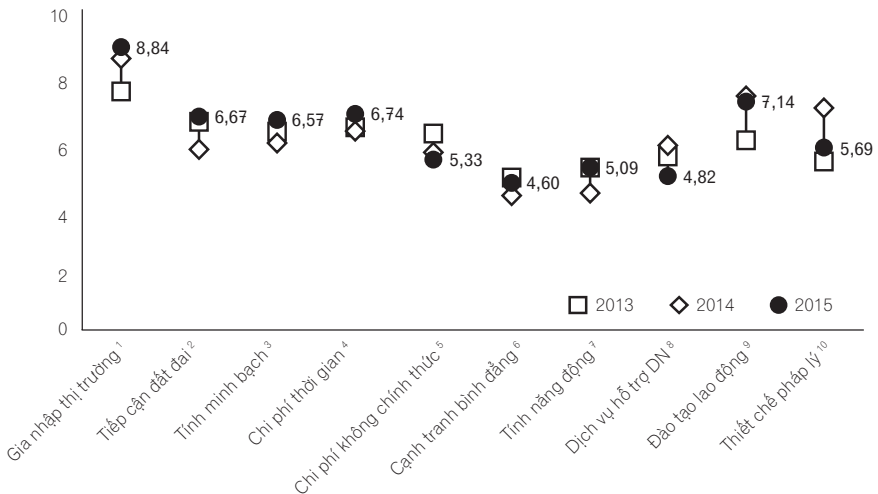
6 : Policy Bias
 7 : Proactivity
 8 : Business Support Services
 9 : Labor Training
 10 : Legal Institutions

Số liệu thể hiện trên hình là số liệu năm 2015
 Data shown in Figure are in 2015

1 Tổng hợp kết quả chỉ số PCI 2007-2015

Năm Year	Điểm tổng hợp PCI score	Kết quả xếp hạng PCI ranking	Nhóm điều hành PCI tier
2015	61,21	7	Tốt/High
2014	61,25	8	Tốt/High
2013	58,96	25	Khá/Mid-high
2012	60,07	17	Tốt/High
2011	53,57	57	Khá/Mid-high
2010	56,54	42	Khá/Mid-high
2009	58,58	31	Khá/Mid-high
2008	46,03	53	Tương đối thấp/Mid-low
2007	52,02	43	Trung bình/Average

2 Kết quả 10 chỉ số thành phần PCI 2013-2015



- 1 : Entry Cost
 2 : Land Access
 3 : Transparency
 4 : Time Cost
 5 : Informal Charges

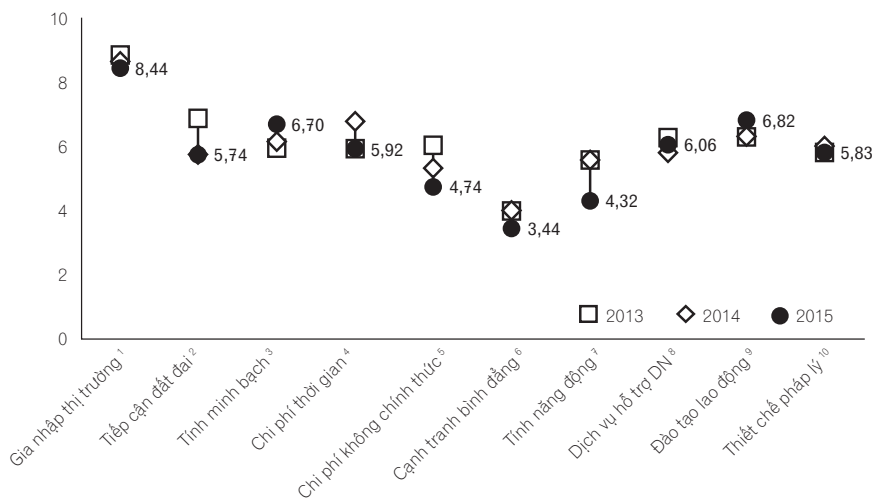
- 6 : Policy Bias
 7 : Proactivity
 8 : Business Support Services
 9 : Labor Training
 10: Legal Institutions

Số liệu thể hiện trên hình là số liệu năm 2015
 Data shown in Figure are in 2015

1 Tổng hợp kết quả chỉ số PCI 2007-2015

Năm Year	Điểm tổng hợp PCI score	Kết quả xếp hạng PCI ranking	Nhóm điều hành PCI tier
2015	60,74	10	Tốt/High
2014	60,33	12	Tốt/High
2013	61,59	8	Tốt/High
2012	55,11	44	Khá/Mid-high
2011	60,62	24	Tốt/High
2010	55,68	44	Khá/Mid-high
2009	57,32	39	Khá/Mid-high
2008	46,22	52	Tương đối thấp/Mid-low
2007	52,82	38	Trung bình/Average

2 Kết quả 10 chỉ số thành phần PCI 2013-2015



1 : Entry Cost
 2 : Land Access
 3 : Transparency
 4 : Time Cost
 5 : Informal Charges

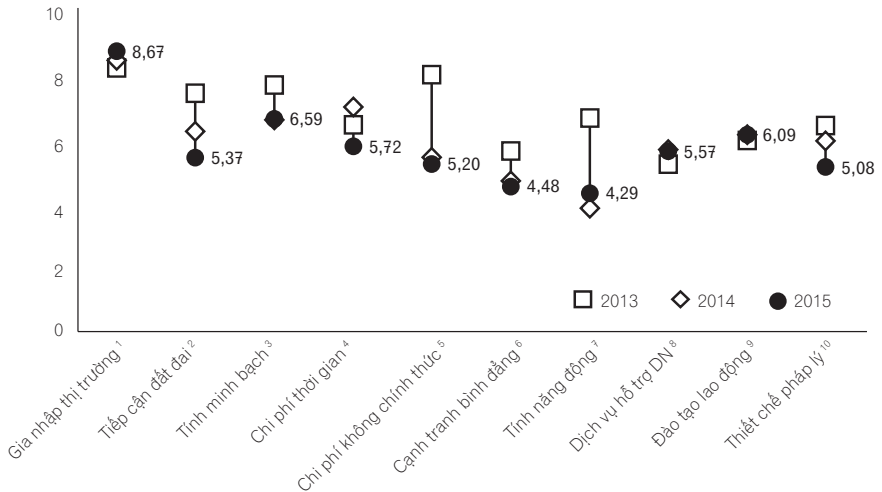
6 : Policy Bias
 7 : Proactivity
 8 : Business Support Services
 9 : Labor Training
 10: Legal Institutions

Số liệu thể hiện trên hình là số liệu năm 2015
 Data shown in Figure are in 2015

1 Tổng hợp kết quả chỉ số PCI 2007-2015

Năm Year	Điểm tổng hợp PCI score	Kết quả xếp hạng PCI ranking	Nhóm điều hành PCI tier
2015	58,52	29	Khá/Mid-high
2014	59,98	13	Khá/Mid-high
2013	65,56	2	Rất tốt/Excellent
2012	57,12	30	Khá/Mid-high
2011	60,95	22	Tốt/High
2010	61,31	18	Tốt/High
2009	64,23	14	Tốt/High
2008	60,71	10	Tốt/High
2007	62,44	15	Tốt/High

2 Kết quả 10 chỉ số thành phần PCI 2013-2015



- 1 : Entry Cost
2 : Land Access
3 : Transparency
4 : Time Cost
5 : Informal Charges

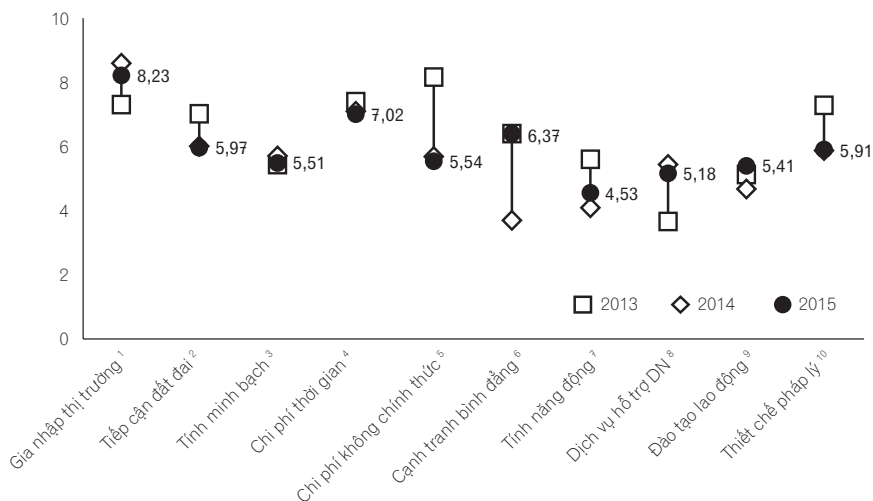
- 6 : Policy Bias
7 : Proactivity
8 : Business Support Services
9 : Labor Training
10: Legal Institutions

Số liệu thể hiện trên hình là số liệu năm 2015
Data shown in Figure are in 2015

1 Tổng hợp kết quả chỉ số PCI 2007-2015

Năm Year	Điểm tổng hợp PCI score	Kết quả xếp hạng PCI ranking	Nhóm điều hành PCI tier
2015	56,74	49	Trung bình/Mid-low
2014	55,11	52	Tương đối thấp/Low
2013	57,19	37	Khá/Mid-high
2012	57,63	29	Khá/Mid-high
2011	59,58	31	Khá/Mid-high
2010	59,63	24	Khá/Mid-high
2009	65,81	9	Tốt/High
2008	57,27	21	Khá/Mid-high
2007	64,63	12	Tốt/High

2 Kết quả 10 chỉ số thành phần PCI 2013-2015



- 1 : Entry Cost
- 2 : Land Access
- 3 : Transparency
- 4 : Time Cost
- 5 : Informal Charges

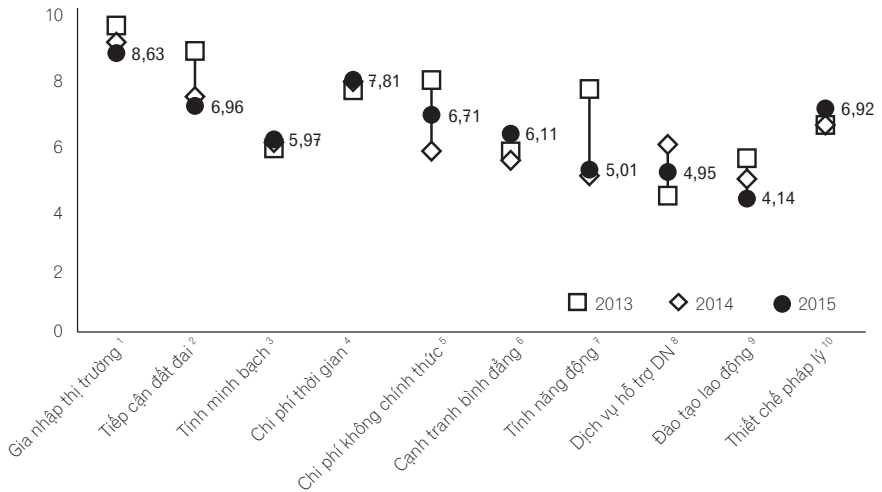
- 6 : Policy Bias
- 7 : Proactivity
- 8 : Business Support Services
- 9 : Labor Training
- 10: Legal Institutions

Số liệu thể hiện trên hình là số liệu năm 2015
Data shown in Figure are in 2015

1 Tổng hợp kết quả chỉ số PCI 2007-2015

Năm Year	Điểm tổng hợp PCI score	Kết quả xếp hạng PCI ranking	Nhóm điều hành PCI tier
2015	57,55	41	Khá/Mid-high
2014	58,58	32	Khá/Mid-high
2013	60,87	13	Tốt/High
2012	62,75	8	Tốt/High
2011	57,56	42	Khá/Mid-high
2010	65,80	4	Tốt/High
2009	63,22	17	Tốt/High
2008	55,17	25	Khá/Mid-high
2007	56,30	28	Khá/Mid-high

2 Kết quả 10 chỉ số thành phần PCI 2013-2015



- 1 : Entry Cost
2 : Land Access
3 : Transparency
4 : Time Cost
5 : Informal Charges

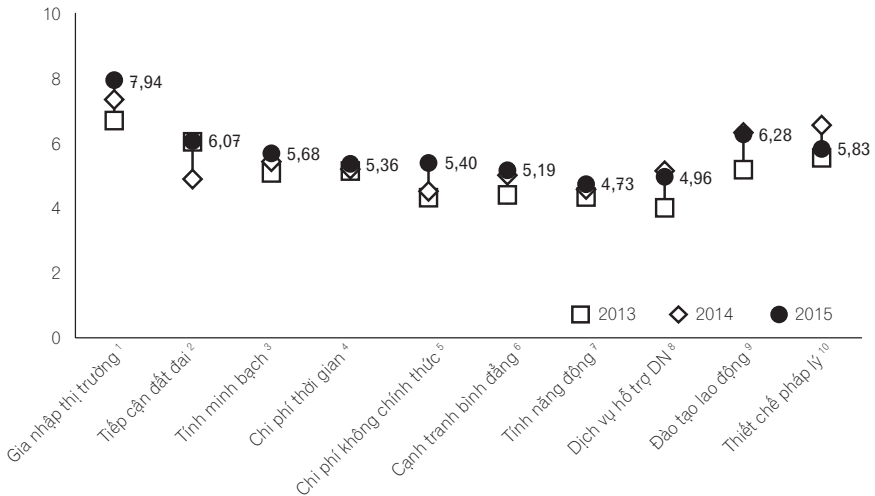
- 6 : Policy Bias
7 : Proactivity
8 : Business Support Services
9 : Labor Training
10: Legal Institutions

Số liệu thể hiện trên hình là số liệu năm 2015
Data shown in Figure are in 2015

1 Tổng hợp kết quả chỉ số PCI 2007-2015

Năm Year	Điểm tổng hợp PCI score	Kết quả xếp hạng PCI ranking	Nhóm điều hành PCI tier
2015	56,81	48	Trung bình/Mid-low
2014	55,20	50	Tương đối thấp/Low
2013	48,98	63	Thấp/Very low
2012	47,81	62	Tương đối thấp/Mid-low
2011	53,67	56	Khá/Mid-high
2010	57,90	34	Khá/Mid-high
2009	57,92	35	Khá/Mid-high
2008	52,00	37	Trung bình/Average
2007	52,13	42	Trung bình/Average

2 Kết quả 10 chỉ số thành phần PCI 2013-2015



- 1 : Entry Cost
- 2 : Land Access
- 3 : Transparency
- 4 : Time Cost
- 5 : Informal Charges

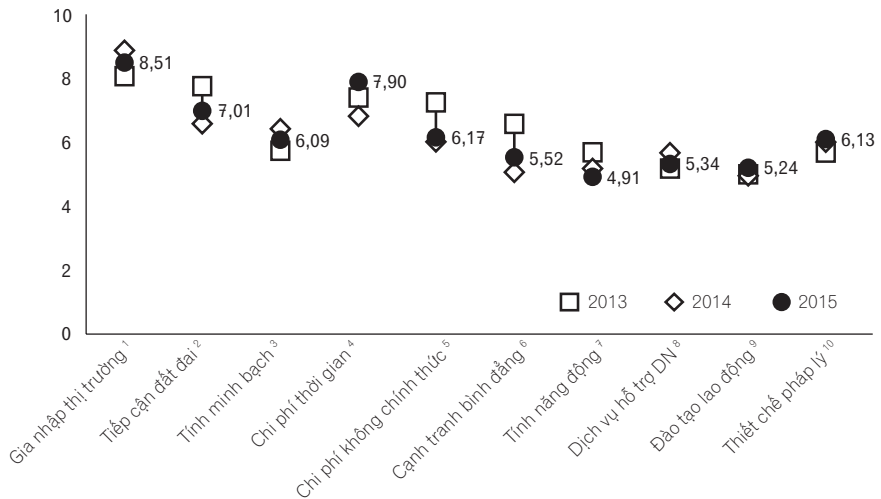
- 6 : Policy Bias
- 7 : Proactivity
- 8 : Business Support Services
- 9 : Labor Training
- 10: Legal Institutions

Số liệu thể hiện trên hình là số liệu năm 2015
Data shown in Figure are in 2015

1 Tổng hợp kết quả chỉ số PCI 2007-2015

Năm Year	Điểm tổng hợp PCI score	Kết quả xếp hạng PCI ranking	Nhóm điều hành PCI tier
2015	59,49	19	Khá/Mid-high
2014	59,54	21	Khá/Mid-high
2013	59,73	16	Khá/Mid-high
2012	62,97	5	Tốt/High
2011	54,10	54	Khá/Mid-high
2010	63,40	9	Tốt/High
2009	67,24	5	Rất tốt/Excellent
2008	66,97	4	Tốt/High
2007	70,14	3	Rất tốt/Excellent

2 Kết quả 10 chỉ số thành phần PCI 2013-2015



- 1 : Entry Cost
2 : Land Access
3 : Transparency
4 : Time Cost
5 : Informal Charges

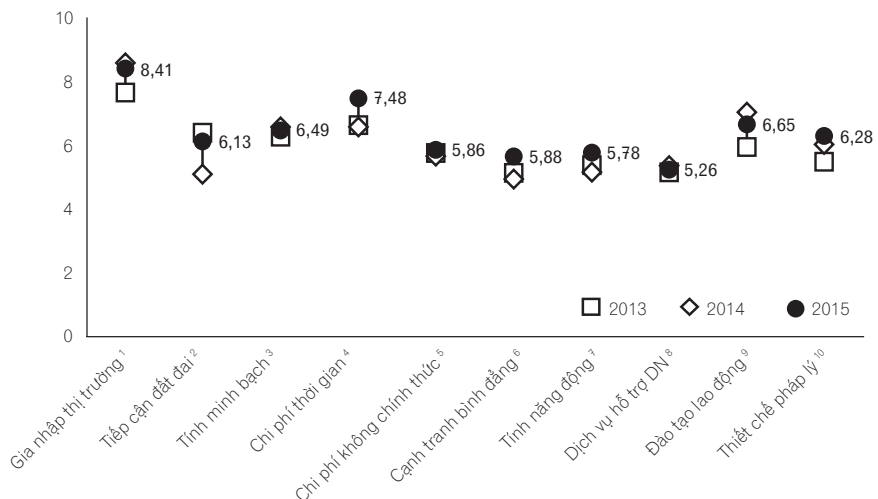
- 6 : Policy Bias
7 : Proactivity
8 : Business Support Services
9 : Labor Training
10: Legal Institutions

Số liệu thể hiện trên hình là số liệu năm 2015
Data shown in Figure are in 2015

1 Tổng hợp kết quả chỉ số PCI 2007-2015

Năm Year	Điểm tổng hợp PCI score	Kết quả xếp hạng PCI ranking	Nhóm điều hành PCI tier
2015	62,56	4	Rất tốt/Excellent
2014	61,81	6	Tốt/High
2013	58,86	26	Khá/Mid-high
2012	55,15	43	Khá/Mid-high
2011	62,57	17	Tốt/High
2010	61,73	15	Tốt/High
2009	66,65	6	Rất tốt/Excellent
2008	69,37	3	Rất tốt/Excellent
2007	66,06	7	Tốt/High

2 Kết quả 10 chỉ số thành phần PCI 2013-2015



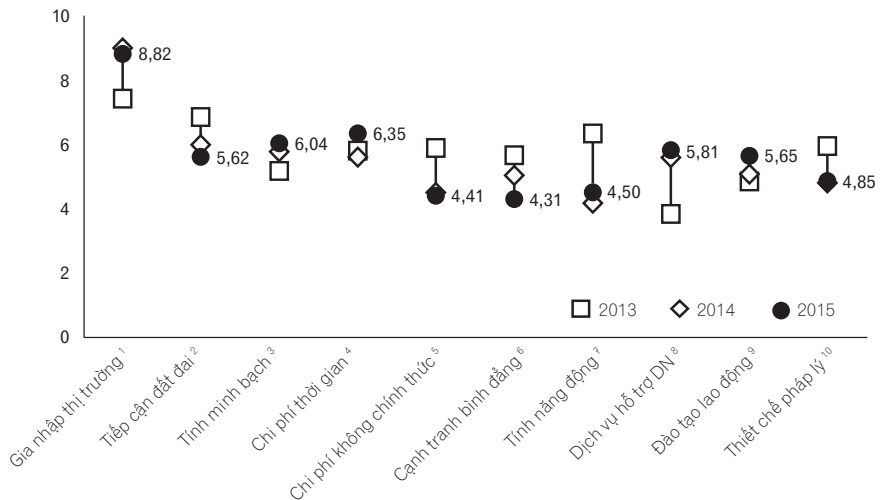
- 1 : Entry Cost
- 2 : Land Access
- 3 : Transparency
- 4 : Time Cost
- 5 : Informal Charges
- 6 : Policy Bias
- 7 : Proactivity
- 8 : Business Support Services
- 9 : Labor Training
- 10 : Legal Institutions

Số liệu thể hiện trên hình là số liệu năm 2015
Data shown in Figure are in 2015

1 Tổng hợp kết quả chỉ số PCI 2007-2015

Năm Year	Điểm tổng hợp PCI score	Kết quả xếp hạng PCI ranking	Nhóm điều hành PCI tier
2015	56,64	51	Trung bình/Mid-low
2014	54,77	55	Tương đối thấp/Low
2013	52,67	60	Thấp/Very low
2012	55,36	42	Khá/Mid-high
2011	63,05	14	Tốt/High
2010	60,16	21	Tốt/High
2009	61,70	23	Tốt/High
2008	57,79	19	Khá/Mid-high
2007	59,73	18	Khá/Mid-high

2 Kết quả 10 chỉ số thành phần PCI 2013-2015



- 1 : Entry Cost
2 : Land Access
3 : Transparency
4 : Time Cost
5 : Informal Charges

- 6 : Policy Bias
7 : Proactivity
8 : Business Support Services
9 : Labor Training
10: Legal Institutions

Số liệu thể hiện trên hình là số liệu năm 2015
Data shown in Figure are in 2015

Giấy đăng ký KHXB-CXB số 798-2016/CXB/07-53/LĐ, QĐXB số: 311/QĐLK-LĐ ngày 24/3/2016

ISBN: 978-604-59-6022-6

Thiết kế Golden Sky Co.,Ltd. | www.goldenskyvn.com